

DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA VÒNG THI CHÍNH THỨC**Kỳ thi chọn HSG thành phố môn Toán và các môn KHTN bằng tiếng Anh năm học 2025-2026***(Kèm theo Thông báo /TB-SGDĐT ngày /02/2026 của Sở GDĐT)*

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1	Nguyễn Hải Yên	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
2	Nguyễn Duy Hiếu	8A3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
3	Nguyễn Bá Đức Hải	8A4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
4	Nguyễn Lê Bảo Hân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
5	Nguyễn Thị Thu Huyền	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
6	Nguyễn Bùi Gia Linh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
7	Hoàng Hải Minh	8A1	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
8	Lương Đức Quang Vinh	8A1	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
9	Nguyễn Long Khánh	8A1	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
10	Lê Tấn Sang	8A1	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
11	Đào Hoàng Vũ	8A1	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
12	Nguyễn Tiến Đạt	8A2	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
13	Trần Gia Huy	11B1	Toán (THPT)	THPT Cát Bà	Đặc khu Cát Hải
14	Phạm Kim Anh	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Cát Hải	Đặc khu Cát Hải
15	Phạm Hà Hoàng Long	11B4	Toán (THPT)	THPT Cát Hải	Đặc khu Cát Hải
16	Nguyễn Nam Khánh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS Đoàn Đức Thái	Đặc khu Cát Hải
17	Đỗ Lê Khánh Vy	8A3	Toán (THCS)	TH-THCS Đoàn Đức Thái	Đặc khu Cát Hải
18	Nguyễn Vũ Hải Long	8A1	Toán (THCS)	TH-THCS Hà Sen	Đặc khu Cát Hải
19	Vũ Phạm Băng Băng	8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS Hiền Hào	Đặc khu Cát Hải
20	Hoàng Tùng Chi	8	Toán (THCS)	TH-THCS Hoàng Châu	Đặc khu Cát Hải
21	Nguyễn Hồng Linh	8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Văn Phong	Đặc khu Cát Hải
22	Vũ Đình Lim	8B4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
23	Huỳnh Trung Hải	8B8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
24	Lê Thanh Hải	8B6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
25	Đặng Bảo Minh	8B6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
26	Tạ Hoàng Anh Tuấn	8B6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
27	Dương Ngọc Ánh	8B7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
28	Hoàng Vân Trang	8B3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
29	Đông Đại Dương	8B3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
30	Lưu Nguyễn Thủy Bích Vân	8B4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
31	Bùi Phú Trọng	8B5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
32	Vũ Thị Thanh Xuân	8B5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
33	Mai Thái Đức	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
34	Nguyễn Đức Hùng	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
35	Hoàng Gia Linh	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
36	Nguyễn Minh Hà	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
37	Nguyễn Hoàng Hải	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Chân	Phường An Biên
38	Trần Thanh Yên	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
39	Nguyễn Hữu Hoàng Dũng	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
40	Vũ Yên Nhi	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
41	Hồ Hoài Anh	8B4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
42	Nguyễn Tuệ Lâm	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
43	Phạm Minh Quyết	8B10	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
44	Nguyễn Ngọc Trường Duy	8B4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
45	Nguyễn Thị Thanh Thủy	8B5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
46	Vũ Hải Long	8B8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
47	Ngô Anh Duy	8B4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
48	Nguyễn Minh Ngọc	8B5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
49	Phạm Ngọc Bảo Trâm	8B7	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
50	Nguyễn Đức Lộc	8B4	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
51	Trần Tuyền Lâm	8B4	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
52	Nguyễn Quang Vũ	8B4	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
53	Vũ An Nhiên	8B4	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
54	Vũ Gia Bảo	8B5	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
55	Nguyễn Duy Anh	8B5	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
56	Tạ Bảo Trang	8B5	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bá Ngọc	Phường An Biên
57	Đoàn Phạm Trang Anh	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
58	Phan Thanh Hoàng	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
59	Phạm Thị Thuý Nga	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
60	Nguyễn Thuý Linh	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
61	Nguyễn Thành Trung	8B5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
62	Vũ Thị Ngân Thương	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
63	Nguyễn Thế Quân Phước	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
64	Đặng Bảo Trâm	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
65	Đào Hoàng Nhật Minh	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
66	Phạm Nguyễn Minh Nguyệt	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
67	Đỗ Hữu Công Duy	8B3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
68	Nguyễn Lê Thuý Dương	8B3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
69	Phạm Hà Linh	8B3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
70	Hoàng Minh Tú	8B2	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
71	Ngô Quốc Hưng	8B2	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
72	Nguyễn Tuấn Minh	8B3	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
73	Trần Tuấn Minh	8B3	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
74	Đỗ Quốc Khanh	8B5	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
75	Trần Vũ Hải Đăng	8B5	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Niệm	Phường An Biên
76	Trương Nam Phong	8B10	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
77	Phạm Trần Khánh Linh	8B6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
78	Nguyễn Phương Anh	8B6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
79	Nguyễn Thế Gia Khánh	8B5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
80	Đỗ Minh Quân	8B5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
81	Hoàng Quốc Phong	8B8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
82	Đào Nguyên Bình	8B9	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
83	Nguyễn Thủy Vân	8B9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
84	Trần Ngọc Lâm	7C5	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
85	Nguyễn Tiến Nam	8B5	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
86	Lê Sỹ Tuấn Hải	8B6	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
87	Nguyễn Đức Đan	8B6	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
88	Đặng Minh Thành	8B6	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
89	Đặng Trinh Sơn Tùng	8B7	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
90	Vũ Đức Anh	8B7	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường An Biên
91	Phạm Bảo An	10C1	Sinh học (THPT)	THPT Lê Chân	Phường An Biên
92	Nguyễn Anh Kiệt	11B13	Toán (THPT)	THPT Lê Chân	Phường An Biên
93	Trần Thái Bình	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
94	Lại Đặng Gia Linh	10C9	Sinh học (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
95	Phạm Thị Thanh Bình	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
96	Kim Gia Khánh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
97	Lê Tuấn Phong	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
98	Trịnh Thị Vân Giang	11B10	Sinh học (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
99	Nguyễn Thiên Phúc	11B10	Sinh học (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
100	Trần Lê Phú Đạt	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
101	Mạc Đăng Bảo Nam	11B12	Toán (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
102	Phạm Tiến Đạt	11B2	Toán (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
103	Hoàng Nguyễn Tuấn Hưng	11B3	Toán (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
104	Nguyễn Thu Uyên	11B4	Toán (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
105	Lê Anh Quân	11B4	Toán (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
106	Hà Huy Nam	11B5	Toán (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
107	Nguyễn Thành Trung	11B6	Toán (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
108	Phạm Quang Minh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
109	Phạm Mai Liên	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
110	Đỗ Đức Bảo	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
111	Lê Tiến Đạt	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
112	Nguyễn Thị Huyền Trang	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên
113	Nguyễn Trường Giang	8C1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
114	Lương Thế Quân	8C1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
115	Đình Tuấn Nghĩa	8C1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
116	Nguyễn Đức Anh	8C1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
117	Vũ Gia Bảo	8C1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
118	Trần Hồng Phúc	8C3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
119	Lê Minh Quân	8C3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
120	Đặng Thùy Trâm	8C6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
121	Phạm Thùy Dương	8C6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
122	Đỗ Trung Nguyên	8C6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
123	Nguyễn Minh Thư	8C7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
124	Nguyễn Bích Ngọc	8C7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
125	Nguyễn Kim Ngân	8C9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
126	Phan Vũ Bích Ngọc	8C9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
127	Lương Phương Vy	8C9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
128	Nguyễn Xuân Anh	8C9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
129	Nguyễn Thị Khánh Chi	8C1	Toán (THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
130	Bùi Ngân Hà	8C1	Toán (THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
131	Nguyễn Hà Anh	8C1	Toán (THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
132	Trần Anh Thư	8C3	Toán (THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
133	Vũ Hoàng Hải	8C9	Toán (THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
134	Trần Nhật Nam	8C9	Toán (THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
135	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	8C9	Toán (THCS)	THCS An Dương	Phường An Dương
136	Hoàng Thanh Mai	8B5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường An Dương

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
137	Lê Văn Khang	8B5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường An Dương
138	Lê Văn Hải Minh	8B5	Toán (THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường An Dương
139	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường An Dương
140	Đỗ Diệu Linh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường An Dương
141	Phạm Nguyên Vũ	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường An Dương
142	Mai Xuân Minh Vũ	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường An Dương
143	Vương Hoàng Quân	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường An Dương
144	Phùng Văn Hưng	8A	Toán (THCS)	THCS Lê Lợi	Phường An Dương
145	Nguyễn Lê Minh	8C2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
146	Nguyễn Trường Giang	8C3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
147	Đỗ Thị Hải Hà	8C3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
148	Trần Duy Hải Phong	8C3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
149	Mai Quang Nghĩa	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
150	Nguyễn Thu Hòa	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
151	Vũ Tuấn Kiệt	8C6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
152	Bùi Nguyễn Tuyết Mai	8C2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
153	Chu Hà My	8C2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
154	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	8C2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
155	Phạm Minh Hằng	8C2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
156	Lê Gia Phúc	8C2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
157	Lê Anh Thái	8C2	Toán (THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
158	Nguyễn Phúc Giang	8C2	Toán (THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
159	Vũ Nam Phong	8C3	Toán (THCS)	THCS Nam Sơn	Phường An Dương
160	Nguyễn Tùng Lâm	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quốc Tuấn	Phường An Dương
161	Nguyễn Lương Minh Huy	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quốc Tuấn	Phường An Dương
162	Trần Thị Vân	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quốc Tuấn	Phường An Dương
163	Vũ Đình Gia Hưng	8A	Toán (THCS)	THCS Quốc Tuấn	Phường An Dương
164	Nguyễn Nhật An	8A	Toán (THCS)	THCS Quốc Tuấn	Phường An Dương

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
165	Nguyễn Thị Thùy Linh	8C	Toán (THCS)	THCS Quốc Tuấn	Phường An Dương
166	Phạm Khánh Long	8B4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
167	Vũ Minh Nguyệt	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
168	Bùi Thảo Vân	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
169	Vũ Bảo Quyên	8B4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
170	Đường Gia Linh	8B5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
171	Lê Nguyễn Bảo Châu	8B4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
172	Lương Quỳnh Trang	8B4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
173	Nguyễn Hoàng Long	7C1	Toán (THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
174	Trần Quốc Bảo	8B5	Toán (THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
175	Trần Ngọc Hà	8B5	Toán (THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
176	Nguyễn Vũ Khánh Chi	8B5	Toán (THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
177	Trần Hải Phong	8B5	Toán (THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
178	Phạm Hải Yến	8B5	Toán (THCS)	THCS Tân Tiến	Phường An Dương
179	Nguyễn Việt Anh	10C3	Hóa học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
180	Nguyễn Gia Minh	11B3	Hóa học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
181	Đỗ Như Nam Khánh	11B3	Hóa học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
182	Dương Khánh Linh	11B3	Hóa học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
183	Vũ Đình Thế Vinh	11B4	Hóa học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
184	Trần Phương Linh	11B6	Hóa học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
185	Hoàng Minh Tiến	11B6	Hóa học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
186	Đỗ Tiến Đạt	11B6	Hóa học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
187	Đặng Thị Hải Anh	11B13	Sinh học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
188	Nguyễn Thanh Thành Đạt	11B2	Sinh học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
189	Vũ Đặng Hải Sơn	11B2	Sinh học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
190	Trần Đình Quang Vinh	11B3	Sinh học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
191	Đoàn Bảo Khánh	11B3	Sinh học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
192	Lê Nhật Huy	11B3	Sinh học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
193	Nguyễn Ngọc Hân	11B3	Sinh học (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
194	Vũ Ngọc Minh Khôi	11B3	Toán (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
195	Phạm Đức Minh	11B3	Toán (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
196	Bùi Gia Khải	11B3	Toán (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
197	Nguyễn Quang Duy	11B3	Toán (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
198	Khuất Minh Dương	11B3	Toán (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
199	Đoàn Đức Lộc	11B3	Toán (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
200	Phạm Minh Thiện	11B6	Toán (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
201	Bùi Anh Minh	11B6	Toán (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
202	Đỗ Nhật Tài	11B1	Vật lí (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
203	Vũ Thị Thủy Chi	11B1	Vật lí (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
204	Lê Tùng Lâm	11B12	Vật lí (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
205	Phạm Văn Phong	11B3	Vật lí (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
206	Nguyễn Trường Giang	11B3	Vật lí (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
207	Vũ Đức Hoàng	11B3	Vật lí (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
208	Phan Đức Anh	11B3	Vật lí (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
209	Ngô Phú Trường	11B6	Vật lí (THPT)	THPT An Dương	Phường An Dương
210	Vũ Hải Đăng	8B7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Đồng	Phường An Hải
211	Trần Ngọc Tuệ Tâm	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Đồng	Phường An Hải
212	Đỗ Minh Quân	8B6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Đồng	Phường An Hải
213	Trần Duy An	8B6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Đồng	Phường An Hải
214	Nguyễn Vũ Bảo Châu	8B6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Đồng	Phường An Hải
215	Nguyễn Thị Hoài An	8B2	Toán (THCS)	THCS An Đồng	Phường An Hải
216	Vũ Hà Gia Bảo	8B7	Toán (THCS)	THCS An Đồng	Phường An Hải
217	Lương Thanh Tùng	8B7	Toán (THCS)	THCS An Đồng	Phường An Hải
218	Phạm Ngọc Bảo Anh	8B3	Toán (THCS)	THCS Đồng Thái	Phường An Hải
219	Phạm Minh Anh	8B3	Toán (THCS)	THCS Đồng Thái	Phường An Hải
220	Nguyễn Hoàng Lâm	8B3	Toán (THCS)	THCS Đồng Thái	Phường An Hải
221	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	8B3	Toán (THCS)	THCS Đồng Thái	Phường An Hải
222	Hoàng Nam Phong	8B3	Toán (THCS)	THCS Đồng Thái	Phường An Hải
223	Nguyễn Văn Quảng	8B3	Toán (THCS)	THCS Đồng Thái	Phường An Hải
224	Nguyễn Trí Thiện	8B3	Toán (THCS)	THCS Đồng Thái	Phường An Hải
225	Phạm Việt Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Thái	Phường An Hải

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
226	Nguyễn Dương Trúc	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Thái	Phường An Hải
227	Trần Nhật Hải	8A	Toán (THCS)	THCS Hồng Thái	Phường An Hải
228	Trần Gia Huy	8A	Toán (THCS)	THCS Hồng Thái	Phường An Hải
229	Nguyễn Hải Phong	8A	Toán (THCS)	THCS Hồng Thái	Phường An Hải
230	Vũ Minh Hương	8A	Toán (THCS)	THCS Hồng Thái	Phường An Hải
231	Đào Hà Giang	8B	Toán (THCS)	THCS Hồng Thái	Phường An Hải
232	Phạm Hải Linh	8C1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Hòa	Phường An Phong
233	Nguyễn Khánh Linh	8C2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Hòa	Phường An Phong
234	Trương Ngọc Mai	8C2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Hòa	Phường An Phong
235	Trương Thiện Bảo	8C2	Toán (THCS)	THCS An Hòa	Phường An Phong
236	Nguyễn Quang Vinh	8C2	Toán (THCS)	THCS An Hòa	Phường An Phong
237	Đoàn Trần Phương Linh	8C2	Toán (THCS)	THCS An Hòa	Phường An Phong
238	Đào Gia Huy	8C2	Toán (THCS)	THCS An Hòa	Phường An Phong
239	Trần Ngọc Hà	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Phong	Phường An Phong
240	Vũ Ngọc Khuê	8B2	Toán (THCS)	THCS Hồng Phong	Phường An Phong
241	Nguyễn Tuấn Kiệt	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Thiện	Phường An Phong
242	Nguyễn Phương Nam	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Thiện	Phường An Phong
243	Phạm Thị Thùy Dương	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Thiện	Phường An Phong
244	Lê Minh Thắng	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Thiện	Phường An Phong
245	Nguyễn Vũ Bảo Hân	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
246	Lê Hải Vân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
247	Bùi Ngọc Nhật Minh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
248	Dương Thị Ánh Dương	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
249	Nguyễn Đức Phúc	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
250	Phạm Thảo An	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
251	Nguyễn Lan Anh	8A1	Toán (THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
252	Lê Trần Tấn Phát	8A1	Toán (THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
253	Phạm Trọng Thăng	8A1	Toán (THCS)	THCS Minh Đức	Phường Bạch Đằng
254	Trần Quang Minh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
255	Ngô Quế Chi	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
256	Trương Xuân Bách	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
257	Nguyễn Vũ Bảo Nam	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
258	Nguyễn Minh Hải	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
259	Trần Hoàng Quân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
260	Đỗ Vũ Xuân Phúc	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
261	Hoàng Nhật Hùng	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
262	Mai Ngọc Châu	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
263	Đoàn Hải Nam	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
264	Bùi Thanh Nhân	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
265	Vũ Đức Thuận	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
266	Nguyễn Ngọc Mai Chi	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
267	Bùi Hải Phong	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
268	Đỗ Tùng Lâm	8A1	Toán (THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
269	Bùi Thuận Thiên	8A1	Toán (THCS)	THCS Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
270	Lại Trường Giang	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
271	Cao Thị Ngọc Ánh	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
272	Hoàng Văn Hùng	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
273	Lê Trịnh Nam Khánh	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
274	Nguyễn Thế Quang	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
275	Lê Hoàng Quang Huy	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
276	Bùi Quang Trường	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
277	Mai Nhật Linh	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
278	Nguyễn Hải Anh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
279	Nguyễn Thùy Linh	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
280	Nguyễn Văn Đại	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
281	Bùi Bảo Nam	11B1	Toán (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
282	Nguyễn Phương Linh	11B1	Toán (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
283	Đình Vũ	11B1	Toán (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
284	Đình Chính Hiếu Minh	11B1	Toán (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
285	Đình Nguyễn Vinh Khánh	11B1	Toán (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
286	Vũ Thị Thu Hoàn	11B1	Toán (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
287	Đào Thanh Trúc	11B2	Toán (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
288	Bùi Bảo Nam	11B7	Toán (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
289	Vũ Tiến Dũng	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
290	Nguyễn Trung Nguyên	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
291	Đỗ Đức Giang	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
292	Trịnh Duy Định	11B7	Vật lí (THPT)	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng
293	Phạm Hoàng Vũ	7B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngọc Hải	Phường Đồ Sơn
294	Nguyễn Thúy Hằng	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngọc Hải	Phường Đồ Sơn
295	Trần Gia Huy	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngọc Hải	Phường Đồ Sơn
296	Lưu Trung Hải	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngọc Hải	Phường Đồ Sơn
297	Lưu Văn Bảo Trí	8C1	Toán (THCS)	THCS Ngọc Hải	Phường Đồ Sơn
298	Nguyễn Minh Thu	8D2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vạn Sơn	Phường Đồ Sơn
299	Trần Hữu Tân	8D2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vạn Sơn	Phường Đồ Sơn
300	Bùi Ngọc Diệp	8D2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vạn Sơn	Phường Đồ Sơn
301	Đặng Trường An	8D1	Toán (THCS)	THCS Vạn Sơn	Phường Đồ Sơn
302	Lại Thị Minh Châu	8D1	Toán (THCS)	THCS Vạn Sơn	Phường Đồ Sơn
303	Hoàng Gia Bảo	8D2	Toán (THCS)	THCS Vạn Sơn	Phường Đồ Sơn
304	Lương Duy Hải	8D2	Toán (THCS)	THCS Vạn Sơn	Phường Đồ Sơn
305	Ngô Phương Linh	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
306	Trần Thanh Mai	10C1	Sinh học (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
307	Lê Thị Minh Châu	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
308	Phạm Nguyễn Hà Châu	11B1	Toán (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
309	Lương Văn Công Minh	11B1	Toán (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
310	Lương Tiến Việt Anh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
311	Phạm Tùng Lâm	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
312	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
313	Phạm Quốc Bảo	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn
314	Nguyễn Đăng Thái Sơn	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS Vạn Hương	Phường Đồ Sơn
315	Hoàng Ngọc Huyền	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Vạn Hương	Phường Đồ Sơn
316	Lưu Đắc Phát	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Vạn Hương	Phường Đồ Sơn
317	Đình Bảo Nam	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Vạn Hương	Phường Đồ Sơn
318	Lưu Hải Phong	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Vạn Hương	Phường Đồ Sơn
319	Phạm Thị Minh Nguyệt	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Vạn Hương	Phường Đồ Sơn

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
320	Đỗ Hồng Phúc	8A	Toán (THCS)	PT Hermann Gmeiner	Phường Đông Hải
321	Nguyễn Chí Thành	8B11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
322	Hoàng Trung Hải	8B11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
323	Nguyễn Minh Khôi	8B11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
324	Vũ Ngọc Cát Tường	8B11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
325	Đặng Bảo Quân	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
326	Nguyễn Đăng Thịnh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
327	Nguyễn Minh Vũ	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
328	Đào Trọng Phú	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
329	Nguyễn Việt Khôi	8B11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
330	Bùi Hoàng Gia Linh	8B11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
331	Phạm Tiến Minh	8B11	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
332	Đào Ngọc Hà Linh	8B11	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
333	Trần Thị Hải Yến	8B2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
334	Hứa Bảo Thanh	8B5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
335	Lương Bùi Thanh Giang	8B5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
336	Phạm Ngọc Quang	8B1	Toán (THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
337	Nguyễn Nhật Minh	8B11	Toán (THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
338	Phạm Nguyễn Hoàng Bách	8B11	Toán (THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
339	Nguyễn Nam Khánh	8B2	Toán (THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
340	Bùi Ngọc Gia Hân	8B2	Toán (THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
341	Ngô Minh Châu	8B5	Toán (THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
342	Nguyễn Thị Minh Thư	8B5	Toán (THCS)	THCS Đông Hải	Phường Đông Hải
343	Trịnh Minh Nguyệt	8B4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Hải	Phường Đông Hải
344	Hà Đức Sáng	8B4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Hải	Phường Đông Hải
345	Lương Hoàng Hiệp	8B4	Toán (THCS)	THCS Nam Hải	Phường Đông Hải
346	Trịnh Xuân Đức	8B4	Toán (THCS)	THCS Nam Hải	Phường Đông Hải

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
347	Nguyễn Hữu Trọng	8B4	Toán (THCS)	THCS Nam Hải	Phường Đông Hải
348	Nguyễn Bình	8B4	Toán (THCS)	THCS Nam Hải	Phường Đông Hải
349	Đình Công Thanh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
350	Nguyễn Bình An	7A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
351	Nguyễn Tiến Minh	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
352	Nguyễn Bích Ngọc	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
353	Bùi Hải Vân	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
354	Nguyễn Lê Khánh Linh	7A2	Toán (THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
355	Vũ Bảo Minh	8A5	Toán (THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
356	Bùi Gia Huy	8A6	Toán (THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
357	Bùi Thu Nguyệt	8A6	Toán (THCS)	TH-THCS Đông Hải 2	Phường Đông Hải
358	Nguyễn Quang Vinh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
359	Nguyễn Trần Bảo Long	8A4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
360	Nguyễn Thị Hà Quyên	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
361	Nguyễn Minh Anh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
362	Nguyễn Tuấn Hùng	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
363	Phạm Hải Dương	8A1	Toán (THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
364	Nguyễn Thái Thịnh	8A1	Toán (THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
365	Phùng Hải Ngọc	8A2	Toán (THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
366	Phạm Ngọc Thủy	8A2	Toán (THCS)	THCS Hải Thành	Phường Dương Kinh
367	Bùi Minh Nhật	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
368	Đỗ Quang Huy	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
369	Hoàng Thị Phương Thủy	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
370	Hoàng Trà My	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
371	Nguyễn Thanh Trúc	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
372	Vũ Mạnh Cường	8A1	Toán (THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
373	Đặng Trần Nhật Minh	8A6	Toán (THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
374	Trần Đức Long	8A6	Toán (THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
375	Trần Anh Hào	8A6	Toán (THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
376	Đỗ Thanh Vân	8A6	Toán (THCS)	THCS Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh
377	Lê Thục Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Tân Thành	Phường Dương Kinh
378	Nguyễn Chấn Hưng	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Tân Thành	Phường Dương Kinh
379	Ngô Thị Thuý Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Tân Thành	Phường Dương Kinh
380	Nguyễn Nam Phong	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Tân Thành	Phường Dương Kinh
381	Bùi Mai Phương Thảo	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Tân Thành	Phường Dương Kinh
382	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Tân Thành	Phường Dương Kinh
383	Nguyễn Vũ Yến Nhi	8C7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
384	Vũ Tuệ Uy	8C7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
385	Đàm Phúc Tuấn Kiệt	8C7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
386	Nguyễn Phương Linh	8C8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
387	Tô Ngọc Hân	7B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
388	Nguyễn Trọng Nghĩa	8C6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
389	Nguyễn Thế Hoàng Mai	8C7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
390	Hoàng Phú Bách	8C8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
391	Trần Bảo Trâm	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
392	Đoàn Ngọc Gia Linh	8C6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
393	Ngô Thủy Tiên	8C7	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
394	Lê Nam Khánh	8C6	Toán (THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
395	Lê Quang Thắng	8C7	Toán (THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
396	Lục Văn Nhi	8C7	Toán (THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
397	Lê Đăng Khôi	8C7	Toán (THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
398	Đào Bảo Nhi	8C7	Toán (THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
399	Phạm Thành Danh	8C8	Toán (THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
400	Nguyễn Trung Kiên	8C8	Toán (THCS)	THCS An Đà	Phường Gia Viên
401	Đỗ Khôi Nguyên	8C10	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
402	Nghiêm Trọng Thành Đạt	8C11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
403	Vũ Minh Quân	8C14	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
404	Bùi Hồng Quân	8C14	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
405	Nguyễn Khánh Ngân	8C14	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
406	Phạm Bá Việt Hải	8C4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
407	Đỗ Minh Châu	8C8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
408	Đỗ Phúc Gia Bảo	8C8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
409	Phùng Nhật Phúc	8C12	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
410	Cao Đắc Phong	8C13	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
411	Nguyễn Trường Minh	8C14	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
412	Phạm Hà Minh Đức	8C14	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
413	Lê Kim Thư	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
414	Nguyễn Trần Trung Dũng	8C7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
415	Nguyễn Hoàng Quyên	8C8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
416	Nguyễn Trường Phúc	8C9	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
417	Đình Thùy Nhiên	8C10	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
418	Nguyễn Thanh Lâm	8C14	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
419	Lưu Vũ Đạt Anh	8C14	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
420	Nguyễn Hoàng Nam	8C14	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
421	Phạm Thanh Ngọc	8C8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
422	Nhữ Văn Thuận Phong	8C8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
423	Đặng Hoàng Anh Mai	8C8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
424	Đàm Đức Minh	8C8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
425	Tạ Gia Lộc	7B8	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
426	Lê Nguyễn An Phú	7B8	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
427	Phạm Đức Phát	8C11	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
428	Đặng Mạc Minh Quân	8C11	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
429	Trịnh Hải Minh	8C11	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
430	Nguyễn Trung Hải	8C14	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
431	Nguyễn Hoàng Lâm	8C5	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
432	Chu Khánh Phương	8C8	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
433	Nguyễn Trường Giang	8C8	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
434	Nguyễn Phương Anh	8C8	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Gia Viên
435	Nguyễn Nam Phong	8C8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
436	Phan Trang Nhung	8C8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
437	Nguyễn Đức Phong	8C8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
438	Bùi Quang Thành	8C8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
439	Nguyễn Quang Hưng	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
440	Đỗ Thanh Trúc	8C5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
441	Vũ Đức Tâm	8C7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
442	Đỗ Thị Uyên Nhi	8C4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
443	Nguyễn Hải Minh	8C1	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
444	Phạm Hoàng Bách	8C1	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
445	Nguyễn Tuấn Minh	8C5	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
446	Nguyễn Cao Anh Tú	8C5	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
447	Nguyễn Hoàng Hải Minh	8C6	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
448	Nguyễn Duy Hoàng	8C6	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Gia Viên
449	Nguyễn Hoàng Hà Anh	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lý Tự Trọng	Phường Gia Viên
450	Bùi Anh Vũ	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Thăng Long	Phường Gia Viên
451	Nguyễn Thành Nam	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Thăng Long	Phường Gia Viên
452	Nguyễn Bá Khánh	11B3	Toán (THPT)	THPT Thăng Long	Phường Gia Viên
453	Nguyễn Phạm Nam Hải	11B3	Toán (THPT)	THPT Thăng Long	Phường Gia Viên
454	Nguyễn Tiến Đạt	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Thăng Long	Phường Gia Viên
455	Phạm Hồng Đức	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đằng Hải	Phường Hải An
456	Lê Vũ Minh Hiếu	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đằng Hải	Phường Hải An
457	Đinh Ngọc Diệu Linh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đằng Hải	Phường Hải An
458	Nguyễn Đức Dũng	8A8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đằng Hải	Phường Hải An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
459	Trần Minh Hải	8A8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
460	Bùi Vũ Hải	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
461	Nguyễn Phúc Quân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
462	Lưu Hải Minh	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
463	Tăng Đức Thuận	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
464	Nguyễn Cao Phong	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
465	Vũ Minh Hải	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
466	Lương Như Ý	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
467	Vũ Gia Khánh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
468	Vũ Đức Thuận	8A9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
469	Dương Đức Phát	8A1	Toán (THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
470	Đoàn Ngô Bảo An	8A1	Toán (THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
471	Bùi Việt Hoàng	8A8	Toán (THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
472	Lê Trần Minh Châu	8A8	Toán (THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
473	Phạm Hải Long	8A8	Toán (THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
474	Nguyễn Chí Dũng	8A8	Toán (THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
475	Nguyễn Duy Hiếu	8A8	Toán (THCS)	THCS Đăng Hải	Phường Hải An
476	Vũ Thành Long	8A6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
477	Nguyễn Thanh Hải	8A8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
478	Cao Tuấn Hải	8A8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
479	Phạm Hoàng Khánh Ngân	8A10	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
480	Trần Trí Thành	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
481	Đình Ngọc Đạt	8A6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
482	Hoàng Minh Thư	8A8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
483	Đoàn Thái Đăng	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
484	Trịnh Minh Khuê	8A3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
485	Đoàn Anh Quân	8A3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
486	Lê Thị Thu Vân	8A8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
487	Vũ Thanh Hương	7A1	Toán (THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
488	Nguyễn Thị Hải An	7A6	Toán (THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
489	Bùi Phương Linh	8A6	Toán (THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
490	Vũ Bình Nguyên	8A6	Toán (THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
491	Nhữ Đức Huy	8A8	Toán (THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
492	Nguyễn Minh Nhật	8A8	Toán (THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
493	Vũ Đức Thắng	8A8	Toán (THCS)	THCS Đăng Lâm	Phường Hải An
494	Nguyễn Thành Long	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
495	Nguyễn Tùng Lâm	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
496	Đình Minh Tuấn	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
497	Hoàng Đức Minh	8B6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
498	Trịnh Minh Quang	8B6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
499	Đoàn Diệu Linh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
500	Lê Đăng Khoa	8B6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
501	Thân Mạnh Hải	8B6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
502	Mai Nhật Huy	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
503	Lương Nguyễn Ngọc Hân	8B15	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
504	Dương Đức Dũng	8B15	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
505	Bùi Khánh Linh	8B6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
506	Lã Quốc Đạt	7C6	Toán (THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
507	Tổng Nguyên Ngọc	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
508	Nguyễn Bình An	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
509	Hoàng Hải Phú	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
510	Nguyễn Hữu Hoàng	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
511	Vũ Minh Khôi	8B6	Toán (THCS)	THCS Lê Lợi	Phường Hải An
512	Nguyễn Trường Vinh	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tràng Cát	Phường Hải An
513	Lê Hoàng Minh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tràng Cát	Phường Hải An
514	Nguyễn Huy Khánh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tràng Cát	Phường Hải An
515	Nguyễn Mạnh Toàn	8B1	Toán (THCS)	THCS Tràng Cát	Phường Hải An
516	Nguyễn Thảo Nguyên	8B1	Toán (THCS)	THCS Tràng Cát	Phường Hải An
517	Nguyễn Tuấn Kiệt	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
518	Nguyễn Hoàng Minh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
519	Phạm Việt Anh Duy	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
520	Phan Tùng Lâm	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
521	Nguyễn Vân Nhi	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
522	Vũ Ngọc Bảo Châu	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
523	Nguyễn Hiếu Anh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
524	Tô Thanh Hải	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
525	Nguyễn Châu Anh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
526	Nguyễn Kim Ngân	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
527	Nguyễn Mạnh Hùng	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
528	Phan Minh Phát	8A5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
529	Vũ Minh	8A1	Toán (THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
530	Bùi Quang Minh	8A1	Toán (THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
531	Trần Xuân Nam	8A2	Toán (THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
532	Nguyễn Hải Phong	8A3	Toán (THCS)	THCS-THPT FPT	Phường Hải An
533	Nguyễn Tiến Đạt	10 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
534	Vũ Thanh Lâm	10 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
535	Nguyễn Việt Anh	10 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
536	Phạm Hồng Minh	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
537	Nguyễn Quang Tú	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
538	Bùi Ngọc Bảo Thy	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
539	Ngô Hoàng Khôi Nguyên	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
540	Phạm Minh Trang	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
541	Vũ Gia Bảo	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
542	Nguyễn Mạnh Quân	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
543	Đình Quang Tùng	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
544	Nguyễn Tất Minh Hoàng	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
545	Đỗ Lan Phương	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
546	Vũ Quang Minh	10 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
547	Nguyễn Vũ Minh Châu	10 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
548	Nguyễn Diệu Hương	10 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
549	Vũ Ngọc Khánh Ly	10 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
550	Nguyễn Đức Hải	10 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
551	Nguyễn Thị Tường Vy	11 Lý	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
552	Nguyễn Ngọc Minh	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
553	Nguyễn Thị Hà Phương	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
554	Trần Công Minh Hiếu	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
555	Triệu Tuấn Tú	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
556	Quách Gia Minh	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
557	Trần Lương Minh	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
558	Nguyễn Minh Ngọc	11 Toán 1	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
559	Nguyễn Trọng Huy	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
560	Nguyễn Tùng Lâm	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
561	Vũ Duy Anh	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
562	Đặng Bá Giang Minh	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
563	Phạm Gia Huy	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
564	Hồ Đức Tuấn	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
565	Chu Anh Tuấn	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
566	Phạm Khoa Đôn	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
567	Nguyễn Tiên Minh	10 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
568	Phạm Minh Nam Kiệt	10 Toán 2	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
569	Vũ Minh Công	11 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
570	Phạm Hoàng Lâm	11 Toán 2	Toán (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
571	Hoàng Anh Minh	10 Anh 1	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
572	Phạm Hữu Việt Anh	11 Anh 1	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
573	Phạm Quang Bách	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
574	Lưu Quang Minh	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
575	Nguyễn Đức Bình	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
576	Bùi Ngọc Mai	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
577	Phùng Minh Hoàng	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
578	Nguyễn Phước Nhân	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
579	Trần Trung Kiên	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
580	Phạm Trung Bách	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
581	Nguyễn Hoàng Thùy Trâm	11 Toán 2	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
582	Chung Thiện Nhân	11 Toán 2	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An
583	Trịnh Quang Hưng	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
584	Hoàng Bách Triệu	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
585	Hoàng Bình Minh	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
586	Lê Huyền Trang	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
587	Trần Bình Minh	11B12	Toán (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
588	Nguyễn Thị Hương Lan	11B3	Toán (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
589	Trịnh Đăng Dũng	11B3	Toán (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
590	Nguyễn Quang Lâm	11B3	Toán (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
591	Nguyễn Mai Phương	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
592	Nguyễn Quang Huy	11B7	Vật lí (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
593	Trần Trí Dũng	11B7	Vật lí (THPT)	THPT Hải An	Phường Hải An
594	Đàm Cao Thanh Tùng	10C12	Hóa học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
595	Phạm Ngọc Minh	11B12	Hóa học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
596	Nguyễn Phương Anh	11B12	Hóa học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
597	Trương Hà Anh	11B12	Hóa học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
598	Bùi Mạnh Hùng	11B12	Hóa học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
599	Trần Ngọc Hà Phương	11B12	Hóa học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
600	Mai Nguyên Minh	11B14	Hóa học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
601	Trần Đào Tùng Lâm	11B14	Hóa học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
602	Phạm Thế Quân	11B11	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
603	Bùi Mạnh Hùng	11B12	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
604	Đoàn Duy Tùng	11B13	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
605	Bùi Khánh Vinh	11B13	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
606	Hoàng Anh Tài	11B14	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
607	Lại Thị Hải Yến	11B14	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
608	Hà Thị Hoàng Ngân	11B14	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
609	Nguyễn Phương Ngân	11B14	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
610	Cao Yến Nhi	11B14	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
611	Hoàng Mai Phương	11B7	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
612	Phạm Hải Anh	11B7	Sinh học (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
613	Nguyễn Thùy Dung	11B10	Toán (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
614	Chu Duy Anh	11B13	Toán (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
615	Nguyễn Minh Ngọc	11B13	Toán (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
616	Trần Quang Duy	11B13	Toán (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
617	Vũ Minh Hiếu	11B13	Toán (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
618	Cao Duy An	11B13	Toán (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
619	Dương Thanh Lâm	11B14	Toán (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
620	Đào Duy Đức	11B9	Toán (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
621	Nguyễn Phương Thảo	11B11	Vật lí (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
622	Nguyễn Huy Hoàng	11B11	Vật lí (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
623	Trịnh Minh Quân	11B13	Vật lí (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
624	Thiều Quang Lĩnh	11B14	Vật lí (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
625	Hoàng Mai Phương	11B14	Vật lí (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
626	Vũ Tuấn Phong	11B14	Vật lí (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
627	Lại Lê Việt Khôi	11B14	Vật lí (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
628	Nguyễn Huy Hải Hoàng	11B8	Vật lí (THPT)	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An
629	Trần Bảo Chinh	8A8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Lư	Phường Hòa Bình
630	Nguyễn Lại Thảo Nguyên	8A8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Lư	Phường Hòa Bình
631	Bùi Phương Linh	8A8	Toán (THCS)	THCS An Lư	Phường Hòa Bình
632	Trần Đức Huy	8A8	Toán (THCS)	THCS An Lư	Phường Hòa Bình
633	Nguyễn Nam Dương	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hòa Bình	Phường Hòa Bình
634	Trần Đức Long	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hòa Bình	Phường Hòa Bình
635	Đỗ Minh Chính	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hòa Bình	Phường Hòa Bình
636	Phạm Diệp San	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hòa Bình	Phường Hòa Bình
637	Nguyễn Thị Ngọc Anh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hòa Bình	Phường Hòa Bình
638	Bùi Hải Anh	8A2	Toán (THCS)	THCS Hòa Bình	Phường Hòa Bình
639	Hoàng Trung Dũng	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
640	Lê Thị Linh	8A6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
641	Nguyễn Thị Anh Thư	8A6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
642	Nguyễn Thị Anh Thư	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
643	Bùi Quỳnh Anh	8A7	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
644	Vũ Thị Bích Nguyệt	8A8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
645	Trần Thu Yên	8A1	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
646	Lê Xuân Trường	8A6	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
647	Đoàn Song Thư	8A7	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
648	Nguyễn Bình An Phúc	8A7	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
649	Nguyễn Bảo Khánh Ngọc	8A8	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
650	Nguyễn Thị Tuyết Lan	8A8	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Hòa Bình
651	Đình Tuấn Việt	8A4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
652	Trương Gia Bảo	8A4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
653	Nguyễn Ngọc Ánh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
654	Nguyễn Yến Nhi	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
655	Lê Ngọc Khánh	8A5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
656	Ninh Việt Hưng	8A4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
657	Vũ Nguyễn Hải Băng	8A8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
658	Đỗ Tuấn Anh	8A3	Toán (THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
659	Chu Tùng Lâm	8A3	Toán (THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
660	Trần Khánh Lâm	8A4	Toán (THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
661	Nguyễn Quang Huy	8A4	Toán (THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
662	Hoàng Ngọc Linh	8A4	Toán (THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
663	Bùi Thị Ngọc	8A8	Toán (THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
664	Dương Quang Thắng	8A8	Toán (THCS)	THCS An Hồng	Phường Hồng An
665	Vũ Hồng Phúc	8C3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
666	Nguyễn Bùi Thành Công	8C5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
667	Đặng Lân Lịch	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
668	Nguyễn Thị Thanh Vân	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
669	Đỗ Như Ngọc	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
670	Lê Minh Nhật	8C3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
671	Vũ Trọng Khôi	8C3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
672	Nguyễn Phạm Gia Hân	8C4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
673	Trần Diệu Linh	8C6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
674	Trần Đức Nguyên Vũ	8C6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
675	Trịnh Nhật Minh	8C1	Toán (THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
676	Vũ Trần Bảo Ngọc	8C2	Toán (THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
677	Nguyễn Hải Yến	8C3	Toán (THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
678	Đình Nguyễn Tiến Đạt	8C5	Toán (THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
679	Trần Ưông Đức	8C5	Toán (THCS)	THCS An Hưng	Phường Hồng An
680	Bùi Đức Long	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
681	Nguyễn Thanh Tú	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
682	Đào Việt Anh	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
683	Đỗ Ngọc Linh	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
684	Lê Nguyễn Minh Anh	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
685	Nguyễn Minh Nguyệt	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
686	Nguyễn Đức Huy Hoàng	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
687	Nguyễn Bá Hùng	8B2	Toán (THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
688	Đặng Tiến Thành	8B2	Toán (THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
689	Nguyễn Thị Thanh Nhân	8B3	Toán (THCS)	THCS Đại Bản	Phường Hồng An
690	Nguyễn Trung Hải	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
691	Nguyễn Bảo Long	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
692	Đỗ Đức Minh	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
693	Hoàng Nguyên Minh	8A6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
694	Phạm Trung Nguyên	8A7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
695	Chu Gia Linh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
696	Phạm Nguyễn Yến Ngọc	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
697	Bùi Thị Thanh Xuân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
698	Bùi Minh Hằng	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
699	Nguyễn Gia Bảo	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
700	Nguyễn Trung Hiếu	8A4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
701	Phạm Lê Vy	8A4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
702	Nguyễn Tiến Thịnh	8A1	Toán (THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
703	Lê Minh Hiếu	8A1	Toán (THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
704	Đỗ Minh Châu	8A1	Toán (THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
705	Trần Xuân Nguyệt	8A1	Toán (THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
706	Trần Quang Nam	8A1	Toán (THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
707	Vũ Minh Quân	8A1	Toán (THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
708	Nguyễn Tuấn Lâm	8A2	Toán (THCS)	THCS Quán Toan	Phường Hồng An
709	Vũ Nguyên Bảo	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
710	Hồ Ngọc Hà	8A6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
711	Trịnh Khánh Thy	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
712	Hoàng Lệ Hà	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
713	Lại Hà Vy	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
714	Nguyễn Thanh Tùng	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
715	Nguyễn Gia Huy	8A1	Toán (THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
716	Phạm Trung Hiếu	8A1	Toán (THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
717	Nguyễn Châu Anh	8A1	Toán (THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
718	Nguyễn Thị Thu Ngân	8A1	Toán (THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng
719	Đỗ Trí Dũng	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
720	Nguyễn Quang Minh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
721	Nguyễn Vũ Minh Quân	8A10	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
722	Nguyễn Đăng Khánh	8A10	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
723	Phan Thành Khang	8A5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
724	Lê Đức Bảo	8A6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
725	Đặng Kim Ngân	8A6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
726	Đỗ Tùng Bách	8A8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
727	Cáp Trọng Minh Quân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
728	Nguyễn Xuân Thu	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
729	Lại Gia Phúc	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
730	Mai Thanh Vân	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
731	Trần Hoàng Vũ	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
732	Đỗ Gia Bảo	8A6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
733	Đào Minh Hương	8A8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
734	Lại Khánh Giang	8A9	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
735	Lê Phúc Hưng	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
736	Bùi Hiền Giang	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
737	Nguyễn Minh Châu	8A10	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
738	Nguyễn Cát Khánh	8A10	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
739	Vũ Linh Đan	8A10	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
740	Nguyễn Ngọc Nhi	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
741	Nguyễn Ngọc Hà Anh	8A6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
742	Nguyễn Ngọc Linh	8A8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
743	Nguyễn Ngọc Duy	7A1	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
744	Lê Phạm Hà Phương	7A1	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
745	Lê Quang Minh	8A1	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
746	Đình Hải Đăng	8A1	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
747	Phạm Hải Nguyên	8A1	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
748	Nguyễn Hữu Quang Nam	8A1	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
749	Ngô Minh Duy	8A1	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
750	Vũ Ngọc Bảo Nam	8A2	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
751	Vũ Mỹ Vân	8A2	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
752	Nguyễn Minh Khánh	8A3	Toán (THCS)	THCS Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
753	Lại Thanh Bình	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
754	Phạm Đỗ Tuấn Minh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
755	Lê Thu Thủy	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
756	Phạm Duy Tùng Quân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
757	Phạm Bảo Khanh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
758	Nguyễn Trà My	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
759	Phạm Thị Thùy Linh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
760	Phạm Ngọc Cẩm	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
761	Trần Trường Giang	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
762	Đình Vũ Gia Linh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
763	Vũ Minh Nhật	8A1	Toán (THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
764	Nguyễn Nhật Nam	8A1	Toán (THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
765	Trần Minh Phong	8A1	Toán (THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
766	Lê Phương Đông	8A1	Toán (THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
767	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	8A2	Toán (THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
768	Dương Thái Ngọc Nhi	8A2	Toán (THCS)	THCS Hùng Vương	Phường Hồng Bàng
769	Nguyễn Bá Hải Quý	8A3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
770	Trịnh Minh Khôi	8A3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
771	Nguyễn Khánh Nam	8A3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
772	Vũ Anh Nhi	8A4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
773	Phạm Thế Hiển	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
774	Lương Khánh Phúc Nguyễn	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
775	Phùng Bích Ngọc	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
776	Trần Thái Phương	8A4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
777	Nguyễn Hải Long	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
778	Tiền Đức Hải	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
779	Đào Nhật Long	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
780	Hồ Hải Phong	8A3	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
781	Phạm Hải Phương	8A3	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
782	Nguyễn Huy An	8A3	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
783	Đình Hoàng Anh	8A3	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
784	Nguyễn Hoàng Minh	8A3	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
785	Nhữ Trường Hải	8A4	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hồng Bàng
786	Trần Nguyễn Hải Nam	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
787	Nguyễn Danh Minh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
788	Nguyễn Huy Thái	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
789	Lương Thị Hải Yến	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
790	Phạm Khánh Hải	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
791	Nguyễn Đức Thịnh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
792	Bùi Tuấn Nam	8A4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
793	Nguyễn Tiến Minh Khang	8A2	Toán (THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
794	Phạm Trung Kiên	8A2	Toán (THCS)	THCS Trần Văn Ôn	Phường Hồng Bàng
795	Trần Thiên Bảo	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
796	Bùi Đức Việt	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
797	Xuân Thế Nguyên	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
798	Trịnh Gia Bảo	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
799	Đỗ Đăng Khoa	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
800	Lương Tuấn Minh	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
801	Bùi Vũ Bảo Nam	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
802	Phạm Ngọc Minh Quân	11B5	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
803	Lương Đức Trọng	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
804	Lê Việt Thắng	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
805	Lê Việt Thịnh	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
806	Trần Quang Vinh	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
807	Nguyễn Ngọc Vân Anh	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
808	Nguyễn Đào Tùng Lâm	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
809	Vũ Giang Lam	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
810	Bùi Lê Hùng Anh	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
811	Phạm Nguyễn Hà Phương	11B1	Toán (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
812	Vũ Hải Minh	11B2	Toán (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
813	Hoàng Tùng Lâm	11B2	Toán (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
814	Nguyễn Thành Hưng	11B2	Toán (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
815	Trần Minh Sơn	11B3	Toán (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
816	Lê Gia Kiên	11B3	Toán (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
817	Nguyễn Minh Tiên	11B6	Toán (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
818	Nguyễn Tuấn Mạnh	11B6	Toán (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
819	Vũ Bá Đức Hiếu	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng
820	Nguyễn Tuấn Khôi	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
821	Nguyễn Hải Long	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
822	Lưu Quang Anh	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
823	Vũ Trịnh Bảo Nam	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
824	Nguyễn Việt Bách	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
825	Nguyễn Công Minh	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
826	Trần Tùng Phong	11B5	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
827	Nguyễn Hồng Phong	11B5	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
828	Nguyễn Trung Hòa	11B6	Hóa học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
829	Phan Vũ Mai Hoa	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
830	Phan Minh Anh	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
831	Ngô Thị Ngọc Mai	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
832	Trần Bảo Linh	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
833	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
834	Nguyễn Quang Minh	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
835	Mạc Yên Linh	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
836	Trần Cao Trí Đức	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
837	Nguyễn Trần Gia Như	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
838	Nguyễn Thị Ngọc Linh	11B6	Sinh học (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
839	Vũ Tú Quyên	11B1	Toán (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
840	Công Thành Dũng	11B1	Toán (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
841	Nguyễn Khánh Linh	11B3	Toán (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
842	Mai Đức Quân	11B3	Toán (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
843	Đậu Xuân Trường	11B6	Toán (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
844	Phạm Phương Đức	11B6	Toán (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
845	Nguyễn Quang Thạnh	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
846	Vũ Việt Anh	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
847	Lương Đại Bảo	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
848	Trần Mạnh Đức	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
849	Trần Thị Phương Thanh	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng
850	Nguyễn Thế Hải	7A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Phường Hồng Bàng
851	Nguyễn Tiên Thành	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Phường Hồng Bàng
852	Lê Bảo Nguyên	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Phường Hồng Bàng
853	Vũ Việt Hoàng	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Phường Hồng Bàng
854	Lê Kim Tường	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Phường Hồng Bàng
855	Phạm Bảo Hưng	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Phường Hồng Bàng
856	Trương Nam Phong	8A1	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Phường Hồng Bàng
857	Đỗ Ngọc Thảo Linh	11A1	Hóa học (THPT)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
858	Nguyễn Đức Tiến	11A2	Hóa học (THPT)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
859	Đỗ Phan Henry	7B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
860	Đậu Thế Anh	8A7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
861	Vũ Phan Hưng	7A7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
862	Hoàng Văn Nguyên Đức	8A7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
863	Nguyễn Khôi Nguyên	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
864	Nguyễn Ngọc Minh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
865	Nguyễn Minh Ngọc	7B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
866	Vũ Chí Kiên	8A3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
867	Trần Vũ Khánh Thư	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
868	Phan Trúc Khanh	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
869	Vũ Nguyên An	11A1	Sinh học (THPT)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
870	Hoàng Thái Sơn	11A4	Sinh học (THPT)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
871	Bùi Ngọc An Khuê	11A4	Sinh học (THPT)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
872	Nguyễn Đức Phú	11A4	Sinh học (THPT)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
873	Ngô Hải Triều	7B1	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
874	Đỗ Khôi Nguyên	8A8	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
875	Nguyễn Đức Tuấn	8A8	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
876	Hoàng Hải Nam	8A8	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
877	Nguyễn Gia Hiếu	8A9	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng
878	Ngô Tuấn Nghĩa	8C1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
879	Lê Phạm Mai Phương	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
880	Đàm Khánh Long	8C4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
881	Lê Bảo Ngọc	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
882	Nguyễn Đức Mạnh	8C2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
883	Nguyễn Thu Hương	8C2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
884	Vũ Hoàng Phúc	8C1	Toán (THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
885	Nguyễn Thị Bích Loan	8C1	Toán (THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
886	Nguyễn Thái Thiên	8C4	Toán (THCS)	THCS Anh Dũng	Phường Hưng Đạo
887	Trần Minh Hoà	8C5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
888	Nguyễn Phương Anh	8C6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
889	Bùi Phương Anh	8C6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
890	Phạm Thị Phương Uyên	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
891	Vũ Hải Long	8C3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
892	Bùi Diễm My	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
893	Đỗ Anh Thư	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
894	Đinh Diệu Vân	8C1	Toán (THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
895	Bùi Ngọc Tân	8C1	Toán (THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
896	Phạm Hùng Dũng	8C1	Toán (THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
897	Phạm Trần Hoa Lý	8C1	Toán (THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
898	Hoàng Tiến Thịnh	8C2	Toán (THCS)	THCS Đa Phúc	Phường Hưng Đạo
899	Nguyễn Minh Sơn	8C2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo
900	Nguyễn Khánh Phương	8C6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo
901	Đào Bích Ngọc	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo
902	Phùng Thiên Kiều	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo
903	Đỗ Hải Đăng	8C1	Toán (THCS)	THCS Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo
904	Đào Đăng Khoa	8C1	Toán (THCS)	THCS Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo
905	Trần Trung Kiên	8C1	Toán (THCS)	THCS Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo
906	Trịnh Minh Khôi	8C1	Toán (THCS)	THCS Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo
907	Nguyễn Phạm Tú Linh	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
908	Phạm Đức Hải	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
909	Trần Ngọc Bảo Thi	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
910	Phạm Huy Tú	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
911	Trần Phương Nam	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
912	Trần Quỳnh Anh	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
913	Đỗ Diệu Linh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
914	Phạm Ngọc Anh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
915	Phạm Hoàng Ngân	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
916	Bùi Đức Anh	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
917	Nguyễn Duy Mạnh	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
918	Phạm Khánh Chi	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
919	Lê Đức Đạt	11B1	Toán (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
920	Phạm Thị Ngọc Khánh	11B1	Toán (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
921	Nguyễn Thanh Thúy	11B1	Toán (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
922	Phùng Tuấn Minh	11B3	Toán (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
923	Trịnh Minh Đức	11B6	Toán (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
924	Lê Tiến Lực	11B7	Toán (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
925	Hoàng Đăng Quyết	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
926	Nguyễn Gia Bảo	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
927	Bùi Quang Minh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
928	Nguyễn Trọng Tài	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
929	Nguyễn Đăng Bảo	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo
930	Phạm Danh Nam	7A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS-THPT Alpha Hải Phòng	Phường Hưng Đạo
931	Nguyễn Bá Hải Minh	7A2	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Alpha Hải Phòng	Phường Hưng Đạo
932	Nguyễn Nhật Nam	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS-THPT Dewey	Phường Hưng Đạo
933	Đặng Đình Khánh	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
934	Nguyễn Mạnh Tiến	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
935	Phan Trần Hà Giang	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
936	Đỗ Trường Phúc	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
937	Đỗ Mạnh Tùng	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
938	Phạm Đoàn Vân Hà	8B2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
939	Lê Hải Anh	8B2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
940	Tô Hải Phong	8B2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
941	Lục Đức Thiện	Lớp 8B1	Toán (THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
942	Nguyễn Xuân Đại	Lớp 8B1	Toán (THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
943	Nguyễn Long Vũ	Lớp 8B1	Toán (THCS)	THCS Bắc Sơn	Phường Kiến An
944	Nguyễn Xuân Phúc	8A5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
945	Vũ Bạch Bảo Tâm	8A5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
946	Đoàn Thanh Huyền	8A5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
947	Nguyễn Thị Thùy Dương	8A7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
948	Nguyễn Minh Ánh	8A7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
949	Bùi Quỳnh Anh	8A7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
950	Mai Việt Đức	8A5	Toán (THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
951	Vũ Khắc Hoàng Hiệp	8A7	Toán (THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
952	Đậu Quang Minh	8A7	Toán (THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An
953	Lê Hà Vy	8A7	Toán (THCS)	THCS Đồng Hòa	Phường Kiến An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
954	Nguyễn Hải Long	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
955	Lê Văn Đức	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
956	Đặng Gia Huy	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
957	Nguyễn Khánh An	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
958	Lương Quốc Thắng	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
959	Phạm Thị Mai Hạnh	7A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
960	Phạm Hải Phong	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
961	Nguyễn Phương Linh	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
962	Phạm Quang Lộc	8A2	Toán (THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
963	Ngô Việt Anh	8A2	Toán (THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
964	Phạm Khánh Vân	8A2	Toán (THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
965	Ngô Anh Đào	8A2	Toán (THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
966	Nguyễn Tiến Thành	8A2	Toán (THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
967	Lê Minh Hoàng	8A2	Toán (THCS)	THCS Nam Hà	Phường Kiến An
968	Lê Khánh My	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Hưng Đạo	Phường Kiến An
969	Bùi Khánh Hà	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Hưng Đạo	Phường Kiến An
970	Nguyễn Bảo Long	8C2	Toán (THCS)	THCS Trần Hưng Đạo	Phường Kiến An
971	Vũ Đức Trung	8C2	Toán (THCS)	THCS Trần Hưng Đạo	Phường Kiến An
972	Nguyễn Đình Hưng	8C4	Toán (THCS)	THCS Trần Hưng Đạo	Phường Kiến An
973	Hoàng Thị Như Ý	11B9	Toán (THPT)	THPT Đồng Hòa	Phường Kiến An
974	Bùi Khánh Linh	11B9	Vật lí (THPT)	THPT Đồng Hòa	Phường Kiến An
975	Lê Hoàng Giang	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
976	Nguyễn Tuấn Khang	8B6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
977	Nguyễn Minh Quang	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
978	Trần Trường Giang	8B4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
979	Lê Thị Kim Ngân	8B5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
980	Hồ Hải Phong	8B8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
981	Bùi Hoàng Gia Hân	7C4	Toán (THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
982	Phạm Văn Vinh	8B1	Toán (THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
983	Triệu Trần Tuệ Minh	8B3	Toán (THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
984	Vũ Bảo Châu	8B4	Toán (THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
985	Lê Thị Hà Thanh	8B4	Toán (THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
986	Bùi Nam Phong	8B4	Toán (THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
987	Nguyễn Quang Tùng	8B4	Toán (THCS)	THCS Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân
988	Nguyễn Vũ Hải Nam	8B5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hoàng Diệu	Phường Lê Chân
989	Lê Đỗ Minh Ngọc	8B5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hoàng Diệu	Phường Lê Chân
990	Nguyễn Hải Long	8B5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hoàng Diệu	Phường Lê Chân
991	Nguyễn Vũ Hải Ngọc	8B5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hoàng Diệu	Phường Lê Chân
992	Nguyễn Thị Bảo Uyên	8B5	Toán (THCS)	THCS Hoàng Diệu	Phường Lê Chân
993	Nguyễn Minh Thủy	8B5	Toán (THCS)	THCS Hoàng Diệu	Phường Lê Chân
994	Nguyễn Bảo Nam	8B16	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
995	Nguyễn Hải Nam	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
996	Trần Tuấn Minh	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
997	Trần Minh Quân	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
998	Vũ Đức Minh	8B8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
999	Nguyễn Ngọc Minh Anh	8B8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1000	Trần Anh Đức	8B16	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1001	Nguyễn Đình Quý	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1002	Trần Huy Hoàng	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1003	Nguyễn Minh Hiền	8B4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1004	Nguyễn Minh Khang	8B5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1005	Hoàng Phương Vy	8B7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1006	Phạm Như Thế Anh	8B15	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1007	Nguyễn Thanh Thủy	8B2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1008	Nguyễn Đức Mạnh	8B3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1009	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	8B9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1010	Vũ Nam Phong	8B10	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1011	Đặng Quang Minh	8B10	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1012	Bùi Minh Quân	8B2	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1013	Phạm Minh Quân	8B2	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1014	Nguyễn Đức Thắng	8B4	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1015	Hà Trần Minh Ngọc	8B7	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1016	Đình Vũ Ngọc Nhi	8C10	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1017	Nguyễn Tri Nhật Minh	8C12	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1018	Trần Đức Thịnh	8C12	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1019	Vũ Đăng Nhật Minh	8C6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1020	Tô Ngọc Hân	8C8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1021	Phạm Hải Phong	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1022	Nguyễn Minh Triết	8C4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1023	Đình Hữu Lâm	8C4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1024	Lâm Bách Huy	8C8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1025	Mai Tuấn Phong	8C8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1026	Lương Đình Vũ	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1027	Phạm Thị Hoàng Ngân	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1028	Nguyễn Trọng Khánh	8C8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1029	Lương Gia Huy	8C1	Toán (THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1030	Nguyễn Hoàng Anh	8C4	Toán (THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1031	Nguyễn Vũ Ngân Hà	8C4	Toán (THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1032	Nguyễn Phú Mạnh	8C4	Toán (THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1033	Phạm Khánh Ngọc	8C8	Toán (THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1034	Vũ Bình Cường	8C8	Toán (THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1035	Hoàng Ngọc Khuê	8C8	Toán (THCS)	THCS Tô Hiệu	Phường Lê Chân
1036	Trần Đức Minh	7C9	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1037	Nguyễn Hoàng Minh	7C9	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1038	Phạm Quốc Trường	8B14	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1039	Trương Tuấn Dũng	8B14	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1040	Giang Nam Phong	8B15	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1041	Phạm Đình Nhật Duy	8B4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1042	Đình Phúc Hải	8B4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1043	Vũ Hiền Long	8B9	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1044	Nguyễn Thái Anh	8B11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1045	Đào Quang Hải	8B11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1046	Ngô Tùng Anh	8B12	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1047	Nguyễn Đức Dũng	8B12	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1048	Lê Châu Anh	8B14	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1049	Nguyễn Bảo Khánh	8B14	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1050	Nguyễn Đức Viên	8B15	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1051	Phạm Tiến Minh	8B4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1052	Hoàng Trạch Dân	8B6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1053	Nguyễn Tiến Phúc	8B6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1054	Nguyễn Duy Nam Khánh	8B9	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1055	Ngô Ánh Linh	7C9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1056	Đặng Minh Anh	7C9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1057	Vũ Khôi Nguyên	8B10	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1058	Nguyễn Minh Phương	8B12	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1059	Bùi Ngọc Diệp	8B16	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1060	Vũ Hải Lâm	8B4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1061	Hoàng Minh Trí	8B4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1062	Lưu Minh Vũ	8B4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1063	Phạm Trung Nghĩa	7C9	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1064	Nguyễn Hoàng Nam	8B14	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1065	Đàm Khánh Nam	8B4	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1066	Nguyễn Hoàng Hải Nam	8B4	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1067	Trần Nhật Minh	8B4	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1068	Bùi Quang Tuấn	8B4	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1069	Đào Mạnh Giang	8B4	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1070	Đình Nhật Minh	8B4	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1071	Nguyễn Tuấn Khôi	8B4	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1072	Nguyễn Hoàng Quân	8B9	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1073	Nguyễn Quang Minh	8B9	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1074	Đoàn Ngọc Đức	8B9	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Lê Chân
1075	Vũ Hoàng Linh	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1076	Bùi Tiến Minh	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1077	Trần Đăng Bảo Long	8B7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1078	Vũ Hải Hà	8B7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1079	Lê Quang Huy	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1080	Nguyễn Khánh Lam	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1081	Đào Hoàng Ngân	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1082	Đỗ Thị Diệp	8B4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1083	Trần Nguyễn Tuệ Minh	8B7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1084	Nguyễn Bảo Minh Châu	8B6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1085	Nguyễn Tùng Lâm	8B7	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1086	Vũ Nguyễn Bảo An	8B7	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1087	Đỗ Đức Hải Long	8B2	Toán (THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1088	Trần Hồng Anh	8B2	Toán (THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1089	Đoàn Đức Khang	8B2	Toán (THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1090	Vũ Hữu Quang Long	8B7	Toán (THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1091	Phan Nhật Minh	8B7	Toán (THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1092	Dương Phương Thảo	8B7	Toán (THCS)	THCS Trương Công Định	Phường Lê Chân
1093	Nguyễn Quang Huy	11B10	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1094	Trần Ngọc Mai	11B14	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1095	Bùi Phương Anh	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1096	Bùi Hoàng Nam Anh	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1097	Hoàng Hữu Triết	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1098	Phạm Mai Chi	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1099	Bùi Phương Minh	11B6	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1100	Nguyễn Tiên Thành	11B6	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1101	Phạm Sinh Tùng	11B6	Hóa học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1102	Trần Huy Vũ	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1103	Hà Vũ Thanh Sơn	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1104	Nguyễn Hà Trang	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1105	Trần Thị Hương Quỳnh	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1106	Trần Lê Trà My	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1107	Nguyễn Đỗ Ngọc Linh	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1108	Nguyễn Minh Hằng	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1109	Hà Nhật Quân	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1110	Bùi Hữu Nghĩa	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1111	Đặng Minh Châu	11B6	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1112	Nguyễn Khánh My	11B6	Sinh học (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1113	Đặng Quang Huy	11B1	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1114	Nguyễn Trường Sơn	11B1	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1115	Lê Bá Hoàng Đạt	11B1	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1116	Vũ Minh Quân	11B1	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1117	Bùi Thủy Dương	11B1	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1118	Nguyễn Ngọc Long	11B1	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1119	Đỗ Đăng Khôi	11B1	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1120	Phạm Trường Giang	11B3	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1121	Nguyễn Tùng Lâm	11B4	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1122	Phạm Thị Ngân Anh	11B6	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1123	Tạ Bảo Lâm	11B6	Toán (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1124	Phạm Thùy Trang	11B11	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1125	Nguyễn Sơn Nguyên	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1126	Bùi Tuệ Minh	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1127	Nguyễn Phi Hùng	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1128	Nguyễn Khánh Lâm	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1129	Đào Bình An	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1130	Bùi Khang Bình	11B7	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1131	Trần Quang Sử	11B7	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1132	Trần Công Minh	11B8	Vật lí (THPT)	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân
1133	Phan Đức Minh	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS Hữu Nghị Quốc tế	Phường Lê Chân
1134	Mai Quang Đức	8A1	Toán (THCS)	TH-THCS Hữu Nghị Quốc tế	Phường Lê Chân
1135	Nguyễn Đồng Tuấn Trường	8A01	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Ngôi Sao Hải Phòng	Phường Lê Chân
1136	Dương Bảo Nam	8A01	Toán (THCS)	TH-THCS-THPT Ngôi Sao Hải Phòng	Phường Lê Chân
1137	Đặng Thị Thu Hương	8A	Toán (THCS)	THCS Cao Nhân	Phường Lê Ích Mộc
1138	Hoàng Thanh Vân	8A	Toán (THCS)	THCS Cao Nhân	Phường Lê Ích Mộc
1139	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chính Mỹ	Phường Lê Ích Mộc
1140	Lưu Nguyễn Trường Phúc	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chính Mỹ	Phường Lê Ích Mộc
1141	Trần Ngọc Hà	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chính Mỹ	Phường Lê Ích Mộc
1142	Trần Thị Ngọc Ánh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chính Mỹ	Phường Lê Ích Mộc
1143	Trần Nhật Vương	8A1	Toán (THCS)	THCS Chính Mỹ	Phường Lê Ích Mộc
1144	Nguyễn Tự Đức Tiến	7A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc
1145	Bùi Khánh Nhân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc
1146	Trịnh Giang Hương	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc
1147	Doãn Bá Vương Anh	8A1	Toán (THCS)	THCS Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc
1148	Nguyễn Như Bá Đường	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1149	Hoàng Hải Nam	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1150	Nguyễn Trường Đạt	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1151	Hoàng Nguyễn Mai Anh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1152	Nguyễn Ngọc Gia Hân	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1153	Nguyễn Hương Ly	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1154	Nguyễn Như Thảo	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1155	Nguyễn Lê Vũ Hiệp	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1156	Lâm Xuân Tấn Phát	8A1	Toán (THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1157	Lê Dương Phong	8A1	Toán (THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1158	Phạm Khánh Hà	8A1	Toán (THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1159	Đặng Khắc Thụy Triều	8A1	Toán (THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1160	Đào Huy Khánh	8A1	Toán (THCS)	THCS Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc
1161	Trần Nguyễn Minh Đức	8A4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quảng Thanh	Phường Lê Ích Mộc
1162	Vũ Đặng Thảo Nguyên	8A1	Toán (THCS)	THCS Quảng Thanh	Phường Lê Ích Mộc
1163	Nguyễn Trí Dũng	8A1	Toán (THCS)	THCS Quảng Thanh	Phường Lê Ích Mộc
1164	Nguyễn Đắc Việt	10A1	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1165	Nguyễn Việt Hùng	10A1	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1166	Nguyễn Tự Hải Đăng	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1167	Nguyễn Diệu Linh	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1168	Đỗ Thị Ngọc Trâm	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1169	Nguyễn Thị Xuân	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1170	Nguyễn Bảo Khánh	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1171	Vũ Tùng Lâm	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1172	Nguyễn Việt Cường	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1173	Đặng Thu Liên	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1174	Nguyễn Thị Mai Linh	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1175	Bùi Tiến Đông	10A1	Toán (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1176	Đông Minh Quân	11B1	Toán (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1177	Nguyễn Bảo Nam	11B1	Toán (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1178	Đỗ Gia Bảo	11B1	Toán (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1179	Lê Bá Hải Nam	11B1	Toán (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1180	Vũ Thị Lan Anh	11B1	Toán (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1181	Hoàng Minh Ngọc	11B1	Toán (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1182	Bùi Mẫn Đạt	11B2	Toán (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1183	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1184	Nguyễn Thị Thu Hà	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1185	Nguyễn Thu Hương	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1186	Lê Thị Mai Chi	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1187	Đỗ Văn Hưng	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1188	Dương Nhật Minh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1189	Đỗ Hoàng Dương	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1190	Nguyễn Thùy Dương	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1191	Nguyễn Khắc Đạt	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc
1192	Lê Đức Lâm	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1193	Cù Đăng Minh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1194	Lê Yến Nhi	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1195	Đặng Thị Kim Ngân	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1196	Trần Gia Hân	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1197	Lê Tuệ Mẫn	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1198	Đồng Thị Thu An	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1199	Đào Khánh Linh	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1200	Dương Minh Ngọc	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1201	Lại Ngọc Lan	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1202	Vũ Thị Hồng Nhung	8A4	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1203	Nguyễn Bảo Hân	8A1	Toán (THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1204	Nguyễn Đức Nam	8A1	Toán (THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1205	Phạm Minh Ngọc	8A1	Toán (THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1206	Lê Thị Hương Giang	8A1	Toán (THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1207	Đào Xuân Nhi	8A2	Toán (THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm
1208	Đào Nhật Hạ	8A2	Toán (THCS)	THCS Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1209	Nguyễn Thị Thanh Huyền	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1210	Lê Giang Quân	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1211	Hoàng Công Tú	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1212	Bùi Mẫn Thiên Phúc	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1213	Lê Trung Hiếu	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1214	Nguyễn Thị Hằng	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1215	Nguyễn Phú Hưng	10A1	Sinh học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1216	Lê Nguyễn Phương Linh	10A1	Sinh học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1217	Trần Thị Diệu Huyền	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1218	Nguyễn Thị Mỹ Đức	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1219	Cù Phương Anh	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1220	Lê Anh Thư	11B5	Sinh học (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1221	Nguyễn Thị Minh Anh	11B1	Toán (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1222	Lê Văn Nghĩa	11B1	Toán (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1223	Nguyễn Quang Hoàng	11B2	Toán (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1224	Nguyễn Văn Dũng	11B2	Toán (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1225	Vũ Nguyên Dương	11B2	Toán (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1226	Cù Việt Tuấn Dũng	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1227	Nguyễn Mạnh Dũng	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1228	Vũ Tiến Nghĩa	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1229	Nguyễn Mạnh Đức	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1230	Vũ Đình Nhật Minh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1231	Vũ Thị Bích Ngọc	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1232	Vương Hải Lan	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1233	Đặng Tiến Bình	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm
1234	Lê Nguyễn Phương Nghi	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bàng La	Phường Nam Đồ Sơn
1235	Phạm Thị Thu Hằng	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bàng La	Phường Nam Đồ Sơn
1236	Hoàng Bảo Trang	8A5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1237	Trịnh Phương Thảo	8A5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1238	Nguyễn Thị Thùy An	8A5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1239	Phạm Thảo Nguyên	8A5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1240	Hoàng Thị Thu Hương	8A5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1241	Phạm Ngọc Diệp	8A5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1242	Lương Huy Toàn	8A5	Toán (THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1243	Nguyễn Quang Tùng	8A5	Toán (THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1244	Tăng Tuyết Hương	8A5	Toán (THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1245	Nguyễn Gia Huy	8A5	Toán (THCS)	THCS Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn
1246	Nguyễn Thị Minh Ngọc	8A6	Toán (THCS)	THCS Lập Lễ	Phường Nam Triệu
1247	Phạm Thị Khánh Linh	8A6	Toán (THCS)	THCS Lập Lễ	Phường Nam Triệu
1248	Đình Hoài Anh	8A6	Toán (THCS)	THCS Lập Lễ	Phường Nam Triệu
1249	Đình Văn Việt Cường	8A6	Toán (THCS)	THCS Lập Lễ	Phường Nam Triệu
1250	Đình Chính Thành Long	8A6	Toán (THCS)	THCS Lập Lễ	Phường Nam Triệu
1251	Phạm Thành Đạt	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phục Lễ	Phường Nam Triệu
1252	Phạm Hương Giang	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phục Lễ	Phường Nam Triệu
1253	Nguyễn Thùy An	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phục Lễ	Phường Nam Triệu
1254	Đình Thị Dương An	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phục Lễ	Phường Nam Triệu
1255	Phạm Thị Vân Giang	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phục Lễ	Phường Nam Triệu
1256	Đình Hiếu Khôi	8A1	Toán (THCS)	THCS Phục Lễ	Phường Nam Triệu
1257	Nguyễn Nhật Huy	8A1	Toán (THCS)	THCS Phục Lễ	Phường Nam Triệu
1258	Nguyễn Thanh Vũ	8A1	Toán (THCS)	THCS Phục Lễ	Phường Nam Triệu
1259	Mai Hương Giang	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tam Hưng	Phường Nam Triệu
1260	Vũ Thị Thảo Vân	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tam Hưng	Phường Nam Triệu
1261	Vũ Thị Khánh Ly	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tam Hưng	Phường Nam Triệu
1262	Vũ Minh Châu	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tam Hưng	Phường Nam Triệu
1263	Vũ Tường Lam	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tam Hưng	Phường Nam Triệu
1264	Mai Công Hiếu	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tam Hưng	Phường Nam Triệu
1265	Đỗ Trí Phong	8B11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1266	Lê Sỹ Nguyên	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1267	Lại Minh Phúc	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1268	Nguyễn Quốc Hưng	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1269	Chu Châu Anh	8B10	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1270	Hoàng Nguyễn Ngọc Phong	8B11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1271	Phạm Minh Hiếu	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1272	Vũ Trường Thủy	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1273	Trần Hoàng Hải	8B3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1274	Bùi Gia Ninh	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1275	Vũ Ngọc Anh Thu	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1276	Trần Minh Khoa	8B2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1277	Nguyễn Duy Minh	8B2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1278	Nguyễn Bá Gia Kỳ	8B2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1279	Đào Thanh Vân	8B10	Toán (THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1280	Đặng Hoàng Hà	8B10	Toán (THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1281	Nguyễn Quỳnh Anh	8B10	Toán (THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1282	Phạm Phương Anh	8B11	Toán (THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1283	Nguyễn Sĩ Bách	8B2	Toán (THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1284	Phạm Tiến Phong	8B2	Toán (THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1285	Nguyễn Ngọc Minh Châu	8B2	Toán (THCS)	THCS Đà Nẵng	Phường Ngô Quyền
1286	Nguyễn Minh Khôi	8C1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1287	Tạ Thanh Phong	8C2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1288	Nguyễn Tùng Lâm	8C2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1289	Nguyễn Phạm Thanh Nghị	8C2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1290	Nguyễn Diệp Thảo Trang	8C7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1291	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1292	Nguyễn Thi Khánh Chi	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1293	Trần Nhật Huy	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1294	Hoàng Gia Hưng	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1295	Lê Tuệ Băng	8C2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1296	Đặng Bảo Ngọc	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1297	Nguyễn Vũ Mai Vân	8C2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1298	Vũ Ngọc Thủy Tiên	8C7	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1299	Nguyễn Minh Ngọc	8C8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1300	Lê Hoàng Lâm	8C1	Toán (THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1301	Trần Tùng Dương	8C1	Toán (THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1302	Nguyễn Bá Gia Huy	8C1	Toán (THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1303	Khoa Việt Anh	8C1	Toán (THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1304	Phạm Tuấn Anh	8C1	Toán (THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1305	Trần Tuệ Nhi	8C1	Toán (THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1306	Nguyễn Ngọc Hà	8C1	Toán (THCS)	THCS Lạc Viên	Phường Ngô Quyền
1307	Trần Thị Hải Duyên	8B7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1308	Dương Minh Đức	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1309	Lê Thanh Quỳnh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1310	Nguyễn Hải Long	8B8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1311	Phạm Quốc Cường	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1312	Nguyễn Hải Phong	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1313	Lương Hoàng Minh	8B1	Toán (THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1314	Phạm Ngọc Nam Khánh	8B1	Toán (THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1315	Phan Minh Hải	8B1	Toán (THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1316	Hoàng Vũ Minh Anh	8B1	Toán (THCS)	THCS Quang Trung	Phường Ngô Quyền
1317	Trần Đức Huy	11A1	Hóa học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1318	Hoàng Long Hải	11A1	Hóa học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1319	Đỗ Thảo My	11A1	Hóa học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1320	Nguyễn Quang Huy	11A2	Hóa học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1321	Trần Thị Ly	11A2	Hóa học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1322	Trần Duy Nam	11A2	Hóa học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1323	Ngô Gia Huy	11A2	Hóa học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1324	Trần Minh Vũ	11A3	Hóa học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1325	Phạm Minh Thảo	11A1	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1326	Lê Quỳnh Chi	11A1	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1327	Trần Hương Giang	11A14	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1328	Nguyễn Nhật Nam	11A14	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1329	Trần Phùng Huyền Thương	11A14	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1330	Đình Quốc Bình	11A2	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1331	Trần Hải Bình	11A2	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1332	Vũ Minh Tấn	11A2	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1333	Nguyễn Hoàng Anh	11A2	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1334	Trịnh Nguyễn Anh	11A3	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1335	Phạm Khánh Nam	11A3	Sinh học (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1336	Vũ Nguyễn Minh Phúc	10A7	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1337	Trần Hoàng Thùy Dương	11A10	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1338	Nguyễn Văn Thanh	11A11	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1339	Nguyễn Đức Huy	11A11	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1340	Đoàn Việt Anh	11A12	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1341	Phạm Tuấn Kiệt	11A12	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1342	Nguyễn Vũ Phương Linh	11A12	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1343	Phạm Thái Hưng	11A3	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1344	Nguyễn Chí Vinh	11A5	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1345	Lê Hoàng Long	11A5	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1346	Phạm Thị Quỳnh Hương	11A6	Toán (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1347	Bùi Nhật Linh	11A1	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1348	Vũ Đình Minh	11A1	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1349	Vũ Thị Ngọc Khuê	11A11	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1350	Lê Đức Mạnh	11A12	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1351	Lê Minh Hoàng	11A3	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1352	Trần Nhật Nam	11A3	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1353	Vũ Đức Khôi	11A3	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1354	Phạm Đức Việt	11A4	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1355	Nguyễn Hoàng Việt	11A5	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1356	Vũ Phương Diễm	11A5	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1357	Nguyễn Minh Khang	11A6	Vật lí (THPT)	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền
1358	Đặng Anh Minh	8A10	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1359	Phạm Mạnh Tiến	8A10	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1360	Lê Minh Triết	8A10	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1361	Vũ Minh Khang	8A11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1362	Vũ Nhật Thanh Mai	8A9	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1363	Nguyễn Trần Thảo Vân	8A10	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1364	Đặng Hoàng Ngân	8A10	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1365	Nguyễn Hữu Khánh Nam	8A10	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1366	Nguyễn Hải Phong	8A11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1367	Trần Ngọc Thu Giang	8A10	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1368	Vũ Trần Đăng Khôi	8A11	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1369	Lương Châu Anh	8A11	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1370	Bùi Ngọc Trâm	8A9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1371	Bùi Việt Anh	8A1	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1372	Bùi Nam Phong	8A1	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1373	Nguyễn Ngọc Nam	8A10	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1374	Bùi Hải Lâm	8A11	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1375	Đào Thanh Long	8A11	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1376	Lã Khánh Huyền	8A11	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1377	Phạm Thế Minh	8A11	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Phường Phù Liễn
1378	Nguyễn Đăng Minh	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1379	Đào Trọng Minh	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1380	Phạm Phú Vinh	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1381	Trần Lê Trường Giang	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1382	Phạm Mai Phương	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1383	Nguyễn Khánh Huy	8B6	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1384	Phạm Bá Thu	8B7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1385	Đào Trọng Đại	8B7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1386	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1387	Trung Đoàn Hoàng Bách	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1388	Lê Quang Hùng	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1389	Đình Quang Long	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1390	Vũ Hải Minh	8B7	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1391	Đặng Mai Hân	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1392	Vũ Thị Minh Anh	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1393	Nguyễn Anh Quân	8B1	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1394	Trịnh Hoàng Hải	8B1	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1395	Mai Hải Đăng	8B1	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1396	Võ Trọng Minh	8B1	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1397	Bùi Đức Gia Hưng	8B1	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1398	Nguyễn Xuân Bách	8B1	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1399	Trần Thị Khánh Ngọc	8B2	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1400	Trần Thị Thảo Nguyên	8B2	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1401	Nguyễn Anh Quân	8B3	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Phù Liễn
1402	Ngô Minh Hiếu	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1403	Phùng Minh Tú	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1404	Nguyễn Hải Nam	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1405	Ngô Bình Minh	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1406	Lê Minh Thư	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1407	Nguyễn Minh Vũ	11B1	Toán (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1408	Đoàn Hữu Bảo Nam	11B1	Toán (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1409	Nguyễn Trọng Tín	11B1	Toán (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1410	Trần Thị Hà Linh	11B4	Toán (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1411	Lê Chí Thanh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1412	Ngô Mạnh Đức	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1413	Đỗ Trâm Anh	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1414	Phí Thanh Hằng	11B7	Vật lí (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn
1415	Đoàn Đức Quang	11B7	Vật lí (THPT)	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1416	Phạm Văn Khoa	11B1	Toán (THPT)	THPT Phan Đăng Lưu	Phường Phù Liễn
1417	Bùi Thảo My	11B1	Toán (THPT)	THPT Phan Đăng Lưu	Phường Phù Liễn
1418	Trịnh Quang Dũng	11B1	Toán (THPT)	THPT Phan Đăng Lưu	Phường Phù Liễn
1419	Lê Nguyễn Khánh Linh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hoàng Động	Phường Thiên Hương
1420	Bùi Đức Minh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hoàng Động	Phường Thiên Hương
1421	Vũ Thế Minh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hoàng Động	Phường Thiên Hương
1422	Đào Thị Hoàng Linh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hoàng Động	Phường Thiên Hương
1423	Đoàn Ngọc Minh Vũ	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hoàng Động	Phường Thiên Hương
1424	Vũ Kim Ngân	8A1	Toán (THCS)	THCS Hoàng Động	Phường Thiên Hương
1425	Nguyễn Thế Vinh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1426	Hoàng Gia Khôi	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1427	Nguyễn Anh Kiệt	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1428	Nguyễn Thị Thu Hiền	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1429	Phạm Thị Hà Mi	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1430	Nguyễn Bá Quốc	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1431	Nguyễn Duy Hoàng	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1432	Bùi Quang Huy	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1433	Phạm Bảo Ngọc	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1434	Nguyễn Minh Thùy	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1435	Phạm Thị Khánh Ly	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1436	Nguyễn Thị Bảo Bình	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1437	Đào Duy Anh	8A1	Toán (THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1438	Nguyễn Xuân Bảo Long	8A1	Toán (THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1439	Hoàng Minh Nhật	8A1	Toán (THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương
1440	Hoàng Thanh Trúc	8A2	Toán (THCS)	THCS Kiên Bái	Phường Thiên Hương

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1441	Cù Việt Hưng	8A1	Toán (THCS)	THCS Lâm Động	Phường Thiên Hương
1442	Lê Ngọc Nhật Anh	8A1	Toán (THCS)	THCS Thiên Hương	Phường Thiên Hương
1443	Lê Diệu Thái	8A1	Toán (THCS)	THCS Thiên Hương	Phường Thiên Hương
1444	Lê Khánh Ly	8A5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Dương Quan	Phường Thủy Nguyên
1445	Nguyễn Thị Bảo An	8A5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Dương Quan	Phường Thủy Nguyên
1446	Lê Thanh Phong	8A5	Toán (THCS)	THCS Dương Quan	Phường Thủy Nguyên
1447	Đỗ Đại Phú	8A5	Toán (THCS)	THCS Dương Quan	Phường Thủy Nguyên
1448	Lê Thị Thanh Trúc	8A5	Toán (THCS)	THCS Dương Quan	Phường Thủy Nguyên
1449	Lê Nguyễn Trí Dũng	8A5	Toán (THCS)	THCS Dương Quan	Phường Thủy Nguyên
1450	Nguyễn Thị Lý	8A5	Toán (THCS)	THCS Dương Quan	Phường Thủy Nguyên
1451	Nguyễn Tuấn Dũng	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hoa Động	Phường Thủy Nguyên
1452	Nguyễn Bùi Minh Thái	8a2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hoa Động	Phường Thủy Nguyên
1453	Nguyễn Tâm Như	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hoa Động	Phường Thủy Nguyên
1454	Đoàn Thị Trà My	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hoa Động	Phường Thủy Nguyên
1455	Nguyễn Hoài Anh	7A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1456	Lê Minh Nhật	7A9	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1457	Nguyễn Đình Cả	8A11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1458	Đào Anh Thư	8A11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1459	Đỗ Đoàn Thanh Hải	8A11	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1460	Đoàn Hà An	7A9	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1461	Trần Hồng Minh Phương	8A11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1462	Nguyễn Tất Gia Khánh	8A11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1463	Hoàng Hữu Tuấn Minh	8A11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1464	Trần Nam Anh	8A11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1465	Đoàn Phương Linh	8A11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1466	Đào Phú Quý	8A11	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1467	Nguyễn Bảo Long	7A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1468	Nguyễn Bùi Phương Nhi	7A9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1469	Đặng Khánh An	7A9	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1470	Tạ Phước Tâm Thanh	8A11	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1471	Nguyễn Ngọc Hân	8A1	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1472	Bùi Thuận Nhân	8A11	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1473	Nguyễn Thuận Thiên	8A11	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1474	Nguyễn Phú Gia Hưng	8A11	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1475	Nguyễn Huỳnh Long	8A11	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1476	Nguyễn Phúc Trọng	8A11	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1477	Ngo Helen Minh Nguyet	8A11	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1478	Trần Gia Bảo	8A2	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1479	Vũ Đức Hiệp	8A3	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1480	Đông Mạnh Nguyên	8A6	Toán (THCS)	THCS Lê Ích Mộc	Phường Thủy Nguyên
1481	Đào Thị Minh Nguyệt	8A1	Toán (THCS)	THCS Thủy Đường	Phường Thủy Nguyên
1482	Bùi Hải Sơn	8A1	Toán (THCS)	THCS Thủy Đường	Phường Thủy Nguyên
1483	Hà Vinh Hải	8A2	Toán (THCS)	THCS Thủy Đường	Phường Thủy Nguyên
1484	Nguyễn Nhật Nguyên	8A4	Toán (THCS)	THCS Thủy Đường	Phường Thủy Nguyên
1485	Nguyễn Hữu Phúc	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1486	Vũ Duy Quân	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1487	Trần Quang Khải	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1488	Nguyễn Công Toàn	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1489	Đoàn Bùi Tùng Lâm	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1490	Lê Thị Khánh Ly	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1491	Đào Thị Hải Yến	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1492	Trương Yến Nhi	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1493	Bùi Hương Giang	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1494	Nguyễn Hoàng Hải	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1495	Nguyễn Thị Anh Thư	11B4	Toán (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1496	Bùi Đức Trường Sơn	11B4	Toán (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1497	Phạm Anh Tuấn	11B4	Toán (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1498	Đàm Thế Khương	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1499	Nguyễn Ngọc Anh	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1500	Vũ Văn Uy	11B3	Vật lí (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1501	Đàm Ngọc Hà	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1502	Đào Mạnh Cường	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1503	Vũ Hải Linh	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên
1504	Nguyễn Thế Cường	11B1	Toán (THPT)	THPT Thủy Sơn	Phường Thủy Nguyên
1505	Lưu Thị An	8D	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	Xã An Hưng
1506	Bùi Thị Thu Uyên	8D	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	Xã An Hưng
1507	Trần Trung Kiên	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1508	Phạm Nguyễn Ngọc Hùng	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1509	Lương Duy Ninh	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1510	Nguyễn Ngọc Anh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1511	Phạm Dương Hải	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1512	Trịnh Hiếu Đăng	11B1	Toán (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1513	Đặng Hữu Nam	11B2	Toán (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1514	Lương Tuấn Công	11B2	Toán (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1515	Đào Xuân Sang	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1516	Đỗ Hải Đăng	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1517	Vũ Văn Cường	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1518	Bùi Xuân Dũng	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1519	Trịnh Thế Mạnh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1520	Trịnh Li Ly	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng
1521	Đàm Mai Phương	8B	Toán (THCS)	TH-THCS Chiến Thắng	Xã An Hưng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1522	Lương Đức Trí Đạt	8D	Toán (THCS)	TH-THCS Chiến Thắng	Xã An Hưng
1523	Đỗ Phương Linh	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Mỹ Đức	Xã An Khánh
1524	Lương Thái Tuấn	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Mỹ Đức	Xã An Khánh
1525	Nguyễn Quốc Bảo	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Mỹ Đức	Xã An Khánh
1526	Đỗ Thị Yến Nhi	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Mỹ Đức	Xã An Khánh
1527	Đỗ Băng Ly	8B1	Toán (THCS)	THCS Mỹ Đức	Xã An Khánh
1528	Nguyễn Ngọc Nhật	8B1	Toán (THCS)	THCS Mỹ Đức	Xã An Khánh
1529	Đỗ Thị Thu Thủy	8B3	Toán (THCS)	THCS Mỹ Đức	Xã An Khánh
1530	Hoàng Anh	8E	Toán (THCS)	THCS Thái Sơn	Xã An Khánh
1531	Bùi Đức Mạnh	8E	Toán (THCS)	THCS Thái Sơn	Xã An Khánh
1532	Bùi Khánh Nam	8E	Toán (THCS)	THCS Thái Sơn	Xã An Khánh
1533	Nguyễn Phú Quý	8E	Toán (THCS)	THCS Thái Sơn	Xã An Khánh
1534	Trần Đỗ Bảo Hân	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Tiến	Xã An Lão
1535	Phạm Phương Nam	8C	Toán (THCS)	THCS An Tiến	Xã An Lão
1536	Bùi Bảo Long	8C	Toán (THCS)	THCS An Tiến	Xã An Lão
1537	Hoàng Ngọc Minh Châu	8E	Toán (THCS)	THCS An Tiến	Xã An Lão
1538	Phạm Phương Nhi	8E	Toán (THCS)	THCS An Tiến	Xã An Lão
1539	Đào Kim Ngân	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1540	Nguyễn Minh Châu	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1541	Bùi Trịnh Minh Doanh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1542	Vũ Hoàng Thanh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1543	Ngô Đào Bảo Long	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1544	Phạm Thanh Trúc	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1545	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1546	Hoàng Tiến Công	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1547	Phạm Minh Quân	8A	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1548	Bùi Quốc Huy	8B	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1549	Trần Thanh Sơn	8B	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1550	Bùi Lê Nguyên Anh	8B	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1551	Hoàng Minh Huy	8B	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1552	Mai Thanh Phong	8B	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão
1553	Bùi Quang Hải	8B	Toán (THCS)	THCS Lương Khánh Thiện	Xã An Lão

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1554	Đình Tuấn Minh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1555	Bùi Quang Vinh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1556	Ngô Doãn Tuấn Tài	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1557	Nguyễn Đình An Quý	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1558	Lê Hà Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1559	Bùi Thị Minh Châu	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1560	Nguyễn Ngọc Linh	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1561	Phạm Duy Khánh	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1562	Nguyễn Ngọc Hân	8A2	Toán (THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1563	Lưu Thùy Trâm	8A2	Toán (THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1564	Nguyễn Phúc Hưng	8A2	Toán (THCS)	THCS Tân Thắng	Xã An Lão
1565	Nguyễn Hồng Ngọc	7A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trường Sơn	Xã An Lão
1566	Nguyễn Khánh Ngọc	7A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Trường Sơn	Xã An Lão
1567	Nguyễn Vũ Trường Hà	7A3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Trường Sơn	Xã An Lão
1568	Nguyễn Toàn Thắng	8A1	Toán (THCS)	THCS Trường Sơn	Xã An Lão
1569	Hoàng Nguyễn Việt Hùng	8A2	Toán (THCS)	THCS Trường Sơn	Xã An Lão
1570	Lê Khánh Ngọc	8A2	Toán (THCS)	THCS Trường Sơn	Xã An Lão
1571	Phạm Thiện Căn	10C3	Hóa học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1572	Vũ Thị Thùy Trâm	11B1	Hóa học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1573	Nguyễn Thành Vinh	11B6	Hóa học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1574	Nguyễn Danh Nhất Nhật	11B6	Hóa học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1575	Nguyễn Thế Anh	11B6	Hóa học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1576	Nguyễn Ngọc Quý Minh	11B6	Hóa học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1577	Nguyễn Khánh Huyền	11B3	Sinh học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1578	Dương Thanh Hằng	11B5	Sinh học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1579	Đỗ Hương Lam	11B5	Sinh học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1580	Trần Thị Mai Quỳnh	11B6	Sinh học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1581	Đỗ Hương Giang	11B6	Sinh học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1582	Vũ Minh Hiếu	11B6	Sinh học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1583	Nguyễn Hương Giang	11B6	Sinh học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1584	Phạm Thị Thanh Loan	11B6	Sinh học (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1585	Vũ Huy Hoàng	10C14	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1586	Vũ Tấn Sang	10C3	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1587	Vũ Gia Quốc	10C3	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1588	Trịnh Vĩnh Kiên	11B1	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1589	Lê Đình Thiện Nhân	11B6	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1590	Trịnh Minh Quân	11B6	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1591	Hoàng Tuấn Tú	11B6	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1592	Vũ Tiến Dũng	11B6	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1593	Trần Việt Bảo Nam	11B8	Toán (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1594	Đỗ Nguyễn Huy Toàn	11B1	Vật lí (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1595	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	11B10	Vật lí (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1596	Vũ Thị Khánh Huyền	11B5	Vật lí (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1597	Nguyễn Thị Thùy Dương	11B6	Vật lí (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1598	Đỗ Tùng Mạnh	11B6	Vật lí (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1599	Hoàng Bảo Nam	11B6	Vật lí (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1600	Phạm Thị Yến Nhi	11B6	Vật lí (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1601	Vũ Trần Tiến Nam	11B6	Vật lí (THPT)	THPT An Lão	Xã An Lão
1602	Trịnh Thanh Vân	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quang Trung	Xã An Quang
1603	Phan Thị Minh Thư	8B	Toán (THCS)	THCS Quang Trung	Xã An Quang
1604	Nguyễn Thu Hường	8E	Toán (THCS)	THCS Quang Trung	Xã An Quang
1605	Lê Nguyễn Ngọc Hương	8E	Toán (THCS)	THCS Quang Trung	Xã An Quang
1606	Phạm Bảo Duy	8A	Toán (THCS)	THCS Quốc Tuấn	Xã An Quang
1607	Phạm Tường Uyên	8D	Toán (THCS)	THCS Quốc Tuấn	Xã An Quang
1608	Nguyễn Kính Đức	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quốc Tuấn	Xã An Quang
1609	Đỗ Trung Kiên	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Quốc Tuấn	Xã An Quang
1610	Nguyễn Minh Kiên	7B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Quang Hưng	Xã An Quang
1611	Hoàng Minh Trang	7C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Quang Hưng	Xã An Quang
1612	Nguyễn Trường Hải	8B	Toán (THCS)	TH-THCS Quang Hưng	Xã An Quang
1613	Phạm Lê Anh Tú	8B	Toán (THCS)	TH-THCS Quang Hưng	Xã An Quang
1614	Nguyễn Thanh Vân	8B	Toán (THCS)	TH-THCS Quang Hưng	Xã An Quang
1615	Lương Gia Hân	8B	Toán (THCS)	TH-THCS Quang Hưng	Xã An Quang
1616	Bùi Ngọc Linh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bát Trang	Xã An Trường
1617	Phạm Gia Linh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bát Trang	Xã An Trường

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1618	Nguyễn Bảo Trang	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trường Thọ	Xã An Trường
1619	Ngô Quang Long	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Trường Thọ	Xã An Trường
1620	Nguyễn Phương Vy	8C	Toán (THCS)	THCS Trường Thọ	Xã An Trường
1621	Nguyễn Minh Thu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Trường Thành	Xã An Trường
1622	Nguyễn Tuấn Anh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Trường Thành	Xã An Trường
1623	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Trường Thành	Xã An Trường
1624	Lê Phong Hải	8C	Toán (THCS)	TH-THCS Trường Thành	Xã An Trường
1625	Vũ Thanh Huynh	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chấn Hưng	Xã Chấn Hưng
1626	Bùi Thị Bảo Trâm	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chấn Hưng	Xã Chấn Hưng
1627	Phạm Thị Anh Thu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chấn Hưng	Xã Chấn Hưng
1628	Vũ Văn Tuấn Anh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đông Tây Hưng	Xã Chấn Hưng
1629	Phạm Việt Thành Luân	7B	Toán (THCS)	THCS Đông Tây Hưng	Xã Chấn Hưng
1630	Phạm Thị Hải Yến	8A	Toán (THCS)	THCS Đông Tây Hưng	Xã Chấn Hưng
1631	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên	8A	Toán (THCS)	THCS Đông Tây Hưng	Xã Chấn Hưng
1632	Vũ Bảo An	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1633	Đào Quang Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1634	Đào Mạnh Cường	8A	Toán (THCS)	THCS Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1635	Vũ Minh Sao	8A	Toán (THCS)	THCS Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1636	Đỗ Công Thái	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vinh Quang	Xã Hùng Thắng
1637	Vũ Hùng Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vinh Quang	Xã Hùng Thắng
1638	Mai Hà Thủy	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vinh Quang	Xã Hùng Thắng
1639	Lê Hữu Anh Văn	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vinh Quang	Xã Hùng Thắng
1640	Vũ Văn Quỳnh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vinh Quang	Xã Hùng Thắng
1641	Trần Thị Ngọc Bích	8A	Toán (THCS)	THCS Vinh Quang	Xã Hùng Thắng
1642	Hoàng Gia Bảo	8A	Toán (THCS)	THCS Vinh Quang	Xã Hùng Thắng
1643	Dương Minh Yến	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1644	Phạm Thị Dịu	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1645	Vũ An Hoà	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1646	Vũ Hoàng Mai Chi	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1647	Lương Thị Phương Anh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1648	Phạm Vũ Hùng	11B1	Toán (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1649	Lương Nam Khánh	11B1	Toán (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1650	Đỗ Minh Anh	11B1	Toán (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1651	Lê Thị Ngọc Hà	11B1	Toán (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1652	Trần Đình Hải	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1653	Phạm Đăng Phong	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng
1654	Lê Tú Quyên	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Kiến Hải
1655	Hoàng Phương Thảo	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Kiến Hải
1656	Nguyễn Phương Linh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Kiến Hải
1657	Phạm Phương Thảo	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Kiến Hải
1658	Nguyễn Ánh Tuyết	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Kiến Hải
1659	Ngô Thùy Dương	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Kiến Hải
1660	Hoàng Minh Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Kiến Hải
1661	Nguyễn Quỳnh Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Kiến Hải
1662	Phạm Quỳnh Anh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tú Sơn	Xã Kiến Hải
1663	Hoàng Khánh Duy	8A	Toán (THCS)	THCS Tú Sơn	Xã Kiến Hải
1664	Lê Hà Kiều Anh	8B	Toán (THCS)	THCS Tú Sơn	Xã Kiến Hải
1665	Đông Ngô Hương Giang	8B	Toán (THCS)	THCS Tú Sơn	Xã Kiến Hải
1666	Nguyễn Gia Bảo	8B	Toán (THCS)	THCS Tú Sơn	Xã Kiến Hải
1667	Bùi Quang Việt	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải
1668	Nguyễn Thị Thu Trà	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải
1669	Phạm Thu Trang	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải
1670	Nguyễn Đức Thành	10C2	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải
1671	Lê Anh Khoa	11B2	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải
1672	Đoàn Trí Khang	11B2	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải
1673	Đỗ Tác Dương	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải
1674	Vũ Hoàng Khang	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải
1675	Đặng Bá Hiên Vinh	8D	Toán (THCS)	TH-THCS Tân Phong	Xã Kiến Hải
1676	Cao Đức Bảo Nam	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Hà	Xã Kiến Hưng
1677	Cao Thị Thảo Nhi	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Hà	Xã Kiến Hưng
1678	Cao Thị Như Ngọc	8D	Toán (THCS)	THCS Đại Hà	Xã Kiến Hưng
1679	Nguyễn Hoàng Châu Anh	8D	Toán (THCS)	THCS Đại Hà	Xã Kiến Hưng
1680	Bùi Thị Minh Thư	8D	Toán (THCS)	THCS Đại Hà	Xã Kiến Hưng
1681	Cao Thị Linh Chi	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng
1682	Vũ Hoàng Phương	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1683	Vũ Ngọc Hà	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng
1684	Mạc Thị Thanh Thảo	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng
1685	Vũ Phùng Thảo Nhi	8A	Toán (THCS)	THCS Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng
1686	Nguyễn Đăng Khoa	8A	Toán (THCS)	THCS Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng
1687	Vũ Hoàng Lâm	8A	Toán (THCS)	THCS Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng
1688	Vũ Thị Cúc	8A	Toán (THCS)	THCS Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng
1689	Phạm Thành Hưng	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Trào	Xã Kiến Hưng
1690	Phạm Mai Nguyên	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Trào	Xã Kiến Hưng
1691	Bùi Hữu Minh Hoàng	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Trào	Xã Kiến Hưng
1692	Nguyễn Thị Phương Thảo	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Trào	Xã Kiến Hưng
1693	Hồ Minh Hùng	8B	Toán (THCS)	THCS Tân Trào	Xã Kiến Hưng
1694	Mai Đăng Khôi	8C1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1695	Phạm Thảo Vân	8C3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1696	Đỗ Trần Minh Hiếu	8C4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1697	Hoàng Thị Thu Trang	8C1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1698	Đình Trung Vũ	8C1	Toán (THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1699	Hoàng Minh Tuấn	8C1	Toán (THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1700	Phạm Mạnh Hải	8C4	Toán (THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1701	Phạm Ngọc Hà	8C4	Toán (THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1702	Phạm Hoàng Long	8C8	Toán (THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1703	Lương Mạnh Hải	8C8	Toán (THCS)	THCS Đại Đồng - Đông Phương	Xã Kiến Minh
1704	Phạm Đình Đăng Quang	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Minh Tân	Xã Kiến Minh
1705	Nguyễn Nam Khánh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Minh Tân	Xã Kiến Minh
1706	Phạm Bảo Ngọc	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Tân	Xã Kiến Minh
1707	Nguyễn Thiên Linh	8A	Toán (THCS)	THCS Minh Tân	Xã Kiến Minh
1708	Phạm Tiến Huy	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy
1709	Đặng Xuân Phúc	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy
1710	Đặng Huyền Trang	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy
1711	Đỗ Hải Phong	8A	Toán (THCS)	THCS Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1712	Phan Nhân Điền	8A	Toán (THCS)	THCS Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy
1713	Phạm Minh Hòa	8A	Toán (THCS)	THCS Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy
1714	Bùi Thị Ngọc Bích	8A	Toán (THCS)	THCS Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy
1715	Đặng Khánh Huyền	8A	Toán (THCS)	THCS Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy
1716	Phạm Huyền Diệp	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1717	Nguyễn Minh Đức	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1718	Đỗ Hà Uyên	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1719	Phạm Thị Thanh Mai	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1720	Chung Thị Quỳnh Anh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1721	Hoàng Thị Ánh Ngọc	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1722	Phạm Minh Hiếu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1723	Vũ Trọng Tuấn	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1724	Phạm Minh Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1725	Ngô Xuân Ngọc	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1726	Bùi Duy Khang	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1727	Đỗ Quang Huy	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1728	Nguyễn Ngọc Minh Châu	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1729	Nguyễn Thái Bảo	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1730	Đỗ Đan Dương	8C	Toán (THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1731	Đoàn Diệp Anh	8C	Toán (THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1732	Trương Tuấn Nghĩa	8C	Toán (THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1733	Phạm Hoàng Hải	8C	Toán (THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1734	Vũ Quang Long	8C	Toán (THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1735	Phạm Khánh Linh	8C	Toán (THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1736	Vũ Nguyễn Văn Hà	8C	Toán (THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1737	Bùi Thu Trang	8C	Toán (THCS)	THCS Thị Trấn Núi Đồi	Xã Kiến Thụy
1738	Phạm Phương Thảo	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy
1739	Mai Phương Nhi	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy
1740	Đào Thu Thủy	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1741	Nguyễn Hoàng Hải	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy
1742	Đào Huy Hoàng	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy
1743	Vũ Anh Đức	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy
1744	Nguyễn Nhật Minh	8D	Toán (THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy
1745	Đào Hồng Ngọc	8D	Toán (THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy
1746	Nguyễn Nhật Minh	8E	Toán (THCS)	THCS Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy
1747	Hoàng Thị Thảo	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1748	Nguyễn Phạm Hồng An	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1749	Nguyễn Thành Đạt	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1750	Cao Thành Luân	11B6	Hóa học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1751	Phạm Nguyệt Nga	11B8	Hóa học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1752	Ngô Ngọc Lan	11B8	Hóa học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1753	Cao Trọng Bảo	11B9	Hóa học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1754	Trần Thị Hoàng Mai	10C1	Sinh học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1755	Nguyễn Thị Ngọc My	10C1	Sinh học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1756	Bùi Thị Ngọc Anh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1757	Vũ Thị Như Quỳnh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1758	Nguyễn Tường Anh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1759	Nguyễn Minh Quang	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1760	Phan Thị Huyền Nhung	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1761	Nguyễn Phúc Nguyên	10C1	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1762	Phạm Thế Dân	10C4	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1763	Nguyễn Trung Thành	10C4	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1764	Lương Hồng Xuân Hương	11B4	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1765	Nguyễn Huy Dương	11B4	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1766	Nguyễn Quang Việt	11B4	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1767	Đỗ Hữu Tuấn	11B4	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1768	Vũ Thị Mai Phương	11B4	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1769	Nguyễn Hiếu Trung	11B4	Toán (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1770	Đặng Tiến Thành	10C4	Vật lí (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1771	Phạm Thị Quỳnh Hương	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1772	Đoàn Đức Minh	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1773	Trần Dương Quỳnh	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1774	Nguyễn Quang Trường	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1775	Ngô Quốc Khánh	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1776	Dương Nguyễn Minh Châu	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy
1777	Vũ Ngọc Hà	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Thanh Sơn	Xã Kiến Thụy
1778	Nguyễn Thanh Thủy	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Thanh Sơn	Xã Kiến Thụy
1779	Nguyễn Thị Bảo Ngân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Thụy Hương	Xã Kiến Thụy
1780	Lê Thị Ngọc Huyền	7B	Toán (THCS)	TH-THCS Thụy Hương	Xã Kiến Thụy
1781	Vũ Duy Anh	8B	Toán (THCS)	TH-THCS Thụy Hương	Xã Kiến Thụy
1782	Nguyễn Thanh Bình	8C	Toán (THCS)	TH-THCS Thụy Hương	Xã Kiến Thụy
1783	Nguyễn Minh Ngọc	8B7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiến Phúc	Xã Nghi Dương
1784	Nguyễn Đức Lâm	8B7	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiến Phúc	Xã Nghi Dương
1785	Phạm Hữu Anh Khoa	8B9	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiến Phúc	Xã Nghi Dương
1786	Vũ Bùi Tố Linh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiến Phúc	Xã Nghi Dương
1787	Nguyễn Khánh Linh	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiến Phúc	Xã Nghi Dương
1788	Đào Minh Quân	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiến Phúc	Xã Nghi Dương
1789	Đào Văn Trương	8B1	Toán (THCS)	THCS Kiến Phúc	Xã Nghi Dương
1790	Phạm Duy Lâm Hào	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	TH-THCS Du Lễ	Xã Nghi Dương
1791	Nguyễn Ngọc Hà	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Du Lễ	Xã Nghi Dương
1792	Bùi Công Đức Anh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Du Lễ	Xã Nghi Dương
1793	Nguyễn Nhật Vy	8B	Toán (THCS)	TH-THCS Du Lễ	Xã Nghi Dương
1794	Hoàng Ngọc Diệp	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hòa Bình - Trần Dương	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1795	Trần Đặng Mai Linh	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hòa Bình - Trần Dương	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1796	Trịnh Minh Châu	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hòa Bình - Trần Dương	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1797	Nguyễn Thị Thủy Tiên	8A2	Toán (THCS)	THCS Hòa Bình - Trần Dương	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1798	Nguyễn Văn Đạt	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1799	Nguyễn Văn Đoàn	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1800	Đỗ Tiến Tuấn Minh	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1801	Vũ Nguyễn Mai Hương	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1802	Ngô Bùi Bảo Ngọc	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1803	Phạm Hải Phong	8A	Toán (THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1804	Nguyễn Khánh Linh	8A	Toán (THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1805	Phạm Hiếu Thành	8A	Toán (THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1806	Nguyễn Khánh Huyền	8A	Toán (THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1807	Bùi Thu Hương	8A2	Toán (THCS)	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1808	Trần Tuyết Anh	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1809	Đỗ Văn Tài	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1810	Đỗ Xuân Duyên	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1811	Nguyễn Yến Nhi	11B4	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1812	Nguyễn Ngọc Diễm	10C3	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1813	Khổng Hữu Thiên	10C3	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1814	Nguyễn Đình Kiên	10C3	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1815	Vũ Thu Hà	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1816	Nguyễn Tấn Dũng	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1817	Phùng Thị Loan	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1818	Nguyễn Minh Thu	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1819	Nguyễn Ngọc Anh	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1820	Nguyễn Kim Ngân	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1821	Nguyễn Thị Hồng Doan	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1822	Bùi Đắc Đạo	11B1	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1823	Khổng Minh Thu	11B1	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1824	Nguyễn Trường Giang	11B1	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1825	Phạm Thế Đạt	11B1	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1826	Khổng Hữu Nghĩa	11B1	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1827	Nguyễn Anh Tuấn	11B1	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1828	Vũ Văn Hiếu	11B1	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1829	Phạm Hải Bình	11B4	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1830	Đào Phú Minh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1831	Đào Bách Khoa	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1832	Đào Mai Hương	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1833	Hoàng Thị Phương	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1834	Lương Tiến Thành	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1835	Đỗ Bá Đạt	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1836	Phạm Thiên Minh Chiến	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1837	Lê Thị Thơm	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1838	Bùi Kim Đức	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1839	Trần Mạnh Đức	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1840	Phạm Bảo Ngọc	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm
1841	Hoàng Trần Vũ	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1842	Bùi Xuân Trường	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1843	Hoàng Anh Vũ	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1844	Lương Yến Nhi	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1845	Đào Thiên Hải	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1846	Nguyễn Ngọc Diệp	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1847	Nguyễn Hoàng Quân	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1848	Winson Teoh Choon Chuan	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1849	Đào Như Quỳnh	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1850	Phạm Quỳnh Ngân	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1851	Nguyễn Thị Trung Hậu	8A	Toán (THCS)	THCS Đại Thắng	Xã Quyết Thắng
1852	Lưu Tuệ Mỹ	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Cường	Xã Quyết Thắng
1853	Nguyễn Hải Long	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Cường	Xã Quyết Thắng
1854	Lê Đức Huy	8A	Toán (THCS)	THCS Tiên Cường	Xã Quyết Thắng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1855	Hoàng Khánh Vân	8A	Toán (THCS)	THCS Tiên Cường	Xã Quyết Thắng
1856	Hoàng Cao Thảo Vân	8A	Toán (THCS)	THCS Tiên Cường	Xã Quyết Thắng
1857	Trần Đức Minh	8C	Toán (THCS)	THCS Tụ Cường	Xã Quyết Thắng
1858	Lương Nhữ Hải Yến	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1859	Tô Hải Linh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1860	Đoàn Đào Nguyên Khôi	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1861	Nguyễn Hồng Ngọc	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1862	Phạm Duy Trí	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1863	Nguyễn Minh Thư	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1864	Phạm Doanh Doanh	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1865	Cao Linh Ngọc	8A1	Toán (THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1866	Phạm Tiến Dũng	8A2	Toán (THCS)	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	Xã Tân Minh
1867	Đình Cao Dương	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1868	Nguyễn Thanh Vân	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1869	Đào Quang Linh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1870	Phạm Bảo Khánh	7D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1871	Đỗ Yến Nhi	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1872	Nguyễn Thị Minh Hằng	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1873	Trần Ngọc Diệp	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1874	Hoàng Thiên Trang	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1875	Phạm Phúc Lộc	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1876	Bùi Nam Sơn	8B	Toán (THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1877	Vũ Thùy Dương	8B	Toán (THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1878	Phạm Phú Đức	8B	Toán (THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1879	Đình Thái Văn	8B	Toán (THCS)	THCS Đoàn Lập	Xã Tân Minh
1880	Đào Nguyễn Nguyên Phúc	8C5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1881	Trần Đức Thái	8C5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1882	Vũ Tiến Trường	8C5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1883	Vũ Thanh Hải	8C5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1884	Vũ Đức Phong	8C5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1885	Vũ Phi Long	8C5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1886	Trần Văn Anh	8C5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1887	Nguyễn Hải Anh	8C5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1888	Đỗ Mộc Chi	8C5	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1889	Vũ Trọng Hoàng	8C5	Toán (THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1890	Vũ Đức Hùng	8C5	Toán (THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1891	Vũ Tuấn Hưng	8C5	Toán (THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1892	Bùi Công Minh	8C5	Toán (THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1893	Nguyễn Ngọc Minh Quân	8C5	Toán (THCS)	THCS Kiến Thiết	Xã Tân Minh
1894	Nguyễn Đức Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Khởi Nghĩa	Xã Tiên Lãng
1895	Đoàn Phương Duyên	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Khởi Nghĩa	Xã Tiên Lãng
1896	Nguyễn Khánh Ly	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Khởi Nghĩa	Xã Tiên Lãng
1897	Ngô Thị Thùy Dương	8A	Toán (THCS)	THCS Khởi Nghĩa	Xã Tiên Lãng
1898	Nguyễn Thùy Dương	8A	Toán (THCS)	THCS Khởi Nghĩa	Xã Tiên Lãng
1899	Vũ Tuyết Mai	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1900	Phạm Kỳ Tường	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1901	Bùi Vũ Đức Anh	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1902	Nguyễn Tiến Dũng	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1903	Phạm Thị Hoàng Giang	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1904	Phạm Đức Anh Khoa	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1905	Vũ Mai Bảo Trâm	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1906	Trần Thị Bảo An	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1907	Đoàn Xuân Phong	8C	Toán (THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1908	Vũ Hương Giang	8C	Toán (THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1909	Vũ Minh Phương	8C	Toán (THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1910	Vũ Đăng Quyền	8D	Toán (THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1911	Trần Xuân Hiếu	8D	Toán (THCS)	THCS Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng
1912	Phạm Văn Nghĩa	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1913	Phạm Minh Hằng	8B1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1914	Mai Quang Hà	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1915	Nguyễn Thị Hải Anh	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1916	Đoàn Duy Nam	8B2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1917	Phạm Thị Minh Ngọc	8B3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1918	Đỗ Như Vương	8B4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1919	Đỗ Tất Mạnh	8B4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1920	Đỗ Như Phong	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1921	Lê Bảo An	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1922	Phạm Thị Hương Giang	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1923	Nguyễn Bích Ngân	8B1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1924	Nguyễn Phúc Hưng	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1925	Đình Thị Phương Chi	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1926	Phạm Vân Nhi	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1927	Nguyễn Thủy Hà	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1928	Dương Ngọc Hà	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1929	Đoàn Nguyễn Mỹ Anh	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1930	Đỗ Thanh Phong	8B1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1931	Trần Vũ Khánh Huyền	8B3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1932	Trần Minh Thu	8B1	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1933	Nguyễn Ngọc Châu Anh	8B1	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1934	Vũ Ngọc Chi	8B1	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1935	Cao Hoàng Trâm Anh	8B1	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1936	Đào Minh Hiền	8B1	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1937	Nguyễn Nhật Duy Anh	8B2	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1938	Nguyễn Đức Minh	8B2	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1939	Lê Minh Phương	8B2	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1940	Nguyễn Ngọc Huy	8B2	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1941	Nguyễn Nhật Kim Anh	8B2	Toán (THCS)	THCS Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1942	Vũ Huy Hoàng	7A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Thanh	Xã Tiên Lãng
1943	Nguyễn Thái Thục Hân	7A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Thanh	Xã Tiên Lãng
1944	Hoàng Ngọc Lâm	8A	Toán (THCS)	THCS Tiên Thanh	Xã Tiên Lãng
1945	Hoàng Minh Sang	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1946	Ngô Kim Sơn	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1947	Nguyễn Gia Bảo	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1948	Đoàn Mạnh Phát	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1949	Nguyễn Vũ Mạnh Phương	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1950	Nguyễn Duy Anh	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1951	Nguyễn Thu Nga	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1952	Đào Quang Long	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1953	Vũ Hải Hậu	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1954	Nguyễn Thị Linh Chi	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1955	Phạm Đức Đồng	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1956	Đinh Thị Phương Thảo	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1957	Phạm Thanh Thảo	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1958	Lê Hoàng Hà	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1959	Phạm Thị Kim Anh	11B3	Sinh học (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1960	Lê Việt Hoàng	11B1	Toán (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1961	Nguyễn Ngọc Minh Thư	11B2	Toán (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1962	Vũ Hồng Phong	11B2	Toán (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1963	Dương Tuấn Kiệt	11B2	Toán (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1964	Đoàn Tùng Lâm	11B2	Toán (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1965	Vũ Hải Dương	11B2	Toán (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1966	Vũ Đức Thiện	11B2	Toán (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1967	Đào Hải Nam	11B2	Toán (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1968	Đỗ Trâm Anh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1969	Đinh Thế Sơn	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1970	Trần Trí Dũng	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1971	Phạm Tuấn Vũ	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
1972	Vũ Thị Anh Thơ	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1973	Vương Minh Vũ	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng
1974	Phạm Minh Châu	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tiên Minh
1975	Nguyễn Thị Phương Như	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tiên Minh
1976	Mai Xuân Thành Việt	8A	Toán (THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tiên Minh
1977	Phạm Đức Trung	8A	Toán (THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tiên Minh
1978	Nguyễn Trung Hiếu	8A	Toán (THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tiên Minh
1979	Phan Quý Trọng	8A3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tiên Minh	Xã Tiên Minh
1980	Bùi Hải Dương	8A3	Toán (THCS)	THCS Tiên Minh	Xã Tiên Minh
1981	Vũ Thành Vượng	8B2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1982	Ngô Thị Hồng Ngọc	8B1	Toán (THCS)	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1983	Vũ Phương Anh	8B6	Toán (THCS)	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1984	Lê Quốc Dũng	8B6	Toán (THCS)	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1985	Lê Thị Thùy Ngân	8B6	Toán (THCS)	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1986	Bùi Hoàng Hải	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1987	Trịnh Hữu Trung	11B2	Toán (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1988	Đặng Gia Lộc	11B2	Toán (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1989	Đoàn Đức Minh	11B2	Toán (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1990	Vũ Hải Đăng	11B2	Toán (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1991	Đoàn Quang Anh	11B2	Toán (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1992	Nguyễn Hoài Anh	11B2	Toán (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1993	Phạm Việt Dũng	11B2	Toán (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1994	Bùi Tiểu Bảo	11B2	Toán (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1995	Nguyễn Ngọc Anh	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1996	Lê Thu Hương	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1997	Bùi Đức Trí	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1998	Ngô Nhật Chung	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
1999	Lưu Mai Phương	11B2	Vật lí (THPT)	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh
2000	Nguyễn Đăng Khoa	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lại Xuân	Xã Việt Khê
2001	Trần Văn Đình	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lại Xuân	Xã Việt Khê
2002	Lê Tuấn Kiệt	8A3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lại Xuân	Xã Việt Khê
2003	Phan Bảo Quân	8A4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lại Xuân	Xã Việt Khê
2004	Nguyễn Hồng Minh	8A5	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lại Xuân	Xã Việt Khê
2005	Ngô Hồng Nhung	8A6	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lại Xuân	Xã Việt Khê

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2006	Nguyễn Nhật Huy	8A3	Toán (THCS)	THCS Lại Xuân	Xã Việt Khê
2007	Đỗ Mạnh Cường	8A6	Toán (THCS)	THCS Lại Xuân	Xã Việt Khê
2008	Trần Thị Khánh Hòa	8a5	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phan Chu Trinh	Xã Việt Khê
2009	Phạm Vũ Thu Hà	8a1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phan Chu Trinh	Xã Việt Khê
2010	Mạc Thùy Linh	8a6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Chu Trinh	Xã Việt Khê
2011	Nguyễn Thị Thùy Linh	8a6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Chu Trinh	Xã Việt Khê
2012	Nguyễn Lan Lý	8a6	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Chu Trinh	Xã Việt Khê
2013	Nguyễn Thị Tú	8a7	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Chu Trinh	Xã Việt Khê
2014	Nguyễn Đức Minh	8a1	Toán (THCS)	THCS Phan Chu Trinh	Xã Việt Khê
2015	Nguyễn Tự Bảo Anh	8a7	Toán (THCS)	THCS Phan Chu Trinh	Xã Việt Khê
2016	Trần Thi Huyền	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cổ Am - Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Am
2017	Nguyễn Bảo Trâm	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cổ Am - Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Am
2018	Nguyễn Đình Quang	8A1	Toán (THCS)	THCS Cổ Am - Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Am
2019	Nguyễn Đăng Giác	8A1	Toán (THCS)	THCS Cổ Am - Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Am
2020	Đào Mạnh Dũng	8A1	Toán (THCS)	THCS Cổ Am - Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Am
2021	Trần Bảo Ngọc	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2022	Khổng Minh Đức	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2023	Đình Thanh Nhân	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2024	Đỗ Xuân Tiến	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2025	Nguyễn Minh Ngọc	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2026	Đỗ Mai Anh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2027	Nguyễn Tuệ Nhi	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2028	Trần Thị Mai Phương	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2029	Vũ Tiến Dũng	8C	Toán (THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2030	Vũ Quang Minh	8C	Toán (THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2031	Nguyễn Thị Bảo Trâm	8C	Toán (THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2032	Nguyễn Thiên Dũng	8C	Toán (THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2033	Khổng Tiến Đạt	8C	Toán (THCS)	THCS Tam Cường	Xã Vĩnh Am
2034	Nguyễn Anh Tú	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2035	Phạm Hoàng An	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2036	Phạm Thị Minh Châu	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2037	Phạm Minh Hoàng	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2038	Phạm Nguyên Bách	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2039	Vũ Việt Hoàng	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2040	Lê Thị Cẩm Diệu	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2041	Nguyễn Thanh Bình	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2042	Nguyễn Đức Phong	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2043	Phùng Gia Thư	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2044	Nguyễn Mạnh Vũ	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2045	Hoàng Vũ Tiến Đạt	8A	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2046	Phạm Minh Đức	8B	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2047	Nguyễn Hải Phong	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2048	Nguyễn Đức Minh	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2049	Phạm Minh Tâm	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2050	Nguyễn Đức An	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2051	Đặng Thị Yên Linh	8E	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2052	Trần Ngọc Hân	8E	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Xã Vĩnh Bảo
2053	Nguyễn Lan Chi	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nhân Hòa - Tam Đa	Xã Vĩnh Bảo
2054	Trần Yên Nhi	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nhân Hòa - Tam Đa	Xã Vĩnh Bảo
2055	Hồ Thị Khánh Chi	8A1	Toán (THCS)	THCS Nhân Hòa - Tam Đa	Xã Vĩnh Bảo
2056	Vũ Phương Linh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Hưng - Thị Trấn	Xã Vĩnh Bảo
2057	Vũ Quốc Đạt	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vinh Quang - Thanh Lương	Xã Vĩnh Bảo
2058	Trần Gia Phú	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vinh Quang - Thanh Lương	Xã Vĩnh Bảo
2059	Nguyễn Song Thủy	8A1	Toán (THCS)	THCS Vinh Quang - Thanh Lương	Xã Vĩnh Bảo
2060	Đỗ Gia Hân	8A4	Toán (THCS)	THCS Vinh Quang - Thanh Lương	Xã Vĩnh Bảo
2061	Cao Đức Phát	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Nguyễn Khuyến	Xã Vĩnh Bảo
2062	Phạm Đức Trí	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2063	Phạm Văn Triệu	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2064	Đỗ Gia Huy	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2065	Phạm Bảo Khánh	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2066	Vũ Minh Tâm	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2067	Hoàng Tuấn Hải	11B1	Hóa học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2068	Nguyễn Trung Dũng	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2069	Lại Quốc Khánh	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2070	Lưu Hoàng Bảo Châu	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2071	Vũ Thiện Nhân	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2072	Lương Khánh Thiện	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2073	Nguyễn Thành Nam	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2074	Trần Vũ Đức Hưng	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2075	Nguyễn Hữu Nam	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2076	Vũ Thị Yến Nhi	11B2	Sinh học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2077	Nguyễn Vương Ngọc Anh	11B4	Sinh học (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2078	Bùi Việt Khoa	11B1	Toán (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2079	Lâm Anh Khoa	11B1	Toán (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2080	Phạm Minh Hiếu	11B1	Toán (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2081	Nguyễn Việt Anh	11B1	Toán (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2082	Nguyễn Việt Duy	11B1	Toán (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2083	Nguyễn Trung Kiên	11B1	Toán (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2084	Trần Mạnh Toàn	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2085	Phạm Lê Mạnh Cường	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2086	Nguyễn Ngọc Minh	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2087	Đỗ Phạm Gia Khang	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2088	Nguyễn Khúc Tất Đạt	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2089	Vũ Hồng Phúc	11B1	Vật lí (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2090	Lê Thị Ngọc Ánh	11B4	Vật lí (THPT)	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo
2091	Cao Thùy Linh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải
2092	Dương Đức Minh	8A1	Toán (THCS)	THCS Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải
2093	Đỗ Trịnh Hoà Bình	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Minh	Xã Vĩnh Hải
2094	Bùi Hoang Nam	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Minh	Xã Vĩnh Hải
2095	Bùi Trí Dũng	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Minh	Xã Vĩnh Hải
2096	Phạm Minh Ngọc	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đồng Minh	Xã Vĩnh Hải
2097	Nguyễn Hải Phong	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đồng Minh	Xã Vĩnh Hải
2098	Bùi Anh Thư	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đồng Minh	Xã Vĩnh Hải
2099	Tô Quang Hà	8A	Toán (THCS)	THCS Đồng Minh	Xã Vĩnh Hải
2100	Nguyễn Thu Phương	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tiên Phong - Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Hải
2101	Lê Ngọc Hân	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Phong - Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Hải
2102	Ngô Hoàng Minh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tiên Phong - Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Hải
2103	Bùi Hoàng Kiên	8A1	Toán (THCS)	THCS Tiên Phong - Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Hải
2104	Ngô Minh Trang	8C	Toán (THCS)	THCS Tiên Phong - Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Hải

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2105	Bùi Quý Huyền Lâm	8C	Toán (THCS)	THCS Tiên Phong - Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Hải
2106	Đoàn Hải Yên	11B2	Hóa học (THPT)	THPT Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải
2107	Lê Mạnh Hưng	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải
2108	Phạm Khánh Hưng	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải
2109	Bùi Thị Mỹ Duyên	11B1	Sinh học (THPT)	THPT Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải
2110	Lưu Khánh Huyền	10C2	Toán (THPT)	THPT Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải
2111	Bùi Minh Quang	11B1	Toán (THPT)	THPT Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải
2112	Nguyễn Thị Khánh Linh	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Hưng Nhân	Xã Vĩnh Hải
2113	Nguyễn Tiến Phúc	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Hưng Nhân	Xã Vĩnh Hải
2114	Nguyễn Minh Nhật	8A4	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Hòa	Xã Vĩnh Hòa
2115	Phan Thục Uyên	8A4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Hòa	Xã Vĩnh Hòa
2116	Nguyễn Thị Hương Giang	8A1	Toán (THCS)	THCS Thắng Thủy - Vĩnh Long	Xã Vĩnh Thịnh
2117	Bùi Anh Thư	8A1	Toán (THCS)	THCS Thắng Thủy - Vĩnh Long	Xã Vĩnh Thịnh
2118	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	8A1	Toán (THCS)	THCS Thắng Thủy - Vĩnh Long	Xã Vĩnh Thịnh
2119	Hoàng Thị Ánh Phương	8A1	Toán (THCS)	THCS Việt Tiến - Trung Lập	Xã Vĩnh Thịnh
2120	Lâm Thị Khánh Linh	8A1	Toán (THCS)	THCS Việt Tiến - Trung Lập	Xã Vĩnh Thịnh
2121	Phạm Trường Giang	8A2	Toán (THCS)	THCS Việt Tiến - Trung Lập	Xã Vĩnh Thịnh
2122	Bùi Thị Bảo Ngọc	11B3	Hóa học (THPT)	THPT Tô Hiệu	Xã Vĩnh Thịnh
2123	Phạm Văn Chương	11B1	Toán (THPT)	THPT Tô Hiệu	Xã Vĩnh Thịnh
2124	Hoàng Huyền Nhi	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Dũng Tiến	Xã Vĩnh Thuận
2125	Nguyễn Văn Nghĩa	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Dũng Tiến	Xã Vĩnh Thuận
2126	Lê Minh Quyền	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Dũng Tiến	Xã Vĩnh Thuận
2127	Trần Thị Trà My	8B	Toán (THCS)	THCS Dũng Tiến	Xã Vĩnh Thuận
2128	Nguyễn Gia Bảo	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Giang Biên	Xã Vĩnh Thuận
2129	Phạm Khánh San San	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Giang Biên	Xã Vĩnh Thuận
2130	Lương Thị Bích Thủy	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Giang Biên	Xã Vĩnh Thuận
2131	Phạm Ngọc Sang	8A1	Toán (THCS)	THCS Giang Biên	Xã Vĩnh Thuận
2132	Lương Hải Phong	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vĩnh An - Tân Liên	Xã Vĩnh Thuận
2133	Nguyễn Khắc Diệp	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vĩnh An - Tân Liên	Xã Vĩnh Thuận
2134	Nghiêm Phạm Bảo An	8A1	Toán (THCS)	THCS Vĩnh An - Tân Liên	Xã Vĩnh Thuận
2135	Nguyễn Thanh Thảo	8A1	Toán (THCS)	THCS Vĩnh An - Tân Liên	Xã Vĩnh Thuận

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2136	Đỗ Hương Giang	8A1	Toán (THCS)	THCS Vĩnh An - Tân Liên	Xã Vĩnh Thuận
2137	Đỗ Thị Hải Yến	8A1	Toán (THCS)	THCS Vĩnh An - Tân Liên	Xã Vĩnh Thuận
2138	Nguyễn Danh Huy	8D	Toán (THCS)	THCS Ái Quốc	Phường Ái Quốc
2139	Vũ Nguyễn Trí Minh	8E	Toán (THCS)	THCS Ái Quốc	Phường Ái Quốc
2140	Nguyễn Hùng Cường	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2141	Đỗ Đại Nghĩa	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2142	Cao Hải Long	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2143	Phạm Minh Hải	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2144	Lê Minh Hải	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2145	Cao Nhật Minh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2146	Tiên Thị Thu Hà	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2147	Tiêu Quang Phong	8A	Toán (THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2148	Ngô Thị Bảo Hân	8A	Toán (THCS)	THCS Bạch Đằng	Phường Bắc An Phú
2149	Lê Tiến Vũ	8B	Toán (THCS)	THCS Thất Hùng	Phường Bắc An Phú
2150	Lã Trung Kiên	8B	Toán (THCS)	THCS Thất Hùng	Phường Bắc An Phú
2151	Nguyễn Thành Trung	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cổ Thành	Phường Chí Linh
2152	Nguyễn Đình Hải	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cổ Thành	Phường Chí Linh
2153	Phan Thiên Hương	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cổ Thành	Phường Chí Linh
2154	Dương Khánh An	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cổ Thành	Phường Chí Linh
2155	Nguyễn Đức Duy	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cổ Thành	Phường Chí Linh
2156	Lê Thanh Quý	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phả Lại	Phường Chí Linh
2157	Bùi Nhật Minh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phả Lại	Phường Chí Linh
2158	Lưu Tú Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phả Lại	Phường Chí Linh
2159	Nguyễn Thế Vinh	8A	Toán (THCS)	THCS Phả Lại	Phường Chí Linh
2160	Hoàng Minh Thu	8A	Toán (THCS)	THCS Phả Lại	Phường Chí Linh
2161	Nguyễn Thanh Bình	8A	Toán (THCS)	THCS Phả Lại	Phường Chí Linh
2162	Phạm Văn An	8A	Toán (THCS)	THCS Phả Lại	Phường Chí Linh
2163	Phạm Bích Ngọc	8A	Toán (THCS)	THCS Phả Lại	Phường Chí Linh

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2164	Lê Thế Hải Đăng	10B	Toán (THPT)	THPT Phả Lại	Phường Chí Linh
2165	Phan Anh Vũ	11B	Toán (THPT)	THPT Phả Lại	Phường Chí Linh
2166	Trương Duy Hưng	11B	Vật lí (THPT)	THPT Phả Lại	Phường Chí Linh
2167	Nguyễn Thành Bảo Phúc	11B	Vật lí (THPT)	THPT Phả Lại	Phường Chí Linh
2168	Nguyễn Mai Trang	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	TH-THCS Nhân Huệ	Phường Chí Linh
2169	Vũ Khánh Hà	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Nhân Huệ	Phường Chí Linh
2170	Trần Nam Anh	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Nhân Huệ	Phường Chí Linh
2171	Bùi Đăng Khôi	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Nhân Huệ	Phường Chí Linh
2172	Mạc Thiên Phú	7A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chí Minh	Phường Chu Văn An
2173	Mạc Bảo Minh	8H	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Sao Đỏ	Phường Chu Văn An
2174	Hoàng Thị Anh Trà	8K	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Sao Đỏ	Phường Chu Văn An
2175	Phạm Vân Nhi	8K	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Sao Đỏ	Phường Chu Văn An
2176	Nguyễn Quý Nam	8K	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Sao Đỏ	Phường Chu Văn An
2177	Nguyễn Thị Ngân Hương	8K	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Sao Đỏ	Phường Chu Văn An
2178	Nguyễn Phạm Hoài Nam	8A	Toán (THCS)	THCS Văn An	Phường Chu Văn An
2179	Đỗ Thị Hải Yến	11A	Hóa học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2180	Phạm Ngọc Mai	11A	Hóa học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2181	Nguyễn Phan Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2182	Vũ Thế Quốc	11A	Hóa học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2183	Bùi Đăng Trí Khang	11B	Hóa học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2184	Nguyễn Đức Tuấn	11Q	Hóa học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2185	Đông Thế Bảo	11A	Sinh học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2186	Hoàng Thị Ngọc Mai	11A	Sinh học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2187	Nguyễn Minh Đức	11A	Sinh học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2188	Nguyễn Tuấn Huy	11A	Sinh học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2189	Đặng Thanh Bình	11B	Sinh học (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2190	Nguyễn Phương Anh	11A	Toán (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2191	Trương Gia Khánh	11A	Toán (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2192	Lê Phương Anh	11A	Toán (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2193	Nguyễn Đình Phương	11A	Toán (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2194	Nguyễn Thảo Dung	11B	Toán (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2195	Nguyễn Hải Nam	11D	Toán (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2196	Đặng Hoàng Ngọc Linh	11D	Toán (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2197	Nguyễn Thanh Mai	11D	Toán (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2198	Đỗ Quang Tùng	11A	Vật lí (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2199	Đoàn Bảo Ngọc	11A	Vật lí (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2200	Lê Nguyễn Gia Hưng	11A	Vật lí (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2201	Nguyễn Minh Thanh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2202	Đình Tùng Dương	11A	Vật lí (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2203	Trần Đăng Khoa	11A	Vật lí (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2204	Phan Doãn Bảo Lâm	11B	Vật lí (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2205	Nguyễn Tiến Đạt	11D	Vật lí (THPT)	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An
2206	Bùi Khánh Ly	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Thái Học	Phường Chu Văn An
2207	Đỗ Việt Dũng	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2208	Vũ Thị Phương Thảo	8H	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2209	Hứa Hiền Minh	8I	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2210	Nguyễn Quang Thắng	8I	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2211	Nguyễn Thái Dương	8I	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2212	Đặng Nguyễn Gia Linh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2213	Phạm Nguyễn Hải Nhi	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2214	Đình Hoàng An Bình	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2215	Nguyễn Kim Lê Anh	8C	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2216	Nguyễn Nhật Minh Châu	8D	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2217	Lê Trí Dũng	8E	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2218	Nguyễn Thảo Linh	8E	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2219	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	8G	Toán (THCS)	THCS Ngô Gia Tự	Phường Hải Dương
2220	Trịnh Hà Linh	8M	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngọc Châu	Phường Hải Dương
2221	Nguyễn Hải Hà	8I	Toán (THCS)	THCS Ngọc Châu	Phường Hải Dương
2222	Nguyễn Phương Nga	8M	Toán (THCS)	THCS Ngọc Châu	Phường Hải Dương
2223	Phạm Toàn Thắng	8M	Toán (THCS)	THCS Ngọc Châu	Phường Hải Dương
2224	Lê Hải Vân	8N	Toán (THCS)	THCS Ngọc Châu	Phường Hải Dương
2225	Lê Mạc Đức An	8N	Toán (THCS)	THCS Ngọc Châu	Phường Hải Dương
2226	Trần Quỳnh Chi	11A	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Văn Cừ	Phường Hải Dương
2227	Đào Văn Bình	11B	Hóa học (THPT)	THPT Nguyễn Văn Cừ	Phường Hải Dương
2228	Trần Gia Bình	11A	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Văn Cừ	Phường Hải Dương
2229	Lê Vũ Thảo Nguyên	11E	Sinh học (THPT)	THPT Nguyễn Văn Cừ	Phường Hải Dương
2230	Trần Nhật Minh	11A	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Văn Cừ	Phường Hải Dương
2231	Nguyễn Tuấn Hưng	11B	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Văn Cừ	Phường Hải Dương
2232	Nguyễn Trung Đức	11B	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Văn Cừ	Phường Hải Dương
2233	Đặng Phương Anh	8A	Toán (THCS)	THCS An Lưu	Phường Kinh Môn
2234	Nguyễn Gia Khánh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hiệp An	Phường Kinh Môn
2235	Nguyễn Mai Lâm	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hiệp An	Phường Kinh Môn
2236	Hoàng Gia Long	8A	Toán (THCS)	THCS Hiệp An	Phường Kinh Môn
2237	Trương Minh Ngọc	8A	Toán (THCS)	THCS Hiệp An	Phường Kinh Môn
2238	Hà Yên Nhung	8A	Toán (THCS)	THCS Hiệp An	Phường Kinh Môn
2239	Dương Hoàng Long	A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Long Xuyên	Phường Kinh Môn
2240	Võ Trần Quỳnh Anh	A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Long Xuyên	Phường Kinh Môn
2241	Đào Gia Huy	A	Toán (THCS)	THCS Long Xuyên	Phường Kinh Môn
2242	Nguyễn Minh Hải	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2243	Nguyễn Hoàng Bách	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2244	Nguyễn Thị Như Nguyệt	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2245	Lê Đức Long	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2246	Lê Hải Long	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2247	Trần Ngọc Quỳnh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2248	Lê Thị Diệp Chi	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2249	Phạm Thanh Vân	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2250	Nguyễn Mạc Bảo Hân	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2251	Nguyễn Thị Hoài Thu	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2252	Vũ Thị Bảo Châm	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2253	Đào Thị Huyền Trang	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2254	Nguyễn Ngọc Diệp	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2255	Phạm Mai Khôi	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2256	Vũ Thế Hưng	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2257	Nguyễn Minh Quân	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2258	Nguyễn Thùy Dương	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2259	Nguyễn Đức Khoa	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2260	Trịnh Thị Hồng Duyên	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2261	Nguyễn Trần Minh Ngọc	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2262	Lê Ngọc Minh Hiếu	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2263	Nguyễn Đức Toàn	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Sư Mạnh	Phường Kinh Môn
2264	Phạm Thế Nhân	11A	Hóa học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2265	Trần Thảo Nguyên	11A	Hóa học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2266	Nguyễn Hữu Dương	11A	Hóa học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2267	Nguyễn Văn Đăng	11A	Hóa học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2268	Trương Nam Khánh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2269	Vũ Hoàng Anh	10A	Sinh học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2270	Nguyễn Trung Hiếu	10A	Sinh học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2271	Vũ Bạch Dương	10A	Sinh học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2272	Ngô Đức Dương	11A	Sinh học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2273	Nguyễn Ngọc Khánh	11D	Sinh học (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2274	Nguyễn Đức Anh	11A	Toán (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2275	Vũ Văn Quyền	11A	Toán (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2276	Trần Thanh Tự	11A	Toán (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2277	Trần Tùng Anh	11A	Toán (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2278	Mạc Huy Hoàng	11A	Toán (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2279	Phạm Tuấn Minh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2280	Phạm Văn Bảo Tú	11A	Vật lí (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2281	Phạm Thị Lương	11A	Vật lí (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2282	Nguyễn Hoàng Anh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2283	Nguyễn Minh Hoàng	11A	Vật lí (THPT)	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn
2284	Hoàng Tuấn Anh	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2285	Hoàng Phú	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2286	Nguyễn Nam Hải	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2287	Phạm Nhật Mai	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2288	Nguyễn Vũ Hải Minh	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2289	Đào Hải Đăng	8G	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2290	Nguyễn Phúc Khang An	8H	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2291	Nguyễn Hải Đăng	8H	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2292	Vũ Minh Quân	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2293	Trần Hải Minh	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2294	Phạm Hà An	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2295	Phạm Tiến Dũng	8G	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2296	Nguyễn Hữu Kiên	8G	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2297	Vũ Minh Khánh	8H	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2298	Lê Bảo Lâm	8H	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2299	Trần Thị Hoàng My	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2300	Nguyễn Minh Châu	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2301	Trần Đức Lâm	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2302	Ngô Nhật Minh	8G	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2303	Hoàng Xuân Bách	8G	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2304	Lương Thế Đức	8I	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2305	Vũ Mạnh Thắng	8I	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2306	Nguyễn Thị Minh Khánh	8K	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2307	Cao Phúc Thịnh	8G	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2308	Phạm Phúc Khánh	8H	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2309	Vũ Đại An	8H	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2310	Trần Đỗ Tâm An	8H	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2311	Nguyễn Lương Nguyên	8H	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2312	Trần Hải Châu	8I	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2313	Mai Phúc Hiếu	8I	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2314	Lê Minh Nguyệt	8I	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2315	Bùi Nhật Minh	8I	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2316	Tạ Đăng Quân	8I	Toán (THCS)	THCS Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị
2317	Dương Việt Thắng	8D	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Lê Thanh Nghị
2318	Nguyễn Minh An	8D	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Lê Thanh Nghị
2319	Nguyễn Quốc Bảo	8D	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Lê Thanh Nghị
2320	Trương Tiến Lâm	8D	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Lê Thanh Nghị
2321	Nguyễn Quý Cảnh	8D	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Lê Thanh Nghị
2322	Nguyễn Nam Giang	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Lê Thanh Nghị
2323	Đoàn Trọng Tuấn Kiệt	8B	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Lê Thanh Nghị
2324	Trần Mậu Phúc	8B	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Lê Thanh Nghị
2325	Mai Mạnh Quân	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Lê Thanh Nghị
2326	Lã Hoàng Nguyên	8E	Toán (THCS)	THCS Lê Hồng Phong	Phường Lê Thanh Nghị
2327	Nguyễn Ngọc Minh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2328	Hà Khôi Nguyên	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2329	Lê Vũ Hoàng Đức	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2330	Bùi Thị Hồng Lâm	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2331	Khương Đỗ Nguyên Vũ	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2332	Nguyễn Minh Châu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2333	Phạm Gia Quý Tùng	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2334	Nguyễn Đức Phúc	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2335	Vũ Phạm Khánh Lâm	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2336	Phạm Quý Trọng	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2337	Nguyễn Tường Lam	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2338	Ninh Ý Ngọc	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2339	Đỗ Ngân Hà	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2340	Nguyễn Phương Linh	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2341	Quách Ngọc Diệp	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2342	Đặng Gia Bảo	8A	Toán (THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2343	Nguyễn Hoàng Giang	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2344	Đỗ Mạnh Dũng	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2345	Chu Hoàng Quân	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2346	Bùi Thảo Vân	8D	Toán (THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2347	Đặng Anh Khoa	8D	Toán (THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2348	Dương Minh Trí	8E	Toán (THCS)	THCS Lê Quý Đôn	Phường Lê Thanh Nghị
2349	Trương Vũ Hương Giang	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2350	Nguyễn Vĩnh Quân	8G	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2351	Cao Gia Bảo	8P	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2352	Phạm Đức Bình	8Q	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2353	Đỗ Bảo Châu	8Q	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2354	Lê Khánh Chi	8G	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2355	Phạm Quốc Việt	8G	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2356	Hoàng Minh Nguyệt	8H	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2357	Nguyễn Văn Minh Hải	8Q	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2358	Nguyễn Tuấn Phong	8K	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2359	Phạm Gia Bảo	8B	Toán (THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2360	Tạ Sinh Tài	8B	Toán (THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2361	Nguyễn Cát Thảo	8B	Toán (THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2362	Nguyễn Đoàn Long	8E	Toán (THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2363	Đỗ Hoàng Anh	8T	Toán (THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2364	Đoàn Minh Thái	8T	Toán (THCS)	THCS Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị
2365	Phạm Văn Nam	8I	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2366	Nguyễn Đông Dương	8K	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2367	Cao Lê Huy Hoàng	8K	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2368	Đoàn Bảo Lâm	8k	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2369	Dương Ngọc Hưng	8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2370	Trương Bảo Long	8H	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2371	Nguyễn Thị Phương Ngọc	8K	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2372	Đào An Thảo	8k	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2373	Vũ Minh Châu	8K	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2374	Vũ Thị Ngọc Linh	8H	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2375	Nguyễn Ngọc Trúc Ly	8I	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2376	Nguyễn Bảo Châm	8I	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2377	Vũ Tuệ Lâm	8K	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2378	Lương Đức Bình Minh	8D	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2379	Nguyễn Tuấn Tài	8H	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2380	Lê Ánh Ngọc	8H	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2381	Trần Thị Bích Ngân	8I	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2382	Nguyễn Huy Nam	8I	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2383	Lê Vũ Hải Nam	8K	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2384	Đỗ Đức Bình	8K	Toán (THCS)	THCS Võ Thị Sáu	Phường Lê Thanh Nghị
2385	Nguyễn Đắc Mạnh	10 Hoá	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2386	Phạm Minh Quân	10 Hoá	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2387	Nguyễn Hữu Bảo Lâm	10 Hoá	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2388	Dương Minh Quang	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2389	Vũ Tấn Minh	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2390	Nguyễn Đình Quang	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2391	Nguyễn Đức Tin	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2392	Lê Tuấn Kiệt	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2393	Đoàn Phương Linh	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2394	Phùng Vũ Thế Lâm	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2395	Đình Tuấn Việt	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2396	Trương Đình Tuyển	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2397	Lê Nhật Dương	11 Hóa	Hóa học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2398	Nguyễn Thanh Bình	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2399	Đỗ Hoàng Huy	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2400	Đỗ Gia Hiền Dương	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2401	Bùi Hồng Châu Giang	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2402	Nguyễn Quỳnh Nga	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2403	Phạm Kiều Trang	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2404	Hà Tuệ Anh	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2405	Lê Thị Tuyết Nhi	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2406	Hồ Nguyễn Hương Trà	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2407	Đông Thanh Nga	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2408	Vũ Hiếu Nghĩa	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2409	Vũ Thị Hải Yến	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2410	Phạm Trang Linh	11 Sinh	Sinh học (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2411	Lương Việt Hoàng	10 Toán 2	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2412	Lê Thiện Bảo	11 Anh	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2413	Hoàng Giang Anh	11 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2414	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	11 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2415	Nguyễn Xuân Lâm	11 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2416	Nguyễn Huy Hoàng	11 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2417	Vũ Nam Phong	11 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2418	Nguyễn Như Phong	11 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2419	Nguyễn Hải Đăng	11 Toán 1	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2420	Bùi Hồ Bình	11 Toán 2	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2421	Bùi Thế Đông	11 Toán 2	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2422	Phạm Viết Dũng	11 Toán 2	Toán (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2423	Vũ Viết Huy	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2424	Nguyễn Thiện Nhân	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2425	Phạm Anh Thư	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2426	Phạm Quang Khải	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2427	Nguyễn Hữu Đại	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2428	Trần Anh Hiếu	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2429	Nguyễn Chí Kiên	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2430	Nguyễn Hữu Hiếu	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2431	Trương Đức Hiếu	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2432	Nguyễn Đắc Việt Anh	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2433	Vũ Anh Tuấn	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2434	Bùi Minh Thành	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị
2435	Phạm Trường An	11 Lý	Vật lí (THPT)	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2436	Nguyễn Hà Chi	11E	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2437	Nguyễn Văn An	11G	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2438	Phạm Hữu Đạt	11I	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2439	Đào Hữu Nam	11I	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2440	Trịnh Như Cường	11K	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2441	Vũ Nguyên	11L	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2442	Nguyễn Ngọc Trúc Lam	11L	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2443	Nguyễn Thiện Nhân	11L	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2444	Đinh Vũ Trọng	11M	Hóa học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2445	Nguyễn Ánh Dương	11H	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2446	Đặng Khánh Huyền	11I	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2447	Vũ Minh Châu	11K	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2448	Lê Hà Kiên	11K	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2449	Đoàn Hương Giang	11L	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2450	Bùi Khánh Linh	11L	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2451	Lại Phương Thanh	11L	Sinh học (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2452	Lê Thanh Huyền	11D	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2453	Nguyễn Anh Tuấn	11D	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2454	Nguyễn Quang Tú	11E	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2455	Bùi Đức Nghĩa	11E	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2456	Nguyễn Hải Nam	11G	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2457	Lê Nam Chấn Hưng	11G	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2458	Trần Phương Chi	11I	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2459	Phạm Thị Hải An	11L	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2460	Lê Quang Dũng	11L	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2461	Vũ Đăng Hải Phong	11N	Toán (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2462	Màn Quang Phong	11D	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2463	Nguyễn Bảo Long	11E	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2464	Lê Thị Thảo Nguyên	11E	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2465	Nguyễn Mai Bảo Trân	11E	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2466	Nguyễn Trung Kiên	11G	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2467	Nguyễn Xuân Khoa	11G	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2468	Nguyễn Quang Anh	11H	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2469	Lê Đắc Thái	11I	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2470	Đỗ Phúc Dương	11I	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2471	Nguyễn Hương Ly	11K	Vật lí (THPT)	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị
2472	Quách Minh Hoàng	A	Toán (THPT)	THPT Nguyễn Du	Phường Lê Thanh Nghị
2473	Nguyễn Đỗ Minh Đức	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Đồng	Phường Nam Đồng
2474	Phạm Minh Ánh	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nam Đồng	Phường Nam Đồng
2475	Hoàng Hải Vân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hiến Thành	Phường Nguyễn Đại Năng
2476	Nguyễn Phương Linh	8A	Toán (THCS)	THCS Hiến Thành	Phường Nguyễn Đại Năng
2477	Đoàn Khánh Huyền	8A	Toán (THCS)	THCS Hiến Thành	Phường Nguyễn Đại Năng
2478	Phạm Minh Châu	8A	Toán (THCS)	THCS Hiến Thành	Phường Nguyễn Đại Năng
2479	Vũ Nhật Minh Đức	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Hòa	Phường Nguyễn Đại Năng
2480	Trịnh Quang Vinh	8A1	Toán (THCS)	THCS Minh Hòa	Phường Nguyễn Đại Năng
2481	Phạm Anh Minh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thái Thịnh	Phường Nguyễn Đại Năng
2482	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thái Thịnh	Phường Nguyễn Đại Năng
2483	Nguyễn Thị Mai Trang	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thái Thịnh	Phường Nguyễn Đại Năng
2484	Trần Mạnh Khôi	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thái Thịnh	Phường Nguyễn Đại Năng
2485	Phạm Thị Bảo Hân	8A	Toán (THCS)	THCS Thái Thịnh	Phường Nguyễn Đại Năng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2486	Phan Minh Tiến	7A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Phường Nguyễn Trãi
2487	Lê Minh Quân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Phường Nguyễn Trãi
2488	Vũ Đăng Khoa	8A	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Phường Nguyễn Trãi
2489	Phạm Thu An	8A	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Phường Nguyễn Trãi
2490	Bé Thị Quỳnh Như	8B	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Phường Nguyễn Trãi
2491	Dương Văn Lâm	8A	Toán (THCS)	TH-THCS Hoa Thám	Phường Nguyễn Trãi
2492	Lê Anh Tú	8A	Toán (THCS)	THCS Hoàn Sơn	Phường Nhị Chiểu
2493	Trương Bảo Long	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2494	Nguyễn Tùng Lâm	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2495	Đào Minh Đăng	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2496	Phạm Bảo Ngọc	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2497	Tạ Diệp Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2498	Nguyễn Nhật Minh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2499	Trần Nguyễn Minh Đức	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2500	Đỗ Thùy Dương	8G	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2501	Huy Thị Khánh Ngọc	8G	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2502	Phạm Ngọc Hà	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2503	Trần Nguyệt Minh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2504	Trần Châu Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2505	Phạm Việt Hải	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2506	Bùi Thùy Linh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2507	Phạm Ngọc Mai	8A	Toán (THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2508	Phùng Trung Hiếu	8A	Toán (THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2509	Nguyễn Hải Vinh	8A	Toán (THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2510	Nguyễn Thị Uyên Nhi	8A	Toán (THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2511	Đào Nguyễn Việt Anh	8G	Toán (THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2512	Vũ Hà Phương Vy	8G	Toán (THCS)	THCS Minh Tân	Phường Nhị Chiểu
2513	Bùi Quý Tùng Long	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phú Thứ	Phường Nhị Chiểu

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2514	Ngô Minh Châu	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phú Thứ	Phường Nhị Chiểu
2515	Tăng Văn Thành	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phú Thứ	Phường Nhị Chiểu
2516	Trần Thảo Ly	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phú Thứ	Phường Nhị Chiểu
2517	Trương Đức Quân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phú Thứ	Phường Nhị Chiểu
2518	Đoàn Bá Phúc	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phú Thứ	Phường Nhị Chiểu
2519	Tăng Xuân Việt	8A	Toán (THCS)	THCS Phú Thứ	Phường Nhị Chiểu
2520	Bùi Hà Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Dân	Phường Nhị Chiểu
2521	Thân Thị Ngọc Ánh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Dân	Phường Nhị Chiểu
2522	Thân Thị Ngọc Ánh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Dân	Phường Nhị Chiểu
2523	Bùi Đức Duy	A	Hóa học (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2524	Nguyễn Lâm Hoàng	A	Hóa học (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2525	Trần Bình Minh	A	Hóa học (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2526	Đào Vũ Thùy Vân	A	Hóa học (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2527	Trương Anh Quý Bảo	A	Hóa học (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2528	Vũ Anh Tuấn Hùng	A	Sinh học (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2529	Đặng Vũ Quốc Khánh	A	Sinh học (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2530	Phùng Nguyệt Minh	B	Sinh học (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2531	Lê Đức Toàn	A	Toán (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2532	Trần Đức Nhân	A	Toán (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2533	Nguyễn Phương Thảo	A	Vật lí (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2534	Lê Thanh Huyền	A	Vật lí (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2535	Nguyễn Trần Trường Giang	B	Vật lí (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2536	Phạm Bùi Mạnh Việt	C	Vật lí (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2537	Lê Anh Dũng	C	Vật lí (THPT)	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu
2538	Thân Mạnh Cường	A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phạm Thái	Phường Phạm Sư Mạnh
2539	Nguyễn Ngọc Lan	A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phạm Thái	Phường Phạm Sư Mạnh
2540	Nguyễn Bùi Thanh Thủy	A	Toán (THCS)	THCS Phạm Thái	Phường Phạm Sư Mạnh
2541	Nguyễn Xuân Dũng	8G	Toán (THCS)	THCS Hải Tân	Phường Tân Hưng
2542	Mạc Dương Hải Minh	8D	Toán (THCS)	THCS-THPT Marie Curie	Phường Tân Hưng
2543	Nguyễn Nhật Minh	8D	Toán (THCS)	THCS-THPT Marie Curie	Phường Tân Hưng
2544	Mai Xuân Dũng	8D	Toán (THCS)	THCS-THPT Marie Curie	Phường Tân Hưng
2545	Hà Gia Linh	8H	Toán (THCS)	THCS-THPT Marie Curie	Phường Tân Hưng
2546	Vũ Lê Minh Thái	8H	Toán (THCS)	THCS-THPT Marie Curie	Phường Tân Hưng
2547	Đông Đức Tiến	8C	Toán (THCS)	THCS Liên Hồng	Phường Thạch Khê
2548	Vũ Thị Tú Bình	8D	Toán (THCS)	THCS Liên Hồng	Phường Thạch Khê

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2549	Trần Đức Giang	8E	Toán (THCS)	THCS Liên Hồng	Phường Thạch Khê
2550	Phạm Văn Duy	8E	Toán (THCS)	THCS Thạch Khê	Phường Thạch Khê
2551	Vũ Vinh Nguyên	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Hàn	Phường Thành Đông
2552	Trần Anh Tuấn	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Hàn	Phường Thành Đông
2553	Vũ Ngọc Thùy Dương	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Hàn	Phường Thành Đông
2554	Nguyễn Công Vĩ	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Hàn	Phường Thành Đông
2555	Nguyễn Thị Hà Phương	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Hàn	Phường Thành Đông
2556	Phạm Đình Chương	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Hàn	Phường Thành Đông
2557	Nguyễn Đào Minh Hà	8B	Toán (THCS)	THCS Bình Hàn	Phường Thành Đông
2558	Lê Nhật Kỳ Phong	8C	Toán (THCS)	THCS Bình Hàn	Phường Thành Đông
2559	Trần Bùi Quang Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Cẩm Thượng	Phường Thành Đông
2560	Lô Nhật Nam	8G1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Newton	Phường Thành Đông
2561	Đình Xuân Nhật Minh	8G1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Newton	Phường Thành Đông
2562	Lê Nhật Minh	8G1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Newton	Phường Thành Đông
2563	Nguyễn Minh Nhật	8G1	Toán (THCS)	THCS Newton	Phường Thành Đông
2564	Ngô Xuân Giáp	8G1	Toán (THCS)	THCS Newton	Phường Thành Đông
2565	Bùi Ngọc Minh	8G1	Toán (THCS)	THCS Newton	Phường Thành Đông
2566	Đỗ Chí Bách	8G1	Toán (THCS)	THCS Newton	Phường Thành Đông
2567	Đình Gia Huy	8A	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Thành Đông
2568	Lý Bội Vân	8B	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Thành Đông
2569	Hà Bảo Nam	8C	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Thành Đông
2570	Bùi Hoàng Long	8D	Toán (THCS)	THCS Trần Phú	Phường Thành Đông
2571	Lê Tuấn Phong	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2572	Trịnh Đình Thái	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2573	Trần Thị Yến Nhi	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2574	Vũ Minh Chương	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2575	Nông An Nguyên	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2576	Trần Thế Vũ Nguyên	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2577	Nguyễn Hải Long	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2578	Hoàng Diệu Nhi	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2579	Nguyễn Minh Nguyệt	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2580	Nguyễn Hương Giang	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2581	Hoàng Diệp Chi	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2582	Nguyễn Quỳnh Chi	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2583	Lê Phương Uyên	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2584	Lê Minh Tuấn	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2585	Trần Thị Thu Hương	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2586	Nguyễn Nhật Bảo Long	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2587	Vũ Thế Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2588	Nguyễn Bảo Hân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2589	Trịnh Hương My	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2590	Nguyễn Thị Tú An	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2591	Lê Đức Lâm	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2592	Nguyễn Nhật Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2593	Lê Tôn Phong	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2594	Nguyễn Duy Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2595	Đỗ Nam Khánh	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2596	Nguyễn Hoàng Giáp	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2597	Nguyễn Yến Nhi	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo
2598	Trần Thái Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Phường Trần Hưng Đạo

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2599	Nguyễn Gia Huy	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cộng Hòa	Phường Trần Hưng Đạo
2600	Đặng Diễm Quỳnh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cộng Hòa	Phường Trần Hưng Đạo
2601	Trần Hoàng Hà Anh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cộng Hòa	Phường Trần Hưng Đạo
2602	Vũ Ngọc Ánh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cộng Hòa	Phường Trần Hưng Đạo
2603	Nguyễn Thị Ngọc Giang	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cộng Hòa	Phường Trần Hưng Đạo
2604	Nguyễn Hồng Phúc	8A	Toán (THCS)	THCS Cộng Hòa	Phường Trần Hưng Đạo
2605	Nguyễn Như Nguyệt	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Phụ	Phường Trần Liễu
2606	Ngô Tuấn Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Phụ	Phường Trần Liễu
2607	Lê Trần Nguyên Vũ	8A	Toán (THCS)	THCS An Phụ	Phường Trần Liễu
2608	Mạc Thị Hoài Thương	8A	Toán (THCS)	THCS An Phụ	Phường Trần Liễu
2609	Phạm Hoài Nam	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2610	Nguyễn Khánh Linh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2611	Phạm Minh Anh	7A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2612	Phạm Ngọc Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2613	Nguyễn Tuyết Mai	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2614	Mạc Phúc An	8A	Toán (THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2615	Trần Nhật Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2616	Nguyễn Vũ Bá Nhật	8A	Toán (THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2617	Nguyễn Hồng Phượng	8A	Toán (THCS)	THCS Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu
2618	Mạc Thị Hương Giang	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thượng Quận	Phường Trần Liễu
2619	Bùi Ngọc Vy	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thượng Quận	Phường Trần Liễu
2620	Nguyễn Huy Tín	8A	Toán (THCS)	THCS Thượng Quận	Phường Trần Liễu
2621	Bùi Minh Khang	8A	Toán (THCS)	THCS Thượng Quận	Phường Trần Liễu
2622	Nguyễn Phúc Thuận An	8A	Toán (THCS)	THCS Thượng Quận	Phường Trần Liễu
2623	Trần Tuấn Dương	8A	Toán (THCS)	THCS Thượng Quận	Phường Trần Liễu
2624	Vũ Thị Linh Nhi	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Đoài	Phường Tứ Minh
2625	Phạm Bảo Nam	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Đoài	Phường Tứ Minh
2626	Nguyễn Đức Phú	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Đoài	Phường Tứ Minh
2627	Lê Tường Vy	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Đoài	Phường Tứ Minh
2628	Trịnh Vũ Ngọc Lan	8A	Toán (THCS)	THCS Cẩm Đoài	Phường Tứ Minh
2629	Vũ Văn Phong	8A	Toán (THCS)	THCS Cẩm Đoài	Phường Tứ Minh

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2630	Vũ Thị Ngọc Hân	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2631	Đặng Thế Nhật	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2632	Trần Bảo Lộc	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2633	Nguyễn Khánh Chi	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2634	Phạm Quỳnh Hương	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2635	Phạm Phùng Việt Anh	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2636	Nguyễn Hoàng Đức Thắng	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2637	Vũ Thị Thủy Tiên	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2638	Phùng Khắc Thiện	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2639	Vũ Thị Yến Dương	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2640	Vũ Văn Khôi	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2641	Lê Đức Bình	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2642	Nguyễn Đức Anh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2643	Cao Thanh Vân	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2644	Đào Thị Út Thương	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2645	Bùi Tuyết Ngân	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2646	Nguyễn Thị Khánh Huyền	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2647	Nguyễn Phương Thảo	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2648	Vương Đức Long	8A	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2649	Vương Quỳnh Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2650	Hoàng Thị Phương Linh	8A	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2651	Nguyễn Trọng Bách	8B	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2652	Phạm Quốc Sang	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2653	Đình Hải Đức	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2654	Nguyễn Trường Giang	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2655	Đặng Ngọc Minh	8D	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Huệ	Phường Tứ Minh
2656	Đình Thị Vân Anh	D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2657	Nguyễn Hải Đăng	D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2658	Dương Quỳnh Chi	D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2659	Nguyễn Minh Phúc	D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2660	Trần Hiểu Vy	D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2661	Nguyễn Vũ Hải Yên	D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2662	Nguyễn Thị Kiều Vy	D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2663	Trần Thị Phương Linh	D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2664	Nguyễn Duy Nhật Thăng	D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2665	Nguyễn Duy Khang	B	Toán (THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2666	Nguyễn Duy Nguyên	D	Toán (THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2667	Trần Đức Nguyên	D	Toán (THCS)	THCS Cao An	Phường Việt Hòa
2668	Vũ Mai Chi	8G	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2669	Nguyễn Thị Ngân Hà	8G	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2670	Nguyễn Đại Dũng	8G	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2671	Lưu Gia Minh	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2672	Nguyễn Hiền Quang	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2673	Lưu Nguyễn Minh Anh	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2674	Phạm Thị Trà My	8G	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2675	Nguyễn Minh Khuê	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2676	Nhữ Thị Quỳnh Lâm	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2677	Phạm Thị Thuý Duyên	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2678	Ngô Xuân Mai	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2679	Nguyễn Đình Hoàng Long	8E	Toán (THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2680	Vũ Gia Minh	8E	Toán (THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2681	Nguyễn Thị Mai	8G	Toán (THCS)	THCS Lai Cách	Phường Việt Hòa
2682	Trần Vũ Thành Nam	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2683	Dương Thúy Vân	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2684	Ngô Vũ Thành Long	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2685	Lê Hải Long	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2686	Ngô Trường Giang	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2687	Trần Nhật Quang Minh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2688	Lê Quang Minh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2689	Đông Quốc Hữu	8A	Toán (THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2690	Lương Quốc Thắng	8c	Toán (THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2691	Nguyễn Đức Dũng	8D	Toán (THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2692	Lê Đào Đức Huy	8D	Toán (THCS)	THCS Việt Hòa	Phường Việt Hòa
2693	Nguyễn Thị Minh Tuệ	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Bình	Xã An Phú
2694	Nguyễn Trọng Thắng	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Bình	Xã An Phú
2695	Tô Minh Quý	8B	Toán (THCS)	THCS An Bình	Xã An Phú
2696	Đặng Hữu Hiếu	8B	Toán (THCS)	THCS An Bình	Xã An Phú
2697	Nguyễn Ngọc Vân	8D	Toán (THCS)	THCS An Lâm	Xã An Phú
2698	Nguyễn Ngọc Hà	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cộng Hòa	Xã An Phú
2699	Nguyễn Thu Minh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cộng Hòa	Xã An Phú
2700	Nguyễn Phương Uyên	8B	Toán (THCS)	THCS Cộng Hòa	Xã An Phú
2701	Nguyễn Anh Khuê	8B	Toán (THCS)	THCS Cộng Hòa	Xã An Phú
2702	Nguyễn Sỹ Danh Khoa	11C	Sinh học (THPT)	THPT Nam Sách II	Xã An Phú
2703	Nguyễn Hữu Thịnh	11H	Sinh học (THPT)	THPT Nam Sách II	Xã An Phú
2704	Đặng Hoàng Quân	11A	Toán (THPT)	THPT Nam Sách II	Xã An Phú
2705	Vũ Văn Duy	11A	Toán (THPT)	THPT Nam Sách II	Xã An Phú
2706	Nguyễn Xuân Thịnh	11D	Toán (THPT)	THPT Nam Sách II	Xã An Phú
2707	Đông Thị Ngọc Trang	8C	Toán (THCS)	THCS Kim Tân	Xã An Thành
2708	Nguyễn Ngọc Bảo An	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngũ Phúc	Xã An Thành
2709	Trần Thị Quỳnh Vân	8C	Toán (THCS)	THCS Ngũ Phúc	Xã An Thành
2710	Vũ Minh Quân	8A	Toán (THCS)	THCS Lam Sơn	Xã Bắc Thanh Miện
2711	Trần Tuấn Phong	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Hồng	Xã Bắc Thanh Miện
2712	Đặng Vũ Quỳnh Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Hồng	Xã Bắc Thanh Miện
2713	Phạm Đình Hoàng Hải	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2714	Vũ Mạnh Huy	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2715	Nguyễn Xuân Lập	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2716	Trương Minh Tuấn	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2717	Trần Tuấn Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2718	Đình Văn Trà	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2719	Phạm Công Kiệt	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2720	Trần Gia Bảo	10A	Toán (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2721	Trần An Bảo Chi	10A	Toán (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2722	Phạm Ngọc Anh Quân	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2723	Vũ Việt Hưng	10G	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
2724	Đặng Thị Khánh Chi	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2725	Phạm Văn Hưng	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2726	Nguyễn Hoàng Sơn	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2727	Vũ Tiến Thành	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2728	Vũ Tuệ Linh	10A	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2729	Trần Hoàng Việt	11A	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2730	Trần Thu Hiền	11A	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2731	Nguyễn Thị Thu Hoan	11A	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2732	Vũ Nhật Minh	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2733	Cao Ngọc Lan Lâm	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2734	Phạm Quang Hưng	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2735	Nguyễn Mạnh Trường	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2736	Đoàn Đăng Khoa	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2737	Nguyễn Trường Giang	11A	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện
2738	Đào Huy Bách	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cổ Bi	Xã Bình Giang
2739	Nguyễn Hoàng Minh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cổ Bi	Xã Bình Giang
2740	Trần Thị Thanh Trúc	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cổ Bi	Xã Bình Giang
2741	Phạm Tuấn Minh	8C	Toán (THCS)	THCS Cổ Bi	Xã Bình Giang
2742	Nguyễn Tuấn Anh	8C	Toán (THCS)	THCS Cổ Bi	Xã Bình Giang
2743	Nguyễn Vũ Tùng Lâm	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Khê	Xã Bình Giang
2744	Lâm Quang Long	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Khê	Xã Bình Giang
2745	Nguyễn Thu Huyền	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Khê	Xã Bình Giang
2746	Nguyễn Thành Công	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Long Xuyên	Xã Bình Giang
2747	Vũ Hải Minh	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Long Xuyên	Xã Bình Giang

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2748	Phạm Quang Minh	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Long Xuyên	Xã Bình Giang
2749	Hà Nam Phong	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Long Xuyên	Xã Bình Giang
2750	Lê Minh Hiếu	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Long Xuyên	Xã Bình Giang
2751	Phạm Bảo Long	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Long Xuyên	Xã Bình Giang
2752	Phạm Đăng Khôi	8A	Toán (THCS)	THCS Long Xuyên	Xã Bình Giang
2753	Phạm Minh Hương	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Bình Giang
2754	Vũ Tiến Thành	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Bình Giang
2755	Vũ Nhật Thành	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Bình Giang
2756	Phạm Hà My	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Bình Giang
2757	Phạm Thu Thủy	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Bình Giang
2758	Vũ Khánh Linh	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Bình Giang
2759	Bùi Quang Anh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang
2760	Nguyễn Tiên Minh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang
2761	Dương Ngọc Minh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang
2762	Trần Đình Trung	8D	Toán (THCS)	THCS Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang
2763	Nguyễn Phương Thảo	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Hoàng	Xã Cẩm Giang
2764	Trương Hải Ninh	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Hoàng	Xã Cẩm Giang
2765	Nguyễn Khánh Linh	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Hoàng	Xã Cẩm Giang
2766	Nguyễn Thị Ngọc Hà	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Hoàng	Xã Cẩm Giang
2767	Nguyễn Đức Tài	8C	Toán (THCS)	THCS Cẩm Hoàng	Xã Cẩm Giang
2768	Nguyễn Tuấn Anh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Định Sơn	Xã Cẩm Giang
2769	Trần Đức Minh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Định Sơn	Xã Cẩm Giang
2770	Nguyễn Thiên Bảo	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Định Sơn	Xã Cẩm Giang
2771	Trần Bảo Trâm Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Định Sơn	Xã Cẩm Giang
2772	Vũ Thùy Trang	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thạch Lỗi	Xã Cẩm Giang
2773	Lê Ngọc Vân	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thạch Lỗi	Xã Cẩm Giang
2774	Vũ Hoàng Phương Uyên	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Hưng	Xã Cẩm Giàng

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2775	Nguyễn Thị Ái Như	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Hưng	Xã Cẩm Giàng
2776	Hoàng Mai Phương	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Hưng	Xã Cẩm Giàng
2777	Hoàng Thu Uyên	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Hưng	Xã Cẩm Giàng
2778	Hà Khánh Huyền	8A	Toán (THCS)	THCS Cẩm Hưng	Xã Cẩm Giàng
2779	Nguyễn Vũ Bảo Trâm	8C	Toán (THCS)	THCS Cẩm Hưng	Xã Cẩm Giàng
2780	Nguyễn Vương Bảo An	8D	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Ngọc Liên	Xã Cẩm Giàng
2781	Phùng Mai Chi	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngọc Liên	Xã Cẩm Giàng
2782	Lê Trung Kiên	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ngọc Liên	Xã Cẩm Giàng
2783	Nguyễn Thu Phương	8E	Toán (THCS)	THCS Ngọc Liên	Xã Cẩm Giàng
2784	Hà Phúc Thiên Tú	8A	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS An Thanh	Xã Chí Minh
2785	Phạm Bảo Châu	8E	Toán (THCS)	THCS Chí Minh	Xã Chí Minh
2786	Nguyễn Phạm Tiến Hưng	8E	Toán (THCS)	THCS Chí Minh	Xã Chí Minh
2787	Phạm Quỳnh Như	8E	Toán (THCS)	THCS Chí Minh	Xã Chí Minh
2788	Nguyễn Minh Châu	8E	Toán (THCS)	THCS Chí Minh	Xã Chí Minh
2789	Bùi Tiến Huân	8A	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2790	Phạm Minh Nhật	8A	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2791	Bùi Duy Đăng	8A	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2792	Nguyễn Thị Khánh Linh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2793	Bùi Thái Dương	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2794	Phạm Nguyên Hoài	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2795	Vũ Việt Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2796	Đặng Tiến Minh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2797	Nguyễn Xuân Thịnh	8A	Toán (THCS)	THCS Văn Tố	Xã Chí Minh
2798	Nguyễn Tá Bảo Long	8A	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Bình Lãng	Xã Đại Sơn
2799	Nguyễn Văn Khang Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Lãng	Xã Đại Sơn
2800	Khuong Gia Kiệt	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Lãng	Xã Đại Sơn
2801	Nguyễn Anh Vũ	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Lãng	Xã Đại Sơn

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2802	Đoàn Ngọc Anh Thu	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đại Sơn	Xã Đại Sơn
2803	Nguyễn Khánh Ngọc	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Sơn	Xã Đại Sơn
2804	Nguyễn Quỳnh Anh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đại Sơn	Xã Đại Sơn
2805	Vũ Hoàng Linh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đại Sơn	Xã Đại Sơn
2806	Đặng Thanh Hải	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2807	Nguyễn Tùng Lâm	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2808	Nguyễn Bảo Ngọc Minh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2809	Nguyễn Thị Thu Thủy	8A	Toán (THCS)	THCS Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2810	Nguyễn Thị Hà Linh	8A	Toán (THCS)	THCS Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2811	Nguyễn Tiến Dũng	8A	Toán (THCS)	THCS Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2812	Đoàn Đình Huy	11A	Hóa học (THPT)	THPT Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2813	Nguyễn Quốc Thắng	11A	Hóa học (THPT)	THPT Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2814	Nguyễn Thuỳ Dương	11A	Toán (THPT)	THPT Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2815	Nhữ Thiên Khôi	11B	Vật lí (THPT)	THPT Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2816	Đặng Vân Hương	11C	Vật lí (THPT)	THPT Hưng Đạo	Xã Đại Sơn
2817	Vũ Huy Phúc	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Hồng	Xã Đường An
2818	Vũ Đức Thế	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Hồng	Xã Đường An
2819	Vũ Hoàng Nam	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Hồng	Xã Đường An
2820	Trần Mạnh Dũng	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thái Minh	Xã Đường An
2821	Nguyễn Bảo An	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thái Minh	Xã Đường An
2822	Nguyễn Tuấn Minh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thái Minh	Xã Đường An
2823	Vũ Thị Yến Nhi	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thái Minh	Xã Đường An
2824	Nhữ Minh Trí	8C	Toán (THCS)	THCS Thái Minh	Xã Đường An
2825	Vũ Đình Khôi Nguyên	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thúc Kháng	Xã Đường An
2826	Phạm An Bình	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thúc Kháng	Xã Đường An
2827	Phạm Thị Bảo Trâm	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thúc Kháng	Xã Đường An
2828	Nguyễn Minh Thắng	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thúc Kháng	Xã Đường An
2829	Phạm Đức Mạnh	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thúc Kháng	Xã Đường An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2830	Đào Thị Thu Hà	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thúc Kháng	Xã Đường An
2831	Phạm Thành Trung	8A	Toán (THCS)	THCS Thúc Kháng	Xã Đường An
2832	Phạm Ngọc Bảo Anh	8D	Toán (THCS)	THCS Thúc Kháng	Xã Đường An
2833	Đỗ Danh Nhật Minh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2834	Vũ Hà Nhật	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2835	Vũ Thị Bảo Hân	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2836	Phạm Đăng Khoa	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2837	Phạm Nhật Minh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2838	Vũ Quang Duy	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2839	Nhữ Quang Minh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2840	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2841	Vũ Quang Nhật	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2842	Vũ Hương Giang	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2843	Vũ Đình Đạt	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2844	Vũ Xuân Đại	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2845	Nguyễn Hoàng Hương Giang	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2846	Vũ Thanh Mai	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2847	Nguyễn Ngọc Linh Chi	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2848	Vũ Thị Phương Mai	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2849	Nguyễn Long Hùng	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2850	Vũ Phúc Lâm	8A	Toán (THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2851	Trần Thị Vân Nhi	8A	Toán (THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2852	Vũ Quang Dũng	8A	Toán (THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2853	Bùi Thế Phúc	8A	Toán (THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2854	Nguyễn Anh Quân	8A	Toán (THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2855	Trần Thế Hùng	8A	Toán (THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2856	Đặng Phương Nam	8B	Toán (THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2857	Vũ Đình An Phúc	8B	Toán (THCS)	THCS Vũ Hữu	Xã Đường An
2858	Nguyễn Nhật Trung	11A	Hóa học (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2859	Nguyễn Thị Yên Trang	11A	Hóa học (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2860	Nguyễn Quang Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2861	Phạm Quốc Đại	11B	Hóa học (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2862	Vũ Đình Anh Đức	11A	Sinh học (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2863	Nguyễn Vũ Công	11A	Sinh học (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2864	Lê Việt Hoàng	11A	Toán (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2865	Trần Văn Tài	11A	Toán (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2866	Phạm Huy Tuấn Anh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2867	Nguyễn Thị Mai Phương	11A	Vật lí (THPT)	THPT Bình Giang	Xã Đường An
2868	Nguyễn Ngọc Liên	11A	Hóa học (THPT)	THPT Đường An	Xã Đường An
2869	Hoàng Việt An	11A	Hóa học (THPT)	THPT Đường An	Xã Đường An
2870	Vũ Tuệ Minh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Đường An	Xã Đường An
2871	Nguyễn Trần Hải Anh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2872	Tăng Hải Nam	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2873	Phạm Gia Hưng	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2874	Nguyễn Cảnh Minh Huy	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2875	Nguyễn Phương Nhi	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2876	Nguyễn Anh Thư	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2877	Đoàn Đức Minh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2878	Nguyễn Phương Uyên	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2879	Phạm Minh Nghĩa	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2880	Trịnh Thị Hà Linh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2881	Phạm Ngọc Bảo Linh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2882	Nguyễn Khắc Nam Khánh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2883	Phan Vũ Minh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2884	Nguyễn Phúc An Nguyên	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2885	Nguyễn Khánh Ngọc	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2886	Đàm Hoàng Thùy Chi	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2887	Phạm Hà Linh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2888	Nguyễn Ánh Dương	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2889	Đoàn Hoàng Bách	8B	Toán (THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2890	Phạm Viết Trung	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2891	Cao Thọ Kiên	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2892	Đoàn Chấn Phong	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2893	Nguyễn Hiền Minh	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2894	Nguyễn Thanh Hằng	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2895	Phạm Thị Thảo Nhi	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2896	Vũ Hoàng	8C	Toán (THCS)	THCS Lê Thanh Nghị	Xã Gia Lộc
2897	Phạm Thị Phương Linh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2898	Đặng Hải Long	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2899	Lê Thị Hồng Ngọc	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2900	Nguyễn Văn Tiến Dũng	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2901	Nguyễn Đình Việt	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2902	Phạm Vĩnh Hải	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2903	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2904	Nguyễn Thành An	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2905	Nguyễn Khánh Vân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2906	Trương Quỳnh Chi	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2907	Lê Khánh Vy	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2908	Đặng Thị Minh Ngọc	8H	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2909	Lê Thu Trang	8A	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2910	Nguyễn Lê Thủy Dương	8A	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2911	Hoàng Kim Hiếu	8H	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2912	Nguyễn Thái Quang Minh	8H	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2913	Nguyễn Thị Yên Nhi	8H	Toán (THCS)	THCS Thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2914	Tăng Đức Nam Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2915	Vũ Mai Chi	11A	Hóa học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2916	Nguyễn Thành Thái	11A	Hóa học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2917	Hoàng Thành Trung	11A	Hóa học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2918	Hà Thị Thanh Vân	11A	Sinh học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2919	Phạm Thị Thanh Thảo	11A	Sinh học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2920	Hoàng Thị Phương Chi	11A	Sinh học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2921	Nguyễn Đức Khánh Phong	11E	Sinh học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2922	Đông Thị Quỳnh Anh	11E	Sinh học (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2923	Phạm Anh Cường	11A	Toán (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2924	Đoàn Gia Phong	11A	Toán (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2925	Nguyễn Quang Minh	11A	Toán (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2926	Vũ Minh Duy	11D	Toán (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2927	Đoàn Thanh Phong	11A	Vật lí (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2928	Lê Thành Vinh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2929	Phạm Hoàng Anh	11D	Vật lí (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2930	Trần Minh Thế	11D	Vật lí (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2931	Phạm Quỳnh Dương	11D	Vật lí (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2932	Phạm Trí Đức	11D	Vật lí (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2933	Nguyễn Thị Hà Linh	11D	Vật lí (THPT)	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc
2934	Cao Sỹ Trọng Quân	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hoàng Diệu	Xã Gia Phúc
2935	Nhâm Nguyễn Tuấn Minh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hoàng Diệu	Xã Gia Phúc
2936	Nguyễn Huyền My	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hoàng Diệu	Xã Gia Phúc
2937	Phạm Thị Khánh Ly	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thống Kênh	Xã Gia Phúc
2938	Nguyễn Phương Thảo	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thống Kênh	Xã Gia Phúc
2939	Đặng Bá Thịnh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thống Kênh	Xã Gia Phúc
2940	Nguyễn Thùy Trang	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Toàn Thắng	Xã Gia Phúc
2941	Lê Thị Chi Giao	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Lạc	Xã Hà Bắc
2942	Đoàn Thị Tuyết	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Lạc	Xã Hà Bắc
2943	Bùi Ngọc Nhi	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Lạc	Xã Hà Bắc
2944	Trần Huy Long	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Lạc	Xã Hà Bắc
2945	Bùi Như Phong	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Lạc	Xã Hà Bắc
2946	Đoàn Thu Thủy	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Lạc	Xã Hà Bắc
2947	Lê Hồng Nhung	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Lạc	Xã Hà Bắc

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2948	Bùi Thị Bảo Ngọc	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Lạc	Xã Hà Bắc
2949	Nguyễn Hà Phương	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2950	Vũ Phạm Khánh Ngọc	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2951	Nguyễn Đức Tuấn Anh	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2952	Ngô Bá Thái	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2953	Nguyễn Bá Hồng Phúc	8E	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2954	Nguyễn Thị Vân Nhi	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2955	Nguyễn Thị Lan Anh	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2956	Nguyễn Thị Minh Thu	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2957	Nguyễn Đăng Phú	8E	Toán (THCS)	THCS Tân Việt	Xã Hà Bắc
2958	Nguyễn Phúc Minh Dương	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2959	Nguyễn Trần Ánh Vi	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2960	Phạm Thế Tín	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2961	Bùi Hữu Hiếu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2962	Nguyễn Khánh Ngọc	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2963	Lê Phong Vũ	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2964	Hoàng Thị Hòa	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2965	Trần Doãn Mạnh Quang	8A	Toán (THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2966	Lê Quang Hưng	8A	Toán (THCS)	THCS Việt Hồng	Xã Hà Bắc
2967	Phạm Đức Phúc	11A	Hóa học (THPT)	THPT Hà Bắc	Xã Hà Bắc
2968	Nguyễn Lê Thanh Tuấn	11A	Hóa học (THPT)	THPT Hà Bắc	Xã Hà Bắc
2969	Nguyễn Thị Phương Linh	11A	Toán (THPT)	THPT Hà Bắc	Xã Hà Bắc
2970	Tiêu Hoàng Việt	11C	Toán (THPT)	THPT Hà Bắc	Xã Hà Bắc
2971	Bùi Hữu Nhật Huy	11A	Vật lí (THPT)	THPT Hà Bắc	Xã Hà Bắc
2972	Lê Văn Khang	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Cường	Xã Hà Đông
2973	Trịnh Thị Khánh Huyền	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Cường	Xã Hà Đông
2974	Lê Khánh Linh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Cường	Xã Hà Đông
2975	Vũ Đức Gia Nghĩa	7A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Cường	Xã Hà Đông

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
2976	Lê Minh Ngọc	7B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Cường	Xã Hà Đông
2977	Vũ Lê Ly	8B	Toán (THCS)	THCS Thanh Cường	Xã Hà Đông
2978	Nguyễn Ngọc Bảo Trinh	7A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Hồng	Xã Hà Đông
2979	Ngô Trà My	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Hồng	Xã Hà Đông
2980	Lê Trịnh Khánh Huyền	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Hồng	Xã Hà Đông
2981	Nguyễn Gia Bảo	7A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Hồng	Xã Hà Đông
2982	Phạm Xuân Phúc	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Hồng	Xã Hà Đông
2983	Nguyễn Thanh Ngọc	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Hồng	Xã Hà Đông
2984	Lê Văn Chiến	7A	Toán (THCS)	THCS Thanh Hồng	Xã Hà Đông
2985	Nguyễn Xuân Hưng	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Hồng	Xã Hà Đông
2986	Nguyễn Huy Hoàng	7C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2987	Hoàng Thế Long Thịnh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2988	Phan Huy Gia Khánh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2989	Nguyễn Nhật Bình	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2990	Cao Hồng Ngọc	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2991	Phạm Trung Huy	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2992	Hà Phương Linh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2993	Lê Thị Phương Thùy	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2994	Phạm Thị Mai Thanh	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2995	Lê Quang Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2996	Lê Minh Khang	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2997	Đình Gia Nhi	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2998	Mai Tuấn Dũng	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Quang	Xã Hà Đông
2999	Lê Thị Kiều Anh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Vĩnh Lập	Xã Hà Đông
3000	Phạm Quang Dũng	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Lập	Xã Hà Đông
3001	Phạm Việt Nam	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Lập	Xã Hà Đông
3002	Nguyễn Hữu Công	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Lập	Xã Hà Đông
3003	Đào Ngọc Lan	8A	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Lập	Xã Hà Đông

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3004	Đào Minh Huyền	8C	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Lập	Xã Hà Đông
3005	Phạm Tuấn Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Hà Đông	Xã Hà Đông
3006	Trịnh Thị Phương Thảo	11A	Hóa học (THPT)	THPT Hà Đông	Xã Hà Đông
3007	Nguyễn Thị Vân Hà	11A	Sinh học (THPT)	THPT Hà Đông	Xã Hà Đông
3008	Lê Hoàn Vũ	11A	Toán (THPT)	THPT Hà Đông	Xã Hà Đông
3009	Trịnh Đình Dương	11C	Toán (THPT)	THPT Hà Đông	Xã Hà Đông
3010	Phạm Thị Khánh Linh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Hà Đông	Xã Hà Đông
3011	Nguyễn Hải Khang	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh An	Xã Hà Nam
3012	Nguyễn Tuệ Linh	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh An	Xã Hà Nam
3013	Đỗ Hồng Quân	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh An	Xã Hà Nam
3014	Nguyễn Phúc Tuấn Bảo	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Lang	Xã Hà Nam
3015	Phan Nhật Bảo Thiên	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Lang	Xã Hà Nam
3016	Phan Công Tuấn Duy	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Lang	Xã Hà Nam
3017	Nguyễn Trung Kiên	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Lang	Xã Hà Nam
3018	Phạm Duy Nam	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Phượng	Xã Hà Tây
3019	Lưu Hương Giang	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Phượng	Xã Hà Tây
3020	Phạm Huyền Trang	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Phượng	Xã Hà Tây
3021	Nguyễn Thiên Ân	8B	Toán (THCS)	THCS An Phượng	Xã Hà Tây
3022	Đỗ Tuấn Kiệt	8E	Toán (THCS)	THCS An Phượng	Xã Hà Tây
3023	Nguyễn Năng Nhật Phong	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân An	Xã Hà Tây
3024	Phạm Việt Hùng	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân An	Xã Hà Tây
3025	Nguyễn Doãn Minh Trí	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân An	Xã Hà Tây
3026	Lê Công Thành	8A	Toán (THCS)	THCS Tân An	Xã Hà Tây
3027	Lê Văn Quân	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3028	Nguyễn Long Gia Bảo	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3029	Phạm Nhật Khánh Vy	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3030	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3031	Nguyễn Thu Phương	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3032	Nguyễn Gia Huy	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3033	Dương Khánh Ly	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3034	Hoàng Thùy Lâm	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3035	Hồ Diệu Anh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3036	Nguyễn Thị Phương Oanh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3037	Nguyễn Kim Chi	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3038	Phạm Minh Dũng	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3039	Trịnh Thùy Linh	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3040	Nguyễn Trường An	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3041	Phạm Quốc Cường	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3042	Phạm Hương Quỳnh	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3043	Nguyễn Ngọc Diệp	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Hải	Xã Hà Tây
3044	Phạm Công Trường Thành	8A	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Xã Hải Hưng
3045	Nguyễn Đức Duy	8A	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Xã Hải Hưng
3046	Đoàn Phương Nam	8A	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Xã Hải Hưng
3047	Phạm Thị Thu Nguyệt	8A	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Xã Hải Hưng
3048	Phạm Nhật Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Ngô Quyền	Xã Hải Hưng
3049	Hoàng Anh Tú	8B	Toán (THCS)	THCS Hưng Long	Xã Hồng Châu
3050	Nguyễn Anh Quân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hưng Thái	Xã Hồng Châu
3051	Bùi Thị Hồng Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Hưng Thái	Xã Hồng Châu
3052	Nguyễn Đức Phan Khánh	8A	Toán (THCS)	THCS Hưng Thái	Xã Hồng Châu
3053	Vũ Thị Mai Anh	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Quang	Xã Hồng Châu
3054	Phạm Hữu Quang	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Quang	Xã Hồng Châu
3055	Ngô Bảo Ngọc	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Quang	Xã Hồng Châu
3056	Đoàn Hà Linh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Quang	Xã Hồng Châu
3057	Vũ Mai Phương	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Quang	Xã Hồng Châu
3058	Vũ Thị Minh Ngọc	8B	Toán (THCS)	THCS Tân Quang	Xã Hồng Châu
3059	Nguyễn Hữu Minh Đức	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Quang II	Xã Hồng Châu
3060	Lê Đức Long	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Quang II	Xã Hồng Châu
3061	Đỗ Thị Thanh Mai	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Văn Giang	Xã Hồng Châu

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3062	Chu Ngọc Mai	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Văn Giang	Xã Hồng Châu
3063	Nguyễn Văn Dũng	8A	Toán (THCS)	THCS Văn Giang	Xã Hồng Châu
3064	Nguyễn Phương Thùy	8A	Toán (THCS)	THCS Văn Giang	Xã Hồng Châu
3065	Nguyễn Mai Hương	8A	Toán (THCS)	THCS Văn Giang	Xã Hồng Châu
3066	Vũ Huy Hoàng	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3067	Trần Mạnh Quyết	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3068	Phạm Trần Hoàng Ngân	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3069	Bùi Mai Phương	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3070	Vũ Khánh Ngọc	8A	Toán (THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3071	Nguyễn Hải Yên	8A	Toán (THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3072	Phạm Ngọc Linh	8A	Toán (THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3073	Lê Huy Quang Bách	8A	Toán (THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3074	Nguyễn Quỳnh Trân	8B	Toán (THCS)	THCS Văn Hội	Xã Hồng Châu
3075	Vũ Huy Khánh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3076	Hoàng Xuân Tùng	11A	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3077	Vũ Thị Ngọc Ánh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3078	Lê Hoàng Huy	11A	Hóa học (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3079	Nguyễn Thế Hiệp	11A	Toán (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3080	Nguyễn Thị Minh Ngân	11A	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3081	Nguyễn Tuấn Dũng	11A	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3082	Nguyễn Mạnh Trung	11A	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3083	Phạm Hữu Hưng	11B	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3084	Nguyễn Trung Thiện	11B	Vật lí (THPT)	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu
3085	Nguyễn Hồng Hạnh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến
3086	Phạm Hoàng Phương Mai	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến
3087	Lê Thiên Long	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến
3088	Đào Đức Mạnh	8B	Toán (THCS)	THCS Mạc Thị Bưởi	Xã Hợp Tiến
3089	Nguyễn Thị Hải Ánh	8A	Toán (THCS)	THCS Nam Hưng	Xã Hợp Tiến
3090	Phạm Quốc Bảo	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hùng Thắng	Xã Kê Sặt
3091	Nguyễn Tuấn Khanh	8B	Toán (THCS)	THCS Hùng Thắng	Xã Kê Sặt

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3092	Vũ Hữu Bảo	8C	Toán (THCS)	THCS Kê Sắt	Xã Kê Sắt
3093	Phạm Thanh Trúc	8A	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Hưng	Xã Kê Sắt
3094	Vũ Hữu Huy	8B	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Hưng	Xã Kê Sắt
3095	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	11A	Toán (THPT)	THPT Kê Sắt	Xã Kê Sắt
3096	Vũ Hà Linh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đông Xuyên	Xã Khúc Thừa Dụ
3097	Lê Đức Long	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đông Xuyên	Xã Khúc Thừa Dụ
3098	Trần Tiến Thành	8A	Toán (THCS)	THCS Đông Xuyên	Xã Khúc Thừa Dụ
3099	Trần Trung Hiếu	8B	Toán (THCS)	THCS Đông Xuyên	Xã Khúc Thừa Dụ
3100	Trần Đức Trung	8C	Toán (THCS)	THCS Đông Xuyên	Xã Khúc Thừa Dụ
3101	Tăng Thành Đạt	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ
3102	Kiều Thanh Dương	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ
3103	Nguyễn Phương Thảo	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ
3104	Nguyễn Ngọc Mai Chi	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ
3105	Phan Bùi Thảo Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ
3106	Đình Bá Tài	8A	Toán (THCS)	THCS Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ
3107	Lê Tuyết Lan	8A	Toán (THCS)	THCS Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ
3108	Phạm Gia Bảo	8B	Toán (THCS)	THCS Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ
3109	Bùi Vĩnh Hải	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Phúc	Xã Khúc Thừa Dụ
3110	Nguyễn Thành Nam	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hồng Phúc	Xã Khúc Thừa Dụ
3111	Phạm Vinh Hiền	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Phúc	Xã Khúc Thừa Dụ
3112	Hồ Bảo Châu	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Phúc	Xã Khúc Thừa Dụ
3113	Trần Minh Huy	8D	Toán (THCS)	THCS Ninh Hải	Xã Khúc Thừa Dụ
3114	Đồng Gia Huy	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Bình Dân	Xã Kim Thành
3115	Phạm Bùi Hải Long	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Dân	Xã Kim Thành
3116	Phạm Ngọc Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Bình Dân	Xã Kim Thành
3117	Lương Đức Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Dân	Xã Kim Thành
3118	Nguyễn Phúc Lâm	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Dân	Xã Kim Thành
3119	Đào Trọng Phúc	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Dân	Xã Kim Thành
3120	Nguyễn Anh Tuấn	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Dân	Xã Kim Thành
3121	Vũ Tiến Đức	8A	Toán (THCS)	THCS Bình Dân	Xã Kim Thành
3122	Bùi Ngọc Tuấn Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Đồng Cẩm	Xã Kim Thành
3123	Đào Văn Công	8C	Toán (THCS)	THCS Tam Kỳ	Xã Kim Thành
3124	Đình Gia Hiếu	11A	Hóa học (THPT)	THPT Đồng Gia	Xã Kim Thành

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3125	Nguyễn Tiến Việt Dũng	11A	Hóa học (THPT)	THPT Đồng Gia	Xã Kim Thành
3126	Nguyễn Thị Phương Chi	11A	Hóa học (THPT)	THPT Đồng Gia	Xã Kim Thành
3127	Lê Đức Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Đồng Gia	Xã Kim Thành
3128	Nguyễn Duy Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Đồng Gia	Xã Kim Thành
3129	Phạm Trung Hiếu	11A	Vật lí (THPT)	THPT Đồng Gia	Xã Kim Thành
3130	Vũ Thị Trà Giang	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cộng Lạc	Xã Lạc Phượng
3131	Nguyễn Đào Quang Long	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cộng Lạc	Xã Lạc Phượng
3132	Vũ Nguyên Hải	8A	Toán (THCS)	THCS Cộng Lạc	Xã Lạc Phượng
3133	Nguyễn Ngọc Minh Châu	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Trung	Xã Lạc Phượng
3134	Trần Hải Lâm	8D	Toán (THCS)	THCS Quang Trung	Xã Lạc Phượng
3135	Đông Thủy Ngân	11A	Hóa học (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3136	Nguyễn Tuấn Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3137	Lê Hồng Sơn	11A	Hóa học (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3138	Phạm Hữu Việt	11A	Sinh học (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3139	Lương Khương Du	11H	Toán (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3140	Lê Thị Thu Giang	11H	Toán (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3141	Đỗ Nguyễn Ngọc Tú	11A	Vật lí (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3142	Phùng Anh Duy	11A	Vật lí (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3143	Quách Đoàn Mạnh Hưng	11H	Vật lí (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3144	Nguyễn Đình Mạnh	11H	Vật lí (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3145	Nguyễn Kim Ngân	11H	Vật lí (THPT)	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng
3146	Lương Đình Hậu	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cổ Dũng	Xã Lai Khê
3147	Nguyễn Hữu Khoa	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cổ Dũng	Xã Lai Khê
3148	Nguyễn Văn Hoàng Minh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cổ Dũng	Xã Lai Khê
3149	Nguyễn Khắc Huy Hoàng	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cổ Dũng	Xã Lai Khê
3150	Hoàng Hà Linh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cổ Dũng	Xã Lai Khê
3151	Đào Trần Khánh Ly	8B	Toán (THCS)	THCS Cổ Dũng	Xã Lai Khê
3152	Nguyễn Danh Thành	8C	Toán (THCS)	THCS Cổ Dũng	Xã Lai Khê
3153	Đoàn Nhật Duy	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cộng Hòa	Xã Lai Khê
3154	Vũ Dương Hùng	8A	Toán (THCS)	THCS Cộng Hòa	Xã Lai Khê
3155	Bùi Quang Minh	8C	Toán (THCS)	THCS Cộng Hòa	Xã Lai Khê
3156	Bùi Khắc Phúc	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Lai Vu	Xã Lai Khê
3157	Bùi Thị Phương Vy	8A	Toán (THCS)	THCS Lai Vu	Xã Lai Khê

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3158	Nguyễn Tiến Minh	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thượng Vũ	Xã Lai Khê
3159	Đào Thị Thủy Tiên	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thượng Vũ	Xã Lai Khê
3160	Phạm Thế Tùng	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thượng Vũ	Xã Lai Khê
3161	Bùi Duy Hoàng	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thượng Vũ	Xã Lai Khê
3162	Lương Văn Thế Phong	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thượng Vũ	Xã Lai Khê
3163	Bùi Minh Vũ	8C	Toán (THCS)	THCS Thượng Vũ	Xã Lai Khê
3164	Nguyễn Lan Hương	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Điền	Xã Mao Điền
3165	Lê Huy Tấn Dũng	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Điền	Xã Mao Điền
3166	Nguyễn Ngọc Hà	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Điền	Xã Mao Điền
3167	Lương Mai Linh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Điền	Xã Mao Điền
3168	Lê Diệu Đan	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Điền	Xã Mao Điền
3169	Đoàn Bích Ngọc	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Đông	Xã Mao Điền
3170	Phạm Hoàng Lâm	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Đông	Xã Mao Điền
3171	Đào Ngọc Linh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Đông	Xã Mao Điền
3172	Đào Thị Thương	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Phúc	Xã Mao Điền
3173	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Phúc	Xã Mao Điền
3174	Kim Ngọc Hà	11A	Hóa học (THPT)	THPT Cẩm Giàng	Xã Mao Điền
3175	Nguyễn Đình Thanh	11C	Hóa học (THPT)	THPT Cẩm Giàng	Xã Mao Điền
3176	Nguyễn Trường Sinh	11B	Sinh học (THPT)	THPT Cẩm Giàng	Xã Mao Điền
3177	Trương Thị Hương Giang	11A	Toán (THPT)	THPT Cẩm Giàng	Xã Mao Điền
3178	Trịnh Ngọc Hòa An	11C	Toán (THPT)	THPT Cẩm Giàng	Xã Mao Điền
3179	Nguyễn Anh Tú	11C	Toán (THPT)	THPT Cẩm Giàng	Xã Mao Điền
3180	Phạm Bảo Trâm	8A	Toán (THCS)	THCS Lạc Long	Xã Nam An Phụ
3181	Trần Tuấn Dũng	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quang Thành	Xã Nam An Phụ
3182	Lê Vũ Bảo Hân	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quang Thành	Xã Nam An Phụ
3183	Lê Minh Đức	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quang Thành	Xã Nam An Phụ
3184	Nguyễn Quỳnh Nhi	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quang Thành	Xã Nam An Phụ
3185	Bùi Nguyễn Bảo Trang	7B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Thành	Xã Nam An Phụ

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3186	Ngô Đức Huy	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Thành	Xã Nam An Phụ
3187	Phạm Bảo Hân	7D	Toán (THCS)	THCS Quang Thành	Xã Nam An Phụ
3188	Bùi Mạnh Dũng	8B	Toán (THCS)	THCS Quang Thành	Xã Nam An Phụ
3189	Lê Hoàng Hải	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thăng Long	Xã Nam An Phụ
3190	Trịnh Phạm Anh Thư	8A	Toán (THCS)	THCS Thăng Long	Xã Nam An Phụ
3191	Nguyễn Thị Minh Phương	11A	Hóa học (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3192	Nguyễn Ngọc Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3193	Ngô Đức Tuấn Hùng	11A	Hóa học (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3194	Nguyễn Thị Kim Ngân	11A	Sinh học (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3195	Nguyễn Thị Khánh Linh	11A	Sinh học (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3196	Đông Thị Thanh Vân	11A	Sinh học (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3197	Nguyễn Phúc Nguyên	11A	Sinh học (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3198	Nguyễn Quang Minh	11A	Toán (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3199	Trần Thị Hồng Anh	11A	Toán (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3200	Nguyễn Thùy Linh	11A	Toán (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3201	Nguyễn Thành Quang	11A	Toán (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3202	Nguyễn Bảo Nam	11A	Toán (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3203	Lê Duy Khánh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3204	Nguyễn Thị Anh Thư	11A	Vật lí (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3205	Nguyễn Minh Hiếu	11A	Vật lí (THPT)	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ
3206	Dương Ngọc Bích	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Lạc	Xã Nam Sách
3207	Nguyễn Hùng Anh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Lạc	Xã Nam Sách
3208	Đào Minh Nhật	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đồng Lạc	Xã Nam Sách
3209	Lê Thu Minh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đồng Lạc	Xã Nam Sách
3210	Maneein Thu Ngân	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đồng Lạc	Xã Nam Sách
3211	Mạc Thị Khánh Ngọc	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đồng Lạc	Xã Nam Sách
3212	Đoàn Vũ Hồng Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Đồng Lạc	Xã Nam Sách
3213	Nguyễn Quỳnh Trang	8E	Toán (THCS)	THCS Đồng Lạc	Xã Nam Sách
3214	Nguyễn Thị Thu Ngân	8A	Toán (THCS)	THCS Nam Hồng	Xã Nam Sách
3215	Quản Minh Nguyên	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nam Sách	Xã Nam Sách
3216	Đoàn Gia Hân	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nam Sách	Xã Nam Sách
3217	Nguyễn Tuấn Hưng	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nam Sách	Xã Nam Sách
3218	Nguyễn Minh Hùng	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3219	Nguyễn Hoàng Dương	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3220	Lê Đức Dương	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3221	Trần Gia Khánh	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3222	Bùi Thị Bích Ngọc	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3223	Phạm Xuân Cát Uy	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3224	Nguyễn Thị Diệp Châu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3225	Vũ Duy Bảo	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3226	Nguyễn Thị Ngọc Bích	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3227	Trần Huyền Linh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3228	Nguyễn Đình Sơn	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3229	Nguyễn Hà Vy	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3230	Đỗ Nguyệt Quỳnh Giang	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3231	Trần Bảo Hân	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3232	Nguyễn Hải Huyền	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3233	Trần Thị Khánh Linh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3234	Nguyễn Thị Bích Ngân	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3235	Phạm Phương Thảo	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3236	Lê Khả Hoàng Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3237	Nguyễn Thị Ngọc Linh	8B	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3238	Nguyễn Đức Gia Huy	8B	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3239	Nguyễn Đăng Nam Khánh	8B	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3240	Nguyễn Hải Nam	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3241	Nguyễn Văn Minh Long	8C	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3242	Tiêu Minh Thành	8D	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách
3243	Trịnh Long Nhật	8D	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Trãi	Xã Nam Sách

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3244	Lương Quang Long	10B	Hóa học (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3245	Nguyễn Đức Anh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3246	Phạm Nguyên Khiêm	11A	Hóa học (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3247	Vương Yên Linh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3248	Đoàn Thị Ngọc Anh	10B	Sinh học (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3249	Phạm Gia Khánh	10B	Sinh học (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3250	Lê Khả Bắc	11A	Sinh học (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3251	Nguyễn Đình Cường	11A	Toán (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3252	Nguyễn Thành Nhật	11A	Toán (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3253	Lưu Quang Phát	11A	Toán (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3254	Hoàng Hải Anh	11A	Toán (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3255	Nguyễn Đình Hiền	11F	Toán (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3256	Nguyễn Huy Đức	11F	Toán (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3257	Lê Hoàng Anh	11F	Toán (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3258	Bùi Mai Chi	11E	Vật lí (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3259	Nguyễn Thảo Linh	11E	Vật lí (THPT)	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách
3260	Phạm Trung Kiên	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hà Kỳ	Xã Nguyên Giáp
3261	Nguyễn Như Ngọc	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hà Kỳ	Xã Nguyên Giáp
3262	Nguyễn Việt Cường	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3263	Trần Nhật Vũ	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3264	Vũ Phương Thảo	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3265	Nguyễn Ánh Ngọc	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3266	Hà Thuý Trúc	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3267	Nguyễn Văn Sáng	8A	Toán (THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3268	Phạm Thị Kim Ngọc	8A	Toán (THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3269	Nguyễn Tiến Đạt	8A	Toán (THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3270	Phạm Khánh Vân	8A	Toán (THCS)	THCS Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp
3271	Phạm Đăng Quang Huy	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp
3272	Phạm Bùi Trung Giáp	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp
3273	Phùng Hải Phương	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp
3274	Nguyễn Văn Long Vũ	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp
3275	Phạm Hải Phong	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp
3276	Nguyễn Thị Thương	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp
3277	Phùng Trí Thành	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp
3278	Vũ Văn Song Vũ	8A	Toán (THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp
3279	Đông Yên Nhi	8B	Toán (THCS)	THCS Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3280	Nguyễn Tùng Kiên	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đoàn Tùng	Xã Nguyễn Lương Bằng
3281	Phạm Thị Minh Thảo	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nhân Quyền	Xã Nguyễn Lương Bằng
3282	Vũ Hải Dương	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nhân Quyền	Xã Nguyễn Lương Bằng
3283	Nguyễn Thị Cẩm Ly	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nhân Quyền	Xã Nguyễn Lương Bằng
3284	Nguyễn Hải Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Kha	Xã Nguyễn Lương Bằng
3285	Vũ Phạm Hải Nam	8A	Toán (THCS)	THCS Phạm Kha	Xã Nguyễn Lương Bằng
3286	Nguyễn Bình An	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Hiệp Lực	Xã Ninh Giang
3287	Trần Thị Minh Châu	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hiệp Lực	Xã Ninh Giang
3288	Nguyễn Thanh Nhân	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hiệp Lực	Xã Ninh Giang
3289	Nguyễn Thị Yến Nhi	8B	Toán (THCS)	THCS Hiệp Lực	Xã Ninh Giang
3290	Phạm Tiến Đô	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Hồng Dụ	Xã Ninh Giang
3291	Chu Diễm Quỳnh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Hồng Dụ	Xã Ninh Giang
3292	Đào Trịnh Đức Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Hồng Dụ	Xã Ninh Giang
3293	Bùi Minh Quân	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3294	Vũ Cẩm Ly	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3295	Vũ Hà Phương	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3296	Đỗ Đình Đình	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3297	Nguyễn Đình Minh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3298	Nguyễn Thái Dương	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3299	Nguyễn Hải Long	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3300	Nguyễn Hải Đăng	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3301	Lưu Hải Nam	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3302	Nguyễn Gia Hân	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3303	Hà Minh Hiếu	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3304	Đào Phương Linh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3305	Nguyễn Phương Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3306	Phạm Bảo Ngân	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3307	Nguyễn Văn Nhi	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3308	Nguyễn Vũ Kiều Trang	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3309	Trần Thủy Tiên	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3310	Vũ Duy Tuấn Hoàng	8B	Toán (THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3311	Đặng Quang Hưng	8B	Toán (THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3312	Lê Công Minh	8B	Toán (THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3313	Phạm Xuân Trường Nam	8B	Toán (THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3314	Phan Hải Khang	8C	Toán (THCS)	THCS Thành Nhân	Xã Ninh Giang
3315	Hoàng Hương Giang	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Vĩnh Hòa	Xã Ninh Giang
3316	Nguyễn Mạnh Đức	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Hòa	Xã Ninh Giang
3317	Nguyễn Đình Hải Phong	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Hòa	Xã Ninh Giang
3318	Phạm Thị Hồng Nhung	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Vĩnh Hòa	Xã Ninh Giang
3319	Nguyễn Khắc Hiếu	8A	Toán (THCS)	THCS Vĩnh Hòa	Xã Ninh Giang
3320	Vũ Minh Ngọc	11A	Hóa học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3321	Phạm Trần Trà Giang	11A	Hóa học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3322	Bùi Thị Tâm An	11A	Hóa học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3323	Phạm Lê Tố Uyên	11A	Hóa học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3324	Nguyễn Vũ Lan Hương	11B	Hóa học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3325	Phạm Thị Lý	11B	Hóa học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3326	Trần Duy Hưng	11B	Hóa học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3327	Phạm Tuấn Anh	11B	Hóa học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3328	Vũ Tiến Đức	10A	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3329	Hà Tú Anh	11A	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3330	Nguyễn Mai Anh	11A	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3331	Trịnh Khánh Duy	11C	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3332	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	11K	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3333	Bùi Văn Đức	11K	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3334	Lê Thị Quỳnh Trang	11K	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3335	Trần Hà Như Ngọc	11K	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3336	Tạ Thị Cẩm Ly	11K	Sinh học (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3337	Nguyễn Tấn Dũng	11A	Toán (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3338	Nguyễn Tiến Anh	11A	Toán (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3339	Nguyễn Trung Hiếu	11A	Toán (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3340	Nguyễn Trọng Kiên	11A	Toán (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3341	Đỗ Hữu Dũng	11G	Toán (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3342	Hoàng Minh Đức	11G	Toán (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3343	Hoàng Thanh Bắc	11I	Toán (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3344	Phan Hà Mai Anh	11T	Toán (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3345	Phạm Trần Đức Anh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3346	Nguyễn Sơn Tùng	11A	Vật lí (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3347	Nguyễn Gia Trung	11A	Vật lí (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3348	Hoàng Khánh Chi	11A	Vật lí (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3349	Phạm Bá Hưng	11A	Vật lí (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3350	Nguyễn Minh Cường	11G	Vật lí (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3351	Nguyễn Hoài Anh	11G	Vật lí (THPT)	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang
3352	Đoàn Trâm Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kim Anh	Xã Phú Thái
3353	Vũ Đại Hải Hoàng	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kim Anh	Xã Phú Thái
3354	Nguyễn Hải Đăng	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3355	Lê Minh Hiếu	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3356	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	8E	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3357	Nguyễn Đại Dương	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3358	Nguyễn Thị Huyền Trang	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3359	Bùi Hoàng Chương	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3360	Nguyễn Thị Kim Ngân	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3361	Phạm Thanh Trúc	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3362	Trần Minh Ngọc	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3363	Nguyễn Trọng Nguyên	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3364	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3365	Hoàng Minh Quân	8E	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3366	Tô Minh Anh	8D	Toán (THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3367	Đỗ Thị Kim Ngân	8D	Toán (THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3368	Nguyễn Quý Lâm	8D	Toán (THCS)	THCS Kim Liên	Xã Phú Thái
3369	Vũ Nguyễn Bảo Anh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Kim Xuyên	Xã Phú Thái
3370	Phạm Tuấn Kiệt	8A	Toán (THCS)	THCS Kim Xuyên	Xã Phú Thái
3371	Nguyễn Anh Vũ	8A1	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3372	Phạm Trí Dũng	8A1	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3373	Trần Trọng Hoàn	8A2	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3374	Bùi Anh Tuấn	8A2	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3375	Nguyễn Gia Bảo	8A2	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3376	Nguyễn Thảo Nhi	8A2	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3377	Nguyễn Trường Giang	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3378	Bùi Vũ Khôi Nguyên	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3379	Bùi Tuấn Tú	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3380	Vũ Nhất Anh	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3381	Đông Huy Hùng	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3382	Chu Ngọc Ánh	8A3	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3383	Nguyễn Minh Châu	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3384	Nguyễn Ngọc Anh	8A3	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3385	Dương Danh Gia Huy	8A2	Toán (THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3386	Trần Đình Công Minh	8A2	Toán (THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3387	Vũ Phương Mai	8A2	Toán (THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3388	Park Hui Su	8A2	Toán (THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3389	Nguyễn Ngọc Thiên An	8A2	Toán (THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3390	Nguyễn Thị Minh Phước	8A2	Toán (THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3391	Nguyễn Danh Hiệu	8A2	Toán (THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3392	Bùi Nhật Minh	8A3	Toán (THCS)	THCS Phú Thái	Xã Phú Thái
3393	Trần Đỗ Hải Vân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phúc Thành	Xã Phú Thái
3394	Nguyễn Dương Kim Loan	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phúc Thành	Xã Phú Thái
3395	Mạc Thị Trúc Mai	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phúc Thành	Xã Phú Thái
3396	Nguyễn Thành Nam	A	Hóa học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3397	Nguyễn Duy Khánh	A	Hóa học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3398	Đông Gia Hưng	A	Hóa học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3399	Đông Tiến Đạt	A	Hóa học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3400	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	A	Hóa học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3401	Nguyễn Lê Ngọc Minh	B	Sinh học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3402	Lê Hồ Hải An	C	Sinh học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3403	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	C	Sinh học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3404	Tiêu Văn Bảo	C	Sinh học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3405	Bùi Thu Trang	C	Sinh học (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3406	Đỗ Phạm Nguyên	A	Toán (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3407	Lê Kim Thi	D	Toán (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3408	Đào Bá Vinh	E	Toán (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3409	Vũ Quyết Chiến	A	Vật lí (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3410	Bùi Nam Bảo Nguyên	A	Vật lí (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3411	Phạm Văn Quyền	A	Vật lí (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3412	Nguyễn Tiến Đạt	A	Vật lí (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3413	Nguyễn Ngọc Ánh	A	Vật lí (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3414	Bùi Vũ Thế Long	A	Vật lí (THPT)	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái
3415	Nguyễn Anh Quân	11E	Hóa học (THPT)	THPT Kim Thành II	Xã Phú Thái
3416	Vũ Thị Minh Hạnh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Đức	Xã Tân An
3417	Trần Thị Minh Thu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Đức	Xã Tân An
3418	Phùng Thị Minh Thu	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Đức	Xã Tân An
3419	Triệu Hải Dương	7B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS An Đức	Xã Tân An
3420	Nguyễn Chấn Hưng	8A	Toán (THCS)	THCS An Đức	Xã Tân An
3421	Đặng Huyền Trang	8A	Toán (THCS)	THCS An Đức	Xã Tân An
3422	Trịnh Đăng Phú Dương	8C	Toán (THCS)	THCS An Đức	Xã Tân An
3423	Nguyễn Hoàng Gia Long	8C	Toán (THCS)	THCS Hồng Đức	Xã Tân An
3424	Nguyễn Thanh Hải	8C	Toán (THCS)	THCS Hồng Đức	Xã Tân An
3425	Đoàn Ngọc Vân	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3426	Đoàn Bảo Quốc	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3427	Nguyễn Phú Hoàng	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3428	Phạm Hiểu Bình	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3429	Phạm Minh Hoàng	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3430	Bùi Thị Ánh Dương	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3431	Nguyễn Hải Nam	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3432	Hoàng Thanh Trúc	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3433	Nguyễn Thùy Linh	8E	Toán (THCS)	THCS Tân Phong	Xã Tân An
3434	Nguyễn Hoàng Anh	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Tân Kỳ

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3435	Nguyễn Thị Diệu Tâm	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Tân Kỳ
3436	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8C	Toán (THCS)	THCS Đại Hợp	Xã Tân Kỳ
3437	Nguyễn Thùy Chi	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ngọc Kỳ	Xã Tân Kỳ
3438	Trịnh Văn Thành	8A	Toán (THCS)	THCS Ngọc Kỳ	Xã Tân Kỳ
3439	Phùng Khả Đại	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Sơn	Xã Thái Tân
3440	Nguyễn Thị Yến Nhi	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS An Sơn	Xã Thái Tân
3441	Bùi Đình Dũng	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Sơn	Xã Thái Tân
3442	Nguyễn Linh Nhi	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS An Sơn	Xã Thái Tân
3443	Đặng Hải Linh	8B	Toán (THCS)	THCS An Sơn	Xã Thái Tân
3444	Nguyễn Hoàng Khánh An	8A	Toán (THCS)	THCS Thái Tân	Xã Thái Tân
3445	Nguyễn Duy Vũ	8D	Toán (THCS)	THCS Thái Tân	Xã Thái Tân
3446	Bùi Hoài Anh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3447	Bùi Hải Nam	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3448	Dương Thị Hương Giang	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3449	Đỗ Đức Huy	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3450	Cao Hà Trang	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3451	Nguyễn Hoàng Bách	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3452	Lê Vũ Vinh	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3453	Vũ Thùy Chi	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3454	Nguyễn Hoàng Lan	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3455	Nguyễn Thị Minh Ngọc	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3456	Nguyễn Thị Kim Ngân	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3457	Lê Thị Ánh Nguyệt	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3458	Nguyễn Thanh Huyền	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3459	Lê Phương Trinh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3460	Phạm Minh Ngọc	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3461	Phạm Ngọc Hân	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3462	Lê Văn Nguyên	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3463	Phạm Ngọc Tú	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3464	Nguyễn Sinh Dũng	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3465	Trần Hoàng Sơn	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3466	Mạc Đăng Dương	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3467	Nguyễn Trọng Cao Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3468	Nguyễn Minh Châu	8B	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3469	Nguyễn Minh Hiếu	8B	Toán (THCS)	THCS Chu Văn An	Xã Thanh Hà
3470	Bùi Gia Huy	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3471	Nguyễn Đức Duy	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3472	Hoàng Gia Linh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3473	Nguyễn Quỳnh Anh	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3474	Nguyễn Ngọc Hân	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3475	Đặng Phương Ngân	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Khê	Xã Thanh Hà
3476	Đình Bình Nguyên	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Khê	Xã Thanh Hà
3477	Lê Văn Dũng	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Khê	Xã Thanh Hà
3478	Nguyễn Gia Linh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Khê	Xã Thanh Hà
3479	Đào Thị Ngọc Mai	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Khê	Xã Thanh Hà
3480	Đặng Thảo Hà	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Khê	Xã Thanh Hà
3481	Nguyễn Hà Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Khê	Xã Thanh Hà
3482	Trần Bình Minh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3483	Nguyễn Vân Anh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3484	Nguyễn Ngọc Dương	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3485	Đỗ Thu Hương	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3486	Trần Hoàng Bách	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3487	Đoàn Phương Vi	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3488	Đoàn Thị Hà Thanh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3489	Đoàn Thảo Hiền	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3490	Nguyễn Hoàng Minh	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3491	Lê Thị Linh Nga	8A	Toán (THCS)	THCS Thanh Sơn	Xã Thanh Hà
3492	Nguyễn Phạm Bảo Trang	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3493	Hoàng Hải Long	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3494	Ngô Trung Hiệp	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3495	Nguyễn Trung Hải	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3496	Hoàng Xuân Sơn	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3497	Ngô Diệu Linh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3498	Ngô Hoàng Quỳnh Anh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3499	Nguyễn Khánh Linh	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3500	Nguyễn Thảo Linh	8C	Toán (THCS)	THCS Thanh Thủy	Xã Thanh Hà
3501	Cao Yến Chi	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thanh Xá	Xã Thanh Hà
3502	Đỗ Thị Ngọc Diệp	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Thanh Xá	Xã Thanh Hà
3503	Nguyễn Ngọc Ánh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3504	Nguyễn Minh Hiền	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3505	Lê Nguyễn Thảo Ngân	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3506	Phạm Nguyên Khang	11A	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3507	Nguyễn Mai Linh	11B	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3508	Phạm Đắc Minh Khôi	11B	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3509	Dương Nguyễn Việt Anh	11D	Hóa học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3510	Nguyễn Minh Phương	10A	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3511	Phan Khánh Ngọc	10D	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3512	Đặng Thị Thùy Duyên	11A	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3513	Nguyễn Thị Ngọc Minh	11A	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3514	Lê Tiến Dũng	11A	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3515	Lê Hoàng Anh Tuấn	11B	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3516	Trịnh Nguyễn Bảo Ngọc	11K	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3517	Phạm Tiến Đạt	11M	Sinh học (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3518	Phạm Đắc Hùng	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3519	Bùi Duy Ngọc	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3520	Nguyễn Nhật Minh	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3521	Lê Văn Phúc	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3522	Phạm Quang Minh	11A	Toán (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3523	Đỗ Thị Tuyết Mai	11K	Toán (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3524	Nguyễn Thu Hiền	11A	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3525	Lê Mạnh Cường	11A	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3526	Nguyễn Minh Duy	11A	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3527	Phạm Thị Ngọc Linh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3528	Trịnh Hoàng Đức	11A	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3529	Phạm Văn Khánh	11B	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3530	Đỗ Thành Đạt	11B	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3531	Vũ Vân Phi	11D	Vật lí (THPT)	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà
3532	Đình Nhất Hưng	8A	Toán (THCS)	THCS Ngũ Hùng	Xã Thanh Miện
3533	Bùi Trọng Phát	8A	Toán (THCS)	THCS Ngũ Hùng	Xã Thanh Miện
3534	Bùi Quang Minh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3535	Vũ Hoàng Phúc	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3536	Vũ Diệu Thanh	8A1	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3537	Nguyễn Thanh Hiếu	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3538	Bùi Hà Linh Nhi	8A2	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3539	Nguyễn Nam Phong	8A3	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3540	Trần Quang Đức	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3541	Lê Đức Hải Lâm	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3542	Vũ Minh Thái	8A2	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3543	Phạm Nhật Minh	8A4	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3544	Trần Thị Ngọc Ánh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3545	Nguyễn Đức Quang Minh	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3546	Trần Thúy An	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3547	Khổng Phạm Ánh Dương	8A1	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3548	Lê Tú Quyên	8A2	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3549	Trần Minh Hoàng	8A2	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3550	Phạm Minh Tân	8A2	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3551	Vũ Công Khánh	8A2	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3552	Phạm Tiến Dũng	8A2	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3553	Nguyễn Anh Minh	8A2	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3554	Phạm Quang Vinh	8A2	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3555	Nguyễn Nhật Quang	8A2	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3556	Trần Thanh Thảo	8A2	Toán (THCS)	THCS Nguyễn Lương Bằng	Xã Thanh Miện
3557	Nhữ Văn Minh Trí	8A1	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thanh Miện	Xã Thanh Miện
3558	Lương Thảo Nhi	8A1	Toán (THCS)	THCS Thanh Miện	Xã Thanh Miện
3559	Bùi Ngọc Diệp	8A1	Toán (THCS)	THCS Thanh Miện	Xã Thanh Miện
3560	Phạm Tùng Lâm	8E	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Bình Xuyên	Xã Thượng Hồng
3561	Trần Tuấn Minh	8G	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Bình Xuyên	Xã Thượng Hồng
3562	Phạm Đình Đức Long	8D	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Bình Xuyên	Xã Thượng Hồng
3563	Đoàn Nhật Anh	8C	Toán (THCS)	THCS Bình Xuyên	Xã Thượng Hồng
3564	Nguyễn Huy Đức	8A	KHTN 1 (Vật lý - THCS)	THCS Quốc Tuấn	Xã Trần Phú
3565	Dương Quốc Phong	8B	Toán (THCS)	THCS Quốc Tuấn	Xã Trần Phú
3566	Vũ Linh Hương	8B	Toán (THCS)	THCS Quốc Tuấn	Xã Trần Phú
3567	Nguyễn Vũ Mỹ Hà	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Nam Chính	Xã Trần Phú
3568	Trần Thị Ngọc Liên	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	TH-THCS Nam Chính	Xã Trần Phú
3569	Nguyễn Đức Long	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nhật Tân	Xã Trường Tân
3570	Phạm Thị Phương Anh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nhật Tân	Xã Trường Tân
3571	Vũ Phương Vy	8A	Toán (THCS)	THCS Nhật Tân	Xã Trường Tân
3572	Đào Ngọc Ninh	8B	Toán (THCS)	THCS Nhật Tân	Xã Trường Tân
3573	Hoàng Thị Thanh Chúc	8B	Toán (THCS)	THCS Nhật Tân	Xã Trường Tân
3574	Nguyễn Hà Linh	8B	Toán (THCS)	THCS Nhật Tân	Xã Trường Tân
3575	Nguyễn Đức Thường	A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phạm Trấn	Xã Trường Tân
3576	Hoàng Diệu Châu	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quang Minh	Xã Trường Tân

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3577	Bùi Đỗ Tùng Lâm	7B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Minh	Xã Trường Tân
3578	Phạm Minh Quân	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Minh	Xã Trường Tân
3579	Phạm Bảo Phương	8B	Toán (THCS)	THCS Quang Minh	Xã Trường Tân
3580	Vũ Phương Anh	8C	Toán (THCS)	THCS Quang Minh	Xã Trường Tân
3581	Trần Quang Hải	8D	Toán (THCS)	THCS Quang Minh	Xã Trường Tân
3582	Nguyễn Nhật Minh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3583	Nguyễn Trí Hải Anh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3584	Phạm Nam Phong	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3585	Phạm Bích Thủy	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3586	Nguyễn Minh Nhật	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3587	Vũ Tuấn Lâm	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3588	Nguyễn Văn Việt Anh	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3589	Nguyễn Đặng Linh Trang	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3590	Nguyễn Ngọc Bảo Quyên	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3591	Đỗ Hùng Cường	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3592	Lâm Minh Quân	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3593	Nguyễn Kiên Cường	8C	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3594	Phạm Hữu Bảo Nguyên	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3595	Đặng Thị Hải Băng	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3596	Đặng Đức Hiệp	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3597	Lương Nguyễn Minh Đức	8B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3598	Trần Thị Bích Ngọc	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3599	Vũ Phùng Đức Anh	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3600	Bùi Trần Đại Phúc	8B	Toán (THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3601	Phùng Mạnh Tuyên	8B	Toán (THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3602	Nguyễn Gia Hưng	8B	Toán (THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3603	Nguyễn Sách Quang	8B	Toán (THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3604	Nguyễn Thanh Phong	8B	Toán (THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3605	Nguyễn Mạnh Hùng	8C	Toán (THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3606	Nguyễn Lê Hải Đăng	8C	Toán (THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3607	Nguyễn Thị Kiều Anh	8C	Toán (THCS)	THCS Phan Bội Châu	Xã Tứ Kỳ
3608	Nguyễn Phương Thảo	B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tứ Kỳ
3609	Đặng Phương Khánh	A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tứ Kỳ
3610	Nguyễn Thị Kim Ngân	B	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tứ Kỳ
3611	Nguyễn Tuyết Vân	A	Toán (THCS)	THCS Quang Phục	Xã Tứ Kỳ
3612	Phạm Minh Chiến	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3613	Nguyễn Đức Giang	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3614	Đỗ Vũ Nam Hải	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3615	Nguyễn Thu Thủy	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3616	Phạm Hùng Anh	8A	Toán (THCS)	THCS Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3617	Nguyễn Minh Châu	8A	Toán (THCS)	THCS Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3618	Trần Bảo Hân	8A	Toán (THCS)	THCS Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3619	Đặng Minh Dũng	8C	Toán (THCS)	THCS Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3620	Dương Hải Nam	11A	Hóa học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3621	Nguyễn Phương Oanh	11A	Hóa học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3622	Tăng Bảo Phúc	11A	Hóa học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3623	Hồ Hoàng Sơn	11A	Hóa học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3624	Phạm Kỳ Gia Nguyễn	11A	Hóa học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3625	Phùng Quang Thăng	11A	Hóa học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3626	Nguyễn Thị Mai Phương	11A	Sinh học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3627	Trần Thị Hải Hà	11A	Sinh học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3628	Nguyễn Minh Phương	11A	Sinh học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3629	Lê Ngọc Bích	11E	Sinh học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3630	Nguyễn Ngọc Ánh	11E	Sinh học (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3631	Phạm Quang Minh	11A	Toán (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3632	Vũ Tùng Lâm	11A	Toán (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3633	Lê Đức An	11A	Toán (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3634	Nguyễn Hoài Nam	11A	Toán (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3635	Vũ Quang Minh	11A	Toán (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3636	Nguyễn Ngọc Mạnh	11E	Toán (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3637	Trần Nam Khánh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3638	Nguyễn Thế Phương	11A	Vật lí (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3639	Vũ Lê Đức Anh	11A	Vật lí (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3640	Vũ Thanh Trúc	11E	Vật lí (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3641	Bùi Quang Minh	11E	Vật lí (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3642	Trịnh Hoàng Nhật Thiên	11E	Vật lí (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3643	Phạm Nguyễn Quỳnh Anh	11E	Vật lí (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3644	Vũ Nguyễn Ngọc Ánh	11E	Vật lí (THPT)	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ
3645	Phạm Đức Nguyên	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Cẩm Văn	Xã Tuệ Tĩnh
3646	Vũ Hoàng Hải	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Văn	Xã Tuệ Tĩnh
3647	Hà Quang Đại	8D	Toán (THCS)	THCS Cẩm Văn	Xã Tuệ Tĩnh
3648	Hoàng Long Nhật	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Vũ	Xã Tuệ Tĩnh
3649	Nguyễn Nam Phong	8C	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Vũ	Xã Tuệ Tĩnh
3650	Nguyễn Hoàng Anh	8D	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Cẩm Vũ	Xã Tuệ Tĩnh
3651	Nguyễn Phương Diễm Vân	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Cẩm Vũ	Xã Tuệ Tĩnh
3652	Nguyễn Tùng Lâm	8D	Toán (THCS)	THCS Cẩm Vũ	Xã Tuệ Tĩnh
3653	Cao Hải Vân	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Đức Chính	Xã Tuệ Tĩnh
3654	Nguyễn Đỗ Gia Bảo	8C	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Đức Chính	Xã Tuệ Tĩnh
3655	Trần Quốc Cường	8A	Toán (THCS)	THCS Đức Chính	Xã Tuệ Tĩnh
3656	Nguyễn Thu Phương	8B	Toán (THCS)	THCS Đức Chính	Xã Tuệ Tĩnh
3657	Phùng Đức Đăng	11A	Toán (THPT)	THPT Tuệ Tĩnh	Xã Tuệ Tĩnh
3658	Phạm Thị Ngọc Mai	11A	Toán (THPT)	THPT Tuệ Tĩnh	Xã Tuệ Tĩnh
3659	Phạm Hải Nam	11A	Toán (THPT)	THPT Tuệ Tĩnh	Xã Tuệ Tĩnh
3660	Phạm Minh Thu	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3661	Lê Khánh An	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3662	Kiều Thị Ngọc Hoa	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3663	Trần Đức Cường	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3664	Phạm Văn Duy	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3665	Nguyễn Hải Yên	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3666	Nguyễn Thị Kim Ngân	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3667	Nguyễn Văn Lộc	8A	Toán (THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3668	Nguyễn Thành Long	8A	Toán (THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3669	Hà Anh Quân	8A	Toán (THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3670	Vũ Trọng Gia Bảo	8A	Toán (THCS)	THCS Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại
3671	Nguyễn Thị Kim Ngân	8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3672	Nguyễn Thị Minh Châu	8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3673	Đỗ Thị Thanh Tâm	8	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3674	Hà Ngọc Linh	8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3675	Trần Công Nhật Anh	8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3676	Nguyễn Yến Nhi	8	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3677	Vũ Hà Giang	8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3678	Nguyễn Ngọc Hân	8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3679	Đào Phương Anh	8	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3680	Phạm Vân Trang	8	Toán (THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3681	Hà Thị Thủy Tiên	8	Toán (THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3682	Nguyễn Tuấn Thành	8	Toán (THCS)	THCS Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại
3683	Đỗ Đức Quyền	8A	Toán (THCS)	THCS Quyết Thắng	Xã Vĩnh Lại
3684	Đào Trần Quốc Bảo	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Tân Hương	Xã Vĩnh Lại
3685	Lee Hà Chi	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Hương	Xã Vĩnh Lại
3686	Nguyễn Bảo Nam	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Tân Hương	Xã Vĩnh Lại
3687	Bùi Thanh Tùng	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Hương	Xã Vĩnh Lại
3688	Hà Gia Linh	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Hương	Xã Vĩnh Lại
3689	Nguyễn Hồng Ngọc	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Tân Hương	Xã Vĩnh Lại
3690	Đào Mạnh Tiến	8A	Toán (THCS)	THCS Tân Hương	Xã Vĩnh Lại
3691	Đỗ Thị Minh Hằng	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại
3692	Đỗ Việt Thanh	8A	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại
3693	Nguyễn Minh Châu	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Trường	Xã, phường
3694	Đỗ Ngọc Dương	8B	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại
3695	Nguyễn Thảo Nguyên	8A	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại
3696	Mai Thu Thảo	8D	KHTN 3 (Sinh học - THCS)	THCS Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại
3697	Nguyễn Minh Khang	8C	Toán (THCS)	THCS Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại
3698	Lại Thị Ngọc Khánh	8C	Toán (THCS)	THCS Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại
3699	Nguyễn Tùng Dương	11A	Hóa học (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3700	Ngô Thị Xuân Mai	11A	Hóa học (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3701	Nguyễn Khánh Ngọc	11A	Sinh học (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3702	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	11A	Sinh học (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3703	Đỗ Thị Hồng Nhiên	11B	Sinh học (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3704	Nguyễn Thị Hải Anh	11B	Sinh học (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3705	Nguyễn Gia Tuệ	11A	Toán (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3706	Nguyễn Văn Hiếu	11A	Toán (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3707	Nguyễn Thị Huyền	11A	Vật lí (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3708	Nguyễn Ngọc Lâm	11A	Vật lí (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3709	Nguyễn Thị Thu Hà	11B	Vật lí (THPT)	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại
3710	Nguyễn Quốc Việt	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thống Nhất	Xã Yết Kiêu
3711	Trần Đức Minh	8B	KHTN 1 (Vật lí - THCS)	THCS Thống Nhất	Xã Yết Kiêu
3712	Trần Thanh Thủy	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thống Nhất	Xã Yết Kiêu
3713	Hoàng Yến	8A	KHTN 2 (Hóa học - THCS)	THCS Thống Nhất	Xã Yết Kiêu
3714	Phạm Tiến Đạt	8A	Toán (THCS)	THCS Thống Nhất	Xã Yết Kiêu
3715	Phạm Trang Thư	8A	Toán (THCS)	THCS Thống Nhất	Xã Yết Kiêu